

Số 257

# VĂN HÓA

## PHẬT GIÁO

Câu chuyện  
đầu năm học  
Tr. 4

Trẻ em cần  
chơi ngoài trời  
Tr. 46

Sao không tìm  
ngọn đèn?  
Tr. 20





ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



# Đêm hội Trung Thu 2016



THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



**TÔN HOA SEN**  
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



[www.facebook.com/hoasengroup.vn](http://www.facebook.com/hoasengroup.vn)

Truyền hình trực tiếp trên kênh



và tiếp sóng trên các kênh **VTV, YTV, SV, THBT, NTV**

Thời gian trực tiếp: Vào lúc 17g00

Ngày 11 tháng 09 năm 2016 (11/8 âm lịch)

Địa điểm:

**Nhà Văn Hóa Lao Động Tỉnh Nghệ An.**

Số 6 đường Lê Mao, Tp. Vinh, T. Nghệ An.

ĐƠN VỊ HỖ TRỢ







# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kèm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU  
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Tình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-8) 3 8484 335  
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo  
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-8) 35265 569  
Email: toasoanhpg@gmail.com  
Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản:  
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Câu chuyện đầu năm học (Nguyễn Cần)	4
Tổng quan về bia hậu ở Quảng Nam - Đà Nẵng (Đinh Thị Toan)	8
Dàn bát âm trên vòm trần Thiên vương Cổ sát (Lê Hải Đăng)	12
Thế nào là một dân tộc văn minh (Cao Huy Thuần)	14
Địa danh trong ca dao xứ Quảng (Phạm Tuấn Vũ)	17
Sao không tìm ngọn đèn? (Diệu Thảo)	20
Mắt từ trông chúng sanh (Nguyễn Thế Đăng)	24
Thiền phái Thảo Đường Đại Việt (Thích Thiện Nhơn)	26
Quan điểm folklore Việt Nam về tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm (Thích nữ Tâm Diệu)	29
Frank Lee Woodward - nhà phiên dịch kinh điển Phật giáo tại Úc châu (Thích Nguyễn Tạng)	32
Chủ trương thờ thần đất Việt và bài trừ mê tín của Phật giáo Hòa Hảo (Huỳnh Hoài)	34
Miến Điện và Phật giáo (Thích Như Điển)	38
Phật giáo Bắc tông Trà Vinh thời sơ khai và Hòa thượng Thích Thiện Trí, bậc cao tăng thạch đức (Thích Như Đạo)	42
Giảm hộp tăng làm (Nguyễn Hoàng Duy)	45
Trẻ em cần chơi ngoài trời (Cao Huy Hóa)	46
Bữa đại tiệc hủy diệt (Hồ Anh Thái)	48
Sợ mất mặt (Hoàng Tá Thích)	50
Thơ (Tánh Thiện, Tịnh Bình, Kim Long, Phan Thành Minh, Thanh Pháp, Trường Khánh, Nguyễn Thánh Ngã)	52
Đằng sau bài giảng (Nguyễn Trọng Hoạt)	54
Lòng trung thành (Trường Khánh)	56
Tám gương nơi phòng khách (An Viên)	58
Mưa về trên phố núi (Nguyễn Thánh Ngã)	59

**Bìa 1: Dã ngoại. Nguồn: shutterstock.com**

# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa có một niềm vui nhỏ, xin được chia sẻ cùng quý độc giả. Mới đây, một vị nữ Phật tử là Việt kiều đã biết VHPG từ lâu, đến tòa soạn tìm mua 50 số báo cũ để mang sang Mỹ tặng người thân. Trong lúc trò chuyện, vị nữ Phật tử này ngỏ lời khen ngợi cả nội dung lẫn hình thức của tờ báo, và khuyến khích tòa soạn cố gìn giữ thành quả đã đạt được. Hiển nhiên, chúng tôi không vui mừng vì bán được 50 tờ báo cũ, mà vì sự trân quý đối với tờ báo của một vị độc giả từ phương xa. Quả thật, đây là một sự việc đáng mừng của chúng tôi.

Một việc đáng mừng nữa là VHPG ngày càng có thêm nhiều cộng tác viên. Đặc biệt, hàng tháng chúng tôi đều nhận được bốn, năm chục bài thơ từ nhiều tác giả. Có những tác giả gửi cùng lúc cả chục bài thơ; và cũng có những bài thơ rất dài; hầu hết đều là những bài thơ có giá trị. Sau đó, cũng có nhiều vị gọi điện thoại đến hỏi thăm vì sao không thấy bài được đăng. Trước hết, chúng tôi xin cảm ơn thịnh tình của quý vị, đã dành cho VHPG nhiều ưu ái. Kế đến, chúng tôi cũng xin trả lời chung, rằng trang thơ thì có hạn và những bài quá dài thì khó được chọn đăng. Trung bình, mỗi số báo, chúng tôi chỉ có thể đăng được từ 6 tới 8 bài thơ. Như đã nói trên, dù là thơ gửi đến đều có giá trị, nhưng chúng tôi cũng phải phân bổ đều cho nhiều tác giả khác nhau xuất hiện lần lượt. Vì vậy, nếu thời gian chờ đợi lâu, cũng mong quý tác giả thơ thông cảm.


Nhân mùa Trung thu đang đến và cũng là mùa tựu trường của học sinh, chúng tôi xin gửi đến quý độc giả lời chúc một mùa Trung thu tươi vui và một năm học thành đạt đối với con em của quý vị.

Nguyện cầu Tam bảo gia hộ quý độc giả  
luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo







**Người nào trong nội tâm  
Không còn có phần hận  
Ắt vượt thoát ra khỏi  
Cả hữu và phi hữu.**

**(Kinh Tập, phẩm Rắn)**

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm





Nguồn: vietnamnet.vn

# Câu chuyện đầu năm học

NGUYỄN CÂN

## Nỗi buồn hoa phượng

Lại một năm học nữa vừa chính thức bắt đầu. Nói chính thức vì các cháu đã đi học rồi, học trước ngày khai giảng. Điều này nghe cũng ngỡ ngàng, cũng như các cháu phải biết chữ rồi mới vào lớp một, hay có người còn suy diễn giống việc làm quan rồi mới đi học... bở tức kiến thức. Một điều khác năm nay, mùa hè của các em dài hơn mọi năm vì Bộ Giáo dục chủ trương cho các em thực sự có những ngày nghỉ đúng nghĩa. Nói vậy chứ mùa hè dài ngắn còn tùy vào địa phương. Ví dụ như mùa hè ở Quảng Nam hay Đà Nẵng dài hơn mùa hè Hà Nội đến mấy tuần khiến nhiều phụ huynh bức xúc!

Nay thì vừa bước vào năm học mới. Ngón ngang bao chuyện - mà điều gây âu lo nhất có lẽ là về các khoản tiền sẽ phải đóng. Nhiều phụ huynh không tránh khỏi mất ngủ những ngày đầu tháng 9 mỗi năm. Rồi còn đó những trăn trở về việc không áp dụng điểm số đánh

giá bậc tiểu học; việc áp dụng mô hình dạy và học mới ở Việt Nam, viết tắt là VNEN (Vietnam Escuela Nueva). Thậm chí có địa phương như Nghệ An, Hà Tĩnh, nhiều phụ huynh kéo đến trường kịch liệt phản đối vì cho rằng học theo VNEN, các học sinh ngồi không đúng tư thế, vẹo cột sống, giảm thị lực (?), hạn chế năng lực tiếp thu, đặc biệt là với những em trình độ yếu. Nhiều dư luận trái chiều về vấn đề này khi có người cho rằng đây là mô hình tiên tiến, rất thành công ở nhiều nơi... Mô hình này lấy học sinh làm trung tâm trong khi giáo viên chỉ là người hướng dẫn; nội dung học liên quan đến cuộc sống hàng ngày; học sinh được phân thành nhóm có mức phát triển tương đồng...

Nhưng có nhà giáo dục nào khi đưa ra chủ trương, kế hoạch gì hỏi xem, tìm hiểu xem đối tượng được nhắm đến có thích thú, có hưởng ứng hay không? Ở đây là các học sinh. Chúng ta đã lãng quên các em?



Thế nên có người nêu ý kiến: “Điều đầu tiên tôi hỏi lại con là có thích VNEN hay không, cụ thể là có thích ngồi theo nhóm, được “trao đổi” với các bạn cùng nhóm mà không bị ghi vào sổ đầu bài không? Có thích gọi bạn lớp trưởng là Chủ tịch hay không? Có thoải mái với cách dạy của thầy cô trên lớp?” (Đồng Kinh - báo VHTT ngày 29/8/2016).

Nghĩa là phải lấy học sinh làm trung tâm cho mọi quyết sách liên quan đến giáo dục. Chúng ta không thể nghĩ giùm, làm hộ các em hay thậm chí tưởng tượng ra cái chương trình các em cần phải học mà không quan tâm đến phản hồi của các em.

### **Tâm sự thầy cô**

Ấy là nói chuyện trò, sang chuyện thầy cũng đầy ắp “tâm trạng”. Ngoài những bản khoản thường niên như chuyện học hành, phân lớp, đánh giá thì nổi cộm lên trong năm học này là chuyện dạy thêm, cụ thể là ở TP.HCM. Trong khi Thông tư 17 của Bộ Giáo dục và Quyết định 21 trước đây của Ủy ban Nhân dân thành phố cho phép thì vừa qua, UBND thành phố đã kiến nghị Bộ thay đổi Thông tư 17 nhằm cấm dạy thêm nhưng Bộ từ chối, và cho biết việc cấm hay cho phép là tùy từng địa phương. Thế nên giáo viên TP mới bức xúc. Rất nhiều giáo viên đã lên tiếng trên mạng, trên báo... Tựu trung, họ nhấn mạnh đến ba vấn đề:

*Thứ nhất:* Nhu cầu học thêm là có thật. Một số em học kém, mất căn bản, theo không kịp bài trên lớp cần học và làm bài tập nhiều hơn. Ngoài ra chương trình những lớp cuối cấp như lớp 9 hay lớp 12 khá nặng, các em cần học nhiều giờ ở ngoài hơn mới đủ sức đáp ứng đòi hỏi kiến thức và kỹ năng của kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông (có thể dùng để xét tuyển vào đại học).

*Thứ hai:* Là cuối giờ học, nhất là bậc tiểu học, học sinh thường tan trường vào lúc 16g hoặc 16g30. Nhưng giờ đó nhiều phụ huynh không thể đến đón con, họ gửi con tại trường đến 17g30 hoặc trễ hơn. Và có trường “tổ chức cho các em học tập trong thời gian này: em nào thích hoạt động thì học võ thuật, cầu lông, aerobic..., em nào không thích hoạt động thì ngồi trong lớp, giáo viên sẽ hướng dẫn các em ôn bài đã học trong ngày” (Trường Tiểu học Thực hành Sư phạm Phan Đình Phùng, quận 3), hay “... nhà trường tổ chức các câu lạc bộ bóng đá, bóng rổ, đàn tranh, cờ vua, rèn chữ giữ vở... cho học sinh tham gia tùy vào sở thích và năng khiếu của các em” (Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, quận 1).

*Thứ ba:* Tại sao bác sĩ được mở phòng mạch, làm thêm ngoài giờ mà giáo viên lại bị cấm dạy thêm. Mặc dù họ cũng hiểu lý do tại sao lãnh đạo thành phố muốn cấm dạy thêm - học thêm trong trường phổ thông. “... đầu đó cũng có trường hợp giáo viên ép học sinh phải học thêm với mình; hoặc có trường đã yêu cầu

học sinh phải học thêm, mặc dù các em không có nhu cầu. Điều này gây bức xúc không ít cho phụ huynh, học sinh và xã hội. Tuy nhiên, *đó chỉ là vài trường hợp cá biệt*” (Ông Nguyễn Văn Lợi, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Thực hành Sư phạm Phan Đình Phùng, Q.3, TP.HCM - phát biểu tại buổi khảo sát của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng Nhân dân TP.HCM về tình hình dạy thêm, học thêm vào chiều 23-8). “Tôi cho rằng trước một vấn đề nên nhìn đến cái chung, đến số đông những nhà giáo tâm huyết, chứ đừng nhìn vào vài trường hợp riêng lẻ. Lệnh cấm như một sự đánh đồng tất cả giáo viên dạy thêm đều ‘không ra gì’. Vì vậy, quyết định không cho dạy thêm trong nhà trường là chưa thuyết phục, gây tổn thương, ảm ức cho đội ngũ giáo viên” (Cô Nguyễn Thị Thu Cúc - Phó Hiệu trưởng Trường Nguyễn Bình Khiêm). Các nhà giáo bênh vực việc dạy thêm cho rằng hoạt động này vừa đáp ứng nhu cầu của học sinh cần được ôn tập, rèn luyện kỹ năng, vừa giúp tăng thêm thu nhập cho giáo viên. Mà thu nhập giáo viên hiện nay trôm trèm từ 3 đến 5 triệu thì làm sao kham nổi với vật giá tại những thành phố lớn, thậm chí nông thôn, chưa kể ốm đau, bất trắc trong đời sống, nói gì đến việc nâng cao trình độ chuyên môn. Và hoạt động này không chỉ nâng cao đời sống cho những giáo viên trực tiếp đứng lớp, mà còn giúp tăng thu nhập cho tất cả cán bộ, nhân viên (qua quỹ phúc lợi); giúp chi tiền thưởng trong các dịp lễ Tết.

Ngoài ra, phải thừa nhận rằng học phí ngoài giờ trong trường thường rẻ hơn so với các trung tâm bên ngoài. Họ mong rằng các cấp lãnh đạo đừng xem việc dạy thêm là một tệ nạn mà là một việc bình thường. Họ cho rằng không học thêm rất khó đậu vào đại học, và việc cấm dạy thêm trong nhà trường phổ thông sẽ làm sụt giảm chất lượng giáo dục của thành phố vì vẫn còn rất nhiều những nhà giáo đi dạy thêm là vì học trò chứ không hẳn vì miếng cơm manh áo. Về điểm này cũng có những tranh luận, khi có người nêu vấn đề “Vậy giáo dục ở Việt Nam là hàng hóa hay phúc lợi?”. Chúng ta nghĩ gì khi người dân phải bỏ tiền cho con học chính khóa rồi học thêm trong khi vẫn luôn tuyên bố đó là sự nghiệp chăm lo cho thế hệ mai sau của nhà nước?

Câu chuyện này đến nay vẫn chưa có hồi kết...

### **Vòng xoáy giáo dục**

Không hiểu nên gọi là vòng xoay hay vòng xoáy vì mỗi năm chúng ta thi vào đại học một kiểu khác nhau, và năm nào cũng cuốn thí sinh cùng phụ huynh vào vô số chuyện dở khóc dở cười!

Cách đây một năm, chúng tôi đã nhận định về kỳ tuyển sinh đại học năm 2015 như là một “đấu trường sinh tử” với tất cả ưu khuyết điểm của nó trong bài viết “Thí nghiệm giáo dục” mà thiết nghĩ cần phải trích lại một đoạn để xem năm nay (2016) mình có tránh được vết xe đổ không?



"Mục tiêu của kỳ thi THPT quốc gia năm nay (2015) như đã nói trên là tiết kiệm được một kỳ thi nữa cho nhà nước và nhân dân. Tuy nhiên, những ngày qua người dân chỉ thấy tốn kém và đau đầu thêm: bao nhiêu em cùng cha mẹ từ quê ra thuê trọ mấy ngày ở thành phố để nộp, rút hồ sơ, xong lại chạy sang trường khác để nộp rút, tốn kém sao kể?"

Nhiều cơ quan ngôn luận yêu cầu Bộ Giáo dục Đào tạo phải có một lời xin lỗi. Đềm qua, 21 tháng 8 năm 2015, Bộ trưởng Bộ GDĐT cũng đã lên tiếng thừa nhận trách nhiệm để "một bộ phận" thí sinh và phụ huynh tất tả ngược xuôi và hứa rút kinh nghiệm tổ chức kỳ thi được tốt hơn trong



những năm tới. Nhưng với những gì thực tế diễn ra, chúng tôi nghĩ Bộ GDĐT cần phải thành tâm hơn với một lời xin lỗi sâu sắc hơn chân thành hơn vì không chỉ "một bộ phận" mà có đến hàng trăm ngàn thí sinh và ngàn ấy phụ huynh đã trải qua những ngày tháng kinh hoàng!

Bộ GDĐT chỉ ra nguyên nhân chính là việc thí sinh thay đổi nguyện vọng liên tục; thời gian đăng ký kéo dài 20 ngày; thí sinh có 4 nguyện vọng để đăng ký xét tuyển trong một trường... Nhưng thử hỏi vì sao các em lại làm như thế? Liệu rằng chúng ta có phải tìm lại nguyên nhân của "mọi nguyên nhân" là chính sách, là đường lối, là triết lý giáo dục" (NC - Thí nghiệm giáo dục - VHPG tháng 8-2015).

Năm nay thì sao? Nếu năm ngoái lùm xùm chuyện thay đổi nguyện vọng chọn trường, gây nên hiện tượng "rút ra nộp vào"; năm nay là chuyện trường nào cũng tuyển không đủ số sinh viên theo chỉ tiêu.

Kết thúc xét tuyển đợt 1, lần đầu tiên các trường tốp trên thiếu thí sinh trầm trọng. Bước vào đợt xét tuyển bổ sung, các trường thi nhau hạ điểm để mong tuyển đủ cả ngàn chỉ tiêu nên phát sinh nghịch lý thí sinh điểm cao vẫn trượt, thí sinh điểm thấp lại đỗ. Đường như đối mới tuyển sinh đang ngày càng rối hơn! Ông Nguyễn Đức Hình, Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội nhận định, đây là lần đầu tiên Đại học Y xảy ra hiện tượng này. Theo ông "Phương thức tuyển sinh năm 2015 vẫn là khả thi hơn cả(!!!); dù có một chút xáo trộn nhưng thí sinh cuối cùng vẫn chọn được ngành mình thích và các trường không lo ảo".

Còn năm nay, các trường tốp trên đau đầu vì lọc ảo, các trường tốp dưới lo sợ vì không tuyển đủ chỉ tiêu thì các thí sinh lại phải dẫn đo giữa lựa chọn trường tốp trên với rủi ro cao hơn rất nhiều và lựa chọn trường tốp dưới không được như ý muốn. Năm nay, Bộ không bắt buộc các trường quy định điểm chuẩn đợt sau phải cao hơn đợt trước khiến cho cuộc chiến giành sinh viên càng gay gắt hơn.

Trước hiện tượng này, Thứ trưởng Bộ GD-ĐT Bùi Văn Ga cho biết: "Trước mắt các trường phải thực hiện đúng quy chế tuyển sinh, không cho phép bất kỳ thí sinh nào được rút giấy chứng nhận kết quả để tránh sự lộn xộn. Sau khi đã làm xong công tác tuyển sinh, nếu trường thấy cần thiết phải điều chỉnh một số trường hợp trong nội bộ của chính trường mình thì có thể báo cáo để Bộ xem xét".

Có thể thấy, đợt tuyển sinh năm nay đã bộc lộ khá nhiều bất cập như tỷ lệ ảo nhiều, thí sinh đạt điểm cao vẫn trượt, trong khi tuyển sinh đầu vào các trường giảm chất lượng.

Các nhà giáo dục cho rằng việc hạ điểm sẽ mang lại nhiều hệ lụy. Thứ nhất, gây sự mất công bằng cho các thí sinh. Thứ hai, ảnh hưởng tới những trường cùng tham gia tuyển sinh chung với mình, gây rối loạn hệ thống. Việc Bộ có ý cho các trường sau này có thể



điều chỉnh hồ sơ giữa các ngành trong trường cũng sẽ rất bất hợp lý. Nhiều chuyên gia phân tích nếu điểm chuẩn đợt xét tuyển bổ sung quá thấp, chênh lệch đến 2-3 điểm so với điểm chuẩn đợt 1 thì sẽ hình thành hai mặt bằng trình độ khác nhau của sinh viên trong cùng một ngành học, đồng thời ảnh hưởng đến thương hiệu và chất lượng đào tạo của trường. Đó là chưa kể tỉ lệ ảo của đợt bổ sung này rất lớn, do thí sinh được đăng ký cùng lúc ba trường. Như vậy chúng ta thấy những đổi mới tuyển sinh trong hai năm qua chưa thực sự hiệu quả, mà chỉ dừng ở chỗ vì muốn đổi mới phương thức tổ chức thi và làm theo kiểu sai đâu, sửa đó (trial and error), chứ chưa cải tiến phương thức kiểm tra, đánh giá học sinh một cách căn bản, chính xác.

### **Khoảng trống sau lưng - chân trời phía trước**

Trở lại vấn đề của mọi vấn đề: chúng ta thiếu hay không có một triết lý giáo dục vững vàng, một chiến lược phát triển giáo dục căn cơ, một dự án nghiêm chỉnh xuyên suốt, một hệ thống thi cử đồng bộ, thống nhất từ thấp đến cao. Chưa kể những sai lầm trong hoạch định như chúng ta cần bao nhiêu lao động cao cấp, trung cấp, sơ cấp; bao nhiêu thầy, bao nhiêu thợ... Hãy nhớ rằng vì thiếu chiến lược tổng thể nên người ta đã cho phép các trường đại học mở ra tràn lan, số lượng đầu ra thừa, chất lượng kém; dẫn đến hơn 200 nghìn cử nhân thạc sĩ hoặc phải làm những việc không đúng với chuyên môn đào tạo hoặc thất nghiệp, gây lãng phí rất lớn cho gia đình và xã hội! Đại học từ lâu đã không còn là con đường duy nhất vào đời nhưng học sinh không có những lựa chọn khác? Chúng ta đào tạo bằng những gì mình có thể làm mà không quan tâm đến nhu cầu thực sự của xã hội. Chưa kể chương trình đã lạc hậu, chú trọng nhồi nhét kiến thức nhiều hơn là phát huy sáng tạo, nghiên cứu khoa học như các trường đại học trên thế giới. Khuyến hướng trọng bằng cấp, xem nhẹ thực học lây lan nhanh trong mọi tầng lớp thanh niên. Họ không chú tâm tìm tòi cái mới, chỉ giỏi sao chép, vụng về hay khéo léo, từ bài làm trong lớp đến luận văn tốt nghiệp.

Thực trạng cung lớn hơn cầu được thể hiện rất rõ qua nhu cầu tuyển sinh lần này cũng là hệ lụy của nhiều năm trước tích lũy lại. Có người đã cảm thán: "Xót xa thay, đại học bây giờ chỉ là... học đại. Tấm bằng cử nhân không còn là niềm tự hào mà đã trở thành gánh nặng vô hình đè lên suy nghĩ của những người sở hữu nó là phải được coi trọng, được trọng dụng... nhưng thực tiễn xã hội đã dội những gáo nước lạnh vào suy nghĩ ấy khiến không ít bạn trẻ rơi vào khủng hoảng (Trương Khắc Trà - *Sự khác biệt đại học xưa và nay* - [www.giaoduc.net.vn](http://www.giaoduc.net.vn)).

Để đại học hết "học đại" cần rất nhiều nỗ lực không chỉ từ ngành giáo dục mà còn từ quyết tâm của chính quyền và toàn xã hội, và phải xem là quốc sách hay

chiến lược con người. Nói cụ thể, là phải xây dựng nền quốc học từ nền móng ban đầu trên một chiến lược tổng thể gồm dạy Người, dạy nghề, dạy chữ... từ cấp mẫu giáo cho đến sau đại học.

Về mặt tổ chức, chúng ta tự hào nền giáo dục chúng ta theo định hướng XHCN nhưng nhìn sang Thái Lan hay Malaysia, chúng ta thấy nền giáo dục của họ mới chính là hình ảnh bước đầu của CNXH khi miễn toàn bộ học phí cho học sinh đến hết bậc trung học phổ thông. Học sinh không phải đóng bất kỳ một khoản phí nào và cha mẹ không có lý do gì để không cho con em mình đi học. Họ sẽ bị trừng phạt nếu để con mình thất học!

Một xã hội có văn hóa phải bắt đầu từ giáo dục cấp thấp nhất. Từ đó xây dựng nên nền Quốc học. Nói về quốc học, cụ Phan Khôi ngày xưa khẳng khái nhìn nhận: "*Sự học tức là sự tri thức, nó chuyên khuyến hướng về lý trí mà không nên xen vào một chút tình cảm... nghĩa là phải thành ý. Khi nói về cái học của một người đã vậy thì khi nói về cái học của một nước cũng vậy. Nếu nước ta quả không có quốc học thì dầu nó là một sự nhục cho mình đi nữa cũng phải chịu, không nên vì tình cảm mà nói có, cho thành ra dối mình. Dối mình là một cái hại lớn lắm, cho người cũng như cho nước. Bởi vì, nếu không mà nói có, ai nấy tin rằng có, sẽ sanh ra lòng tự phụ, mà tự phụ một cách hư ngụy, rồi không lo tu tấn nữa, nhưn đó coi học trong nước lại càng tối tăm thêm.*"

*Do lẽ ấy, trước khi muốn người nước mình bắt đầu từ ngày nay lập nên một nền học thuật, chúng tôi phải khai thiết ra cho ai nấy biết cái tình hình trong cõi học nước ta từ trước ra thế nào; thấy không có thì chúng tôi phải nói không có, đó là chỗ trung hậu thành khẩn của chúng tôi, cũng như một nhà kia, ông cha nghèo thì phải khai thiết là nghèo, không có một cục đất nào thì phải khai thiết là không có một cục đất, hầu cho con cháu lo mà làm ăn vậy"* (Phan Khôi - *Luận về quốc học* - Phụ nữ tân văn, Sài Gòn, s.94 ngày 6.8.1931, Đông tây, Hà Nội, s.96 ngày 12.8.1931, s.97 ngày 19.8.1931).

Nay chúng ta phải thừa nhận là nước ta vẫn chưa có nền quốc học hoàn chỉnh, đồng bộ, thống nhất và vững vàng. Triết lý giáo dục của chúng ta vẫn là một bầu trời mông lung huyền ảo, nhiều mây và thiếu những ngôi sao định hướng. Thiếu cả một khẩu hiệu để làm "motto" cho chúng ta. Đã có thời chúng ta nêu lên là "khai phóng, nhân bản và dân tộc", vậy thì nếu chúng ta không hoặc chưa nghĩ ra một phương châm nào khác để thúc giục mình thấp sáng bầu trời mờ ảo kia trên bước đường xây dựng, kiến thiết lại nền giáo dục hay nền quốc học, với một triết lý minh định, vững vàng thì sao không dùng lại?

Đừng ngồi đó mà trần trờ:

*"Tôi khóc những chân trời/ không có/ người bay/ Lại khóc những người bay/ không có/ chân trời"* (Trần Dần).

Khi chân trời còn xa phía trước mà chúng ta lại chẳng chịu bay. ■



# Tổng quan về bia hậu ở Quảng Nam - Đà Nẵng

Bài & ảnh: ĐINH THỊ TOAN

**B**ia được dịch từ chữ Hán 碑, âm Hán Việt là “bi”. Theo như lịch sử cho biết thì bia xuất hiện từ thời Tây Chu ở Trung Quốc, nhưng ban đầu chỉ mang ý nghĩa là cột đo bóng mặt trời, hoặc là cột đá để buộc vật tế sinh, về sau mới có lệ khắc bài văn lên mặt bia. Ở Việt Nam, không rõ bia xuất hiện từ thời nào, nhưng trải qua các triều đại phong kiến, nó trở thành một nét văn hóa trong đời sống sinh hoạt của nhân dân. Bia được dựng ở nhiều nơi như đình, chùa, đền, miếu, từ đường, nhà thờ tiền hiền, văn từ, văn chỉ, lăng, mộ... thậm chí là ở chợ, cầu, bên cạnh đê, đập, sông, suối. Tùy vào nội dung văn bia mà người ta dựng ở địa điểm cho phù hợp. Ví như bia nói đến việc trùng tu chùa thì được dựng trong sân chùa, bia nói đến việc xây dựng lăng/mộ thì được dựng trước/trong lăng/mộ. Hay như văn bia khắc việc tuyên dương người tốt việc tốt trong làng xóm thì thường được dựng ở đình làng, nơi được coi là trung tâm sinh hoạt của cộng đồng làng xã... Có một loại bia, mà tùy theo yêu cầu của cá nhân hoặc cộng đồng, sẽ được dựng ở địa điểm nhất định. Đó là bia hậu. Vậy bia hậu được hiểu như thế nào?

## 1. Bia hậu và nội hàm khái niệm

Mặc dù bia hậu chiếm số lượng đáng kể trong khối lượng văn bia Hán Nôm Việt Nam, nhưng các công trình nghiên cứu về nó không nhiều. Các nhà học thuật cũng chưa có ý kiến thống nhất về nội hàm khái niệm của loại bia này. Có hai quan điểm: Một cho là bia hậu để chỉ loại bia mà nội dung nhắc đến việc bầu/lập/mua hậu Thần/Phật<sup>1</sup>. Quan điểm thứ hai cho rằng, bia hậu là để chỉ chung loại bia hậu Thần/Phật và bia gửi giỗ.

Phạm Thùy Vinh trong bài viết “Lệ bầu hậu của người Việt qua tư liệu văn bia” khi giới thiệu một tấm bia gửi giỗ niên đại Hồng Đức thứ 10 (1479) đã cho rằng tấm bia ấy không phải là bia hậu vì không có chữ hậu và không có những quy định của làng xã phải cúng tế những người gửi giỗ như thế nào. Trần Kim Anh, Dương

Thị The, Phạm Thị Thoa trong những bài viết khác nhau cũng cho rằng bia hậu là định danh để chỉ loại bia khắc việc lập/bầu/mua hậu Thần/Phật<sup>2</sup>. Tác giả Trần Kim Anh khẳng định, “... xét kỹ nội dung văn bia, có thể thấy hình thức gửi giỗ và hình thức lập hậu khác biệt nhau ở chỗ, thân chủ gửi tiền hoặc ruộng để nhà chùa sử dụng số tiền của đó làm giỗ lâu dài cho thân nhân họ, hoặc chính bản thân họ sau khi qua đời, chứ không đóng góp tiền của để làm công đức, họ không được tôn bầu là Hậu và chỉ được nhà chùa theo đúng ngày giỗ làm giỗ cho chứ không được hưởng các quyền lợi khác như Hậu, do đó loại bia này không thể được coi là bia hậu<sup>3</sup>.”

Thế nhưng trong dân gian, bia hậu được hiểu theo một cách khác có tính phổ biến hơn, nó là định danh để chỉ bao hàm những bia hậu Thần/Phật và cả loại bia gửi giỗ. Giáo sư Hà Văn Tấn trong “Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam” đã có đoạn diễn giải về tập tục gửi giỗ vào chùa như thế này: “Một hình thức thờ tự khác gắn với các chùa Việt Nam là ‘thờ hậu’. Hình thức này có mối liên hệ với tập tục thờ cúng tổ tiên đã hình thành lâu đời ở người Việt Nam. Con cháu phải thờ cúng tổ tiên, và những người chết phải được con cháu đang sống thờ cúng. Thật đau khổ và bất hạnh cho những ai không có con cháu để thờ cúng mình sau khi chết. Vì thế, nhiều người không có con muốn được thờ cúng sau khi chết, đã tìm đến nhà chùa. Họ đóng góp cho chùa

một số tiền hay ruộng đất và xin nhà chùa cúng lễ họ sau khi chết. Sự thờ cúng đó gọi là thờ ‘hậu’ (hậu - có nghĩa là sau, tức thờ cúng sau khi chết, thay cho những người hậu tự, tức con cháu nối dõi). Ruộng đất của những người này cúng vào chùa được gọi là ruộng ‘hậu’. Trong nhiều chùa, có bàn thờ ‘hậu’ - thường là một hành lang với những bát hương, đặt trước những tấm bia đá, gọi là bia ‘hậu’, trên đó khắc rõ tên tuổi, quê quán của những người, thường là cả vợ và chồng, cùng với số tiền hoặc ruộng họ đóng vào chùa và yêu cầu được thờ ở chùa. Những bài văn bia này mang tính chất những bản





*'hợp đồng'. Có nhiều chùa có rất nhiều bia hậu<sup>4</sup>.*

Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khánh cũng đề cập đến tục này trong công trình khoa học của mình: *"... còn có một thực tế là khá nhiều gia đình, hoặc chỉ để toàn con gái, hoặc không có con. Đây là chuyện thuộc quy luật tự nhiên, con người không can thiệp được. Nếu những người con gái không giải quyết được vấn đề thờ tự, thì người ta có hai cách xử lý: một là nuôi con nuôi để có người nhang khói về sau (trong xã hội xưa nay, đã có nhiều nghĩa cử rất tốt về vấn đề này); hai là, người ta có phong tục gửi hậu, tức là: ông bà nào không có con, có thể xin làm một việc công ích nào đó cho làng hoặc gửi tiền hoặc gửi ruộng và làng sẽ có nhiệm vụ thờ cúng người đã khuất. Như vậy vẫn đảm bảo 'ngọn khói chân nhang'. Như thế là không tuyệt tự<sup>5</sup>.* Tục tục thờ hậu và bia hậu mà hai nhà nghiên cứu trên nhắc đến chính là hình thức gửi giỗ, đi kèm với nó là bia gửi giỗ. Chúng tôi cho rằng, bia gửi giỗ cũng là một hình thức của bia hậu, tất nhiên giữa nó với bia hậu Thần/Phật có những điểm tương đồng và dị biệt.

Bia hậu Thần/Phật thường có bố cục chung *"... trước tiên là tên làng xã ở thời điểm dựng bia, sau đến họ tên, quê quán, công trạng của vị hậu, tiếp đến là những quy ước của làng với vị hậu, phần cuối là ngày tháng năm dựng bia; phía góc trái ghi họ tên người soạn, người viết, người khắc<sup>6</sup>.* Tuy nhiên, thực tế có những bia chỉ ghi thông tin họ tên người được bầu hậu Thần/Phật mà thôi, ví dụ bia hậu Phật ở xã Lỗ Giao, tổng Cổ Lũy, huyện Đông Anh, tỉnh Phước Yên<sup>7</sup>; hoặc bia có nhiều mặt thì mặt trước trình bày theo công thức chung trên, còn mặt sau đưa thêm thông tin về danh tính vị hậu, như bia hậu ở thôn Nha Cưu, xã Lương Quán, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn<sup>8</sup>, bia hậu Phật ở thôn Cự Lộng, xã Lạc Đạo, tổng Lạc Đạo, huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương<sup>9</sup>. Trong khi đó, bia gửi giỗ không có phần nêu công trạng của vị hậu cũng như cam kết cụ thể, rõ ràng về vấn đề giỗ, chỉ cho biết họ tên, ngày chánh kỵ (ngày giỗ chính thức) mà thôi. Nhiều bia còn không có thông tin cụ thể về ngày chánh kỵ.

Thứ nữa, ở văn bia hậu Thần/Phật, phần cam kết có thể được thực hiện khi họ còn sống. Tác giả Trần Kim Anh sau khi có sự tham cứu một số lượng lớn thạc bản loại văn bia hậu này đã thấy rằng, *"Nếu họ [tức vị hậu Thần/Phật - ĐTT] còn sống, mỗi khi làng có cúng tế, họ hoặc những người thân (tùy theo sự thỏa thuận và đồng ý của làng) sẽ được nhận phần biếu của làng theo quy định"*. Điều này khác với văn bia gửi giỗ, việc cúng tế thờ tự chỉ được thực hiện khi người ấy đã mất đi.

Về địa điểm dựng bia hậu, bia hậu Thần/Phật được dựng ở đình, đền, chùa, miếu... Bia gửi giỗ cũng như thế, nhưng có điều, ngoài những cơ sở tín ngưỡng trên, bia gửi giỗ còn có mặt ở nhà thờ tộc, trong khi đó, bia hậu Thần/Phật không xuất hiện ở đây.

Dù khác biệt nhau ở vài điểm như chúng tôi đã nêu trên, nhưng suy cho cùng, mục đích cuối cùng của bia hậu Thần/Phật và bia gửi giỗ là ở chỗ bảo đảm việc thờ tự hương khói chẳng dứt, nói theo chữ nghĩa dân gian là

*"có hậu"*. Cho nên, theo quan điểm cá nhân, chúng tôi cho rằng, bia gửi giỗ dù không xuất hiện từ *"hậu"* và không có cam kết thờ tự giữa nơi thờ và đối tượng được thờ, vẫn là một hình thức của bia hậu, bên cạnh bia hậu Thần/Phật.

## **2. Bia hậu ở Quảng Nam - Đà Nẵng**

Theo thống kê của Nguyễn Ngọc Quỳnh về bia hậu thế kỉ XVII - XVIII ở một số địa phương miền Bắc<sup>10</sup> thì bia hậu tập trung ở các tỉnh như Bắc Ninh (80 bia), Hải Dương (50 bia), Hà Đông (46 bia), Bắc Giang (30 bia), Hưng Yên (30 bia), Kiến An (24 bia)... Qua đây thấy được, tục lập bia hậu ở miền Bắc khá phổ biến.

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, bia hậu xuất hiện không nhiều. Về bia hậu Thần/Phật, hiện mới chỉ thấy có một bia hậu Thần dựng năm Minh Mệnh thứ 9 (1828). Nội dung văn bia cho biết, người dân châu Hà Trưng lập ông Nguyễn Văn Chất, tước Suất Thường hầu, cùng con ông này là Nguyễn Văn Thảo, tước Hiếu Tài hầu, làm hậu Thần. Ông Nguyễn Văn Thảo tự xuất của cải, đất đai giao cho bốn châu chi dụng canh tác để cúng tế, phụng sự việc kỵ lập hai cha con ông<sup>11</sup>.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý đến một bia khác có niên đại năm Ất Mùi niên hiệu Thành Thái thứ 7 (1895). Đây là bia xã Thăng Lộc, tổng An Lễ Thượng, huyện Duy Xuyên, nội dung nói về việc xã này từ xưa những người hào phú hiếu nghĩa, lạc quyên tài vật nhưng chưa từng được lưu danh hậu thế, nay ông hương thân họ Phan hiếu nghĩa, lạc quyên 2 mẫu 5 sào 7 thước 5 tấc tư điển, trị giá 235 quan tiền cho binh dân bốn xã chi dụng. Để cổ vũ tinh thần hiếu nghĩa của hậu thế, xã này nhất trí phối thờ bài vị ông này ở ban thờ hậu hiền sau khi ông mất<sup>12</sup>. Tuy không có cam kết rõ ràng như những bia hậu hiền khác ở miền Bắc, nhưng ở đây có thể thấy hơi hướng của một bia hậu hiền. Và đây là trường hợp chưa thấy ở một làng xã nào ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Riêng về bia gửi giỗ, hiện chúng tôi chưa có số liệu thống kê chính xác, nhưng con số đoán định không vượt quá 10 bia. Nguyễn Hoàng Thân trong luận án tiến sĩ *"Nghiên cứu văn bia Hán Nôm tỉnh Quảng Nam"* ở tiểu mục *"Văn bia Hậu và tục bầu Hậu ở Quảng Nam - Đà Nẵng"* có đưa ra con số *"... 252 đơn vị văn bia có nội dung bàn đến vấn đề này"*<sup>13</sup>, nhưng theo chúng tôi, tác giả đã có sự lầm lẫn khá lớn khi đưa vào đây những bia liên quan đến tiền hiền, hậu hiền. Đành rằng ở phần chú thích, tác giả có nói hai chữ hậu hiền ở đây *"... khác với Hậu hiền gắn với việc thờ tự ở văn từ, văn chỉ của miền Bắc"*<sup>14</sup>, nhưng nếu thế thì không thể đưa vào phần văn bia hậu được. Vì rõ ràng, bia hậu hiền với tư cách là bia hậu dùng để chỉ những bia có nội dung nói đến việc mua/lập/bầu người nào đó vào vị trí đứng sau các bậc tiền hiền<sup>15</sup>.

Ở thành phố Đà Nẵng, hiện chúng tôi mới chỉ phát hiện thấy có một tấm bia gửi giỗ, hiện tọa lạc tại chùa Tam Thai (phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn) ở vị trí trên cổng tam quan, nơi ít người để ý thấy. Bia có kích thước cao 52cm, rộng 38cm, dày 12cm, hình chữ nhật đứng, vát

góc hai bên trán, không có hoa văn trang trí và chỉ khắc một mặt. Văn bia cho biết: *Đệ tử Lại Thị Khuê, pháp danh Chơn Quế ở xứ Bà Bôi, châu Nhân Bôi, tổng Mỹ Khê, huyện Duy Xuyên, phủ Điện Bàn phụng cúng tạo bia đặt việc tế tự tại chùa Tam Thai, giao 200 quan tiền mỗi năm kị tế vào hai kì xuân thu. Ngày 19 tháng 2 kị xuân, ngày mồng 6 tháng 8 kị thu (...). Ngày tháng 4 năm Kỷ Mùi, Hà Thị Tăng cúng 60 quan tiền, tổng cộng trước sau 260 quan, mua 1 sào 5 thước ruộng tại xứ cát trắng xã Quán Khái đặt làm ruộng tế tự tổ tiên.* Những người được gửi giỗ bao gồm ông bà nội, cha mẹ, chú ruột, cô ruột, chị em ruột, con trai ruột và con nuôi của bà Lại Thị Khuê. Bia dựng năm Giáp Ngọ niên hiệu Thành Thái thứ 6 (1894). Qua văn bia này có thể thấy, gia đình họ Lại không có con trai lo liệu hương hỏa, những người con gái khác cũng đã mất, nên người còn lại là bà Khuê phải gửi giỗ vào chùa để khói nhang cho tiên linh nhà họ Lại.

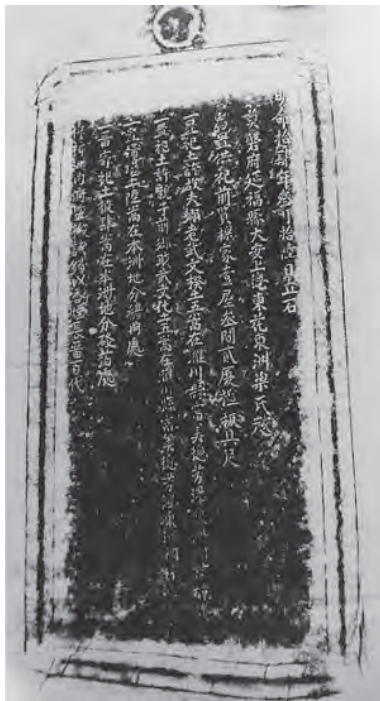
Cũng là bia gửi giỗ riêng biệt của một gia đình, một tấm bia gửi giỗ hiện còn lưu tại chùa Chúc Thánh (thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam) ghi chép lại việc đặt tự tiên linh nhà họ Hà, có niên đại năm Tân Sửu (1961). Văn bia có nói rõ, gia đình này nguyên quán tại hương Thượng Kỳ, huyện Nam Hải, phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, nước Trung Hoa, nay sống tại phố Hội An. Ông Hà Nguyên Cầu và bà Lâm Thị Thanh Lâm sinh được một người con trai nhưng qua đời sớm, nên không có người nối dõi tông đường. Sau khi chồng và con trai mất, bà Lâm quy y vào phổ Liên Hoa, luôn nhớ đến tiên linh nên định gửi giỗ vào chùa, nhưng chưa kịp thực hiện mong muốn đó thì mất<sup>16</sup>. Con gái bà nối tiếp ý nguyện của mẹ, trí cúng ruộng đất, tiền bạc kị giỗ song thân và anh ruột. Đồng thời nguyện lập một sở phương trượng tây đường, lại dựng một khám thờ tiên linh nhà họ Hà và họ Lâm ở gian giữa để việc cúng tế thuận tiện. Ngoài việc cúng tế, hằng năm nhà chùa phải quét dọn mộ tháp của những vị này, mãi không được thay đổi<sup>17</sup>.

Tại chùa Chúc Thánh còn một tấm bia gửi giỗ khác chưa rõ niên đại chính xác, nhưng chắc chắn là dựng trước năm Tân Sửu 1961, bởi trong số những người gửi giỗ có tên bà Lâm Thị Thanh Lâm, gửi giỗ 50 đồng bạc cho chồng, kị vào ngày 18 tháng 11 hằng năm, tức là lúc này bà còn sống. Trong khi đó, con gái bà Hà Thị Tú lập bia gửi giỗ khác (tức là tấm bia chúng tôi mới nói ở trên) kị cha là Hà Nguyên Cầu vào ngày 19 tháng 9, mẹ Lâm Thị Thanh Lâm ngày 15 tháng 2, anh ruột Hà Nãi Đường ngày 19 tháng 7, ngoài ra tế chung những người trên vào hai kì xuân thu ngày 15 tháng 2 và ngày 15 tháng 8 hằng năm. Điều đặc biệt của bia này là không khắc ghi riêng việc gửi giỗ của một gia đình, mà khắc chung nhiều người thuộc những gia đình khác

nhau (với số lượng khoảng 36 nhà). Hơn nữa, mối quan hệ giữa người gửi giỗ và người được gửi giỗ cũng rất đa dạng, không giới hạn trong quan hệ thân thích ruột thịt mà còn mở rộng sang quan hệ bằng hữu. Ngay trong mối quan hệ ruột thịt cũng chia làm nhiều trường hợp khác nhau như gửi giỗ cho ông bà nội, ông bà ngoại, cha mẹ ruột (cha mẹ chồng/cha mẹ vợ), vợ/chồng, anh chị em ruột (có thể có thêm chị/em dâu), bác ruột, chú ruột, cô ruột, con ruột. Hiện vật gửi cúng bao gồm ruộng đất, tiền bạc và đồ tự khí, nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là gửi tiền bạc. Ngoài việc kị vào ngày chính thức, nhiều nhà còn gửi tài vật để tảo mộ, dựng khám thờ, siêu hồn, cúng tế vào các kì xuân thu. Mỗi người gửi giỗ tùy theo tình hình tài chính và đặc biệt là số lượng người cần tế giỗ mà gửi số tài vật khác nhau. Ví dụ: *Hà Thị, người làng Minh Hương, pháp danh Đồng Tâm đặt 1000 đồng bạc siêu hồn tiên linh, kị vào hai kỳ xuân thu ngày 11 tháng 2 và 15 tháng 8 (...). Diệp Ngọc Thi ở làng Hà My đặt 80 đồng bạc kị ông ngoại Trần Ngọc Xương vào ngày 15 tháng 5, kị bà ngoại Vương Thị Hoà vào ngày 15 tháng 8, kị cha vợ Lâm Văn Kỳ vào ngày 18 tháng 2, kị mẹ vợ Nguyễn Thị Nghĩa vào ngày mồng 2 tháng 12 (...). Nguyễn Thị Ngọc pháp danh Như Trung ở xã Hà My đặt 200 đồng bạc vào ngày 16 tháng 2 hằng năm kị mẹ ruột Nguyễn Thị Toái...<sup>18</sup>*

Ở Quảng Nam, ngoài hai bia gửi giỗ ở chùa tổ đình Chúc Thánh, còn có một tấm bia khác liên quan đến việc cúng tế tiên linh có niên đại sớm hơn, tạo khắc dưới thời Minh Mệnh năm thứ 14 (1833). Nội dung văn bia không cho biết ngày giỗ của những người được trí cúng mà chỉ liệt kê là bà *Lương Thị Việt, người châu Đông Hoa Đông, tổng Đại An Thượng, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn trí cúng: Một ngôi nhà 3 gian 2 chái để tế tự tiên hiền họ Lương. Năm sào đất tại xứ Đồng Ninh Ghênh Đông, châu Phương Trạch Đông, tổng Phú Mỹ, huyện Duy Xuyên dùng vào việc thờ tự người chồng đã mất là Hương lão Võ Văn Quý. Năm sào đất tại xứ Đồng Ninh Ghênh Đông, châu Phương Trạch Đông, tổng Phú Mỹ, huyện Duy Xuyên dùng vào việc thờ tự con trai là tiên Hương chức Võ Văn Hóa. Sáu sào đất tại xứ Mục Giác (!), thuộc địa phận bốn châu dùng vào việc tảo mộ. Lưu lại bốn sào đất tại xứ Đá Bạc, thuộc địa phận bốn châu dùng vào việc tế tự người này [tức bà Lương Thị Việt]. Cuối văn bia có đoạn: vậy nên cầu xin bốn châu nội phủ giám trưng thành tích để việc khói hương được lưu giữ vạn đời<sup>19</sup>.*

Bia gửi giỗ có niên đại sớm nhất ở Quảng Nam - Đà Nẵng phải kể đến tấm bia có kí hiệu 20400 được giới thiệu trong *Tổng tập thác bản Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Bia được khắc một mặt, cao khoảng 88,7cm, rộng 33,3cm. Phần đế bia có chiều cao 20cm, rộng 34,6 cm. Dòng lạc khoản





chỉ ghi năm theo can chi là Quý Hợi mà không cho biết niên hiệu vua/chúa, nhưng dựa vào phong cách trang trí hoa văn trên bia có thể đoán định, bia này được tạo lập cuối thời chúa Nguyễn. Cụ thể, trán bia trang trí hình hai con rồng cách điệu uốn cong người chầu vào búp sen ở giữa, hai đuôi ngoắc ngược lên trên đầu búp sen. Diềm bia chạy đường gờ, không có hoa văn. Đế bia chia thành hai phần, phần trên trang trí hình hoa sen nở, xung quanh là hình dây lá cách điệu, phần dưới tạo đường lượn hình cánh bướm. Chữ khắc trên bia nét mảnh, mặt bia lại bị mòn nhiều chỗ nên một số chữ bị mờ, không nhận diện được. Tuy nhiên, những thông tin chính yếu lưu lại khá rõ, giúp chúng ta xác định đây là bia gửi giỗ. Theo đó, bà Lương Thị Đáng, người châu Đông Trung, tổng Phú Mỹ, thuộc Hoa Châu, phủ Thăng Hoa do tuổi cao sức yếu, lại góa bụa đơn thân, không có người lo hậu tự nên cúng 2 mẫu 1 sào đất trồng dâu cũ và 60 quan tiền cho bốn châu để lo việc cúng kỵ sau này của mình và chồng là Lê Văn Chánh. Ngoài ra, bà còn giao bốn tấc 4 sào ruộng đất để kỵ cha và 3 sào 7 thước 5 tấc ruộng đất để kỵ mẹ hằng năm.

Ngoài 5 bia gửi giỗ đã nói ở trên, chúng tôi chưa tìm thấy thêm một bia nào có liên quan đến việc gửi hậu. Qua những bia hậu chúng tôi đã trình bày, có thể rút ra vài nhận xét như sau:

Một là, với số lượng 7 văn bia hậu trong tổng số hơn 300 bia Hán Nôm Quảng Nam - Đà Nẵng còn bảo lưu tại địa phương và được giới thiệu trong *Tổng tập thác bản Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, có thể nói tục mua/bầu/lập/gửi hậu cũng như bia hậu ở xứ Quảng không thịnh hành như ở miền Bắc.

Thứ hai, về niên đại bia, 1/7 bia có niên đại thời chúa Nguyễn, 6/7 dựng thời vua Nguyễn. Trong khi đó, bia hậu ở miền Bắc xuất hiện nhiều vào thời Hậu Lê, Mạc, đến thời vua Nguyễn thì giảm dần. Điều này có thể lý giải được, bởi xứ Quảng Nam - Đà Nẵng vốn là vùng đất của Chăm-pa; dù dưới thời Lê Thánh Tông đã chính thức thuộc về Đại Việt, nhưng miền biên viễn này luôn có nhiều biến động, văn hóa Việt không in đậm được dấu ấn trên vùng đất này. Mãi đến khi chúa Nguyễn Hoàng đặt chân đến cai nhiệm thì di dân người Việt mới thực sự làm chủ và xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của người Việt một cách mạnh mẽ trên cơ sở tiếp thu, dung hóa với nền văn hóa bản địa.

Thứ ba, về hình thức, bia hậu vùng Quảng Nam - Đà Nẵng khá đơn điệu. Thường là bia một mặt, không có tên (7/7 bia) và ít trang trí hoa văn (3/7 bia hoàn toàn không có hoa văn trang trí, 1/7 bia chỉ có mặt nguyệt trên trán bia, ngoài ra không trang trí gì thêm). Nếu có trang trí thì hoa văn đơn giản, ít cách điệu. Điều này khác hẳn với bia hậu ở miền Bắc: thường có từ hai mặt trở lên; đa phần đều có tên và được khắc bằng đại tự ngay phần trán, hoa văn trang trí cầu kỳ. Tuy nhiên, không chỉ bia hậu mà bia đá nói chung, ở các địa phương miền Bắc việc chạm khắc bia rất dụng công, không chỉ ở trán bia, thân bia mà còn ở cả phần đế, thay vì sử dụng những khối đá nguyên,

người ta đã chạm khắc những hoa văn cách điệu chồng lớp lên nhau, hoặc tạo hình con rùa tạo cảm giác mềm mại, uyển chuyển. ■

#### Ghi chú:

1. Ngoài bia hậu Thân, hậu Phật, còn có bia hậu hiền, hậu ngô, hậu xóm, hậu giáp... nhưng để tiện, chúng tôi gọi tắt loại bia này là bia hậu Thân/Phật. 2. Xin xem thêm <http://www.daitangkinhvietnam.org/node/1745>; <http://ngotoc.vn/Nghien-cuu-Trao-doi/Tim-hieu-ve-bia-hau-145.html>; ngày truy cập 21/8/2016. 3. <http://www.daitangkinhvietnam.org/node/1745>; ngày truy cập 21/8/2016. 4. Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb Hội Nhà Văn, tr.192-193. 5. Vũ Ngọc Khánh (2007), *Nghiên cứu văn hóa cổ truyền Việt Nam*, Nxb Giáo Dục, tr.357-358. 6. Trang web: <http://ngotoc.vn/Nghien-cuu-Trao-doi/Tim-hieu-ve-bia-hau-145.html>; ngày truy cập 20/8/2016. 7. Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Cao học thực hành và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), *Tổng tập thác bản Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, kí hiệu 20058, tập 21, tr.58. 8. Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Cao học thực hành và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), tldd, kí hiệu 20027-20028, tr.27-28. 9. Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Cao học thực hành và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), tldd, kí hiệu 20172-20173, tr.173-174. 10. Thống kê này được thực hiện trên tổng số thác bản văn bia được in rập, giới thiệu trong *Tổng tập thác bản Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. 11. Xin xem thêm Đinh Thị Toan, *Bia hậu Thân duy nhất ở Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nghiên cứu lịch sử xứ Quảng, số 7 (01/2016), tr.84-87. 12. Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Cao học thực hành và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), tldd, kí hiệu 20406, tr.407. 13. Nguyễn Hoàng Thân (2014), *Nghiên cứu văn bia Hán Nôm tỉnh Quảng Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Hán Nôm, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.147. 14. Nguyễn Hoàng Thân (2014), tldd, tr.148. 15. Xin nhấn mạnh chúng tôi sử dụng từ "tiên hiền" để chỉ các bậc tiên hiền và hậu hiền, là những người có công khẩn đất lập ấp, mở mang làng xóm phát triển. 16. Văn bia nói bà chưa kịp thực hiện ý nguyện gửi giỗ tiên linh vào chùa thì mất, nhưng thực tế trước đó bà đã gửi giỗ cho chồng rồi. 17. Xin xem thêm Đinh Thị Toan, *Tám bia gửi giỗ ở tổ đình Chúc Thánh*, Văn Hóa Phật Giáo, số 250 (6/2016), tr.11-13. 18. Xin xem thêm Đinh Thị Toan, *Thêm một tấm bia gửi giỗ ở tổ đình Chúc Thánh*, Văn Hóa Phật Giáo, số 253 (7/2016), tr.14-17. 19. Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Cao học thực hành và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), tldd, kí hiệu 20375, tr.376.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Ngọc Khánh (2007), *Nghiên cứu văn hóa cổ truyền Việt Nam*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội. 2. Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội. 3. Nguyễn Hoàng Thân (2014), *Nghiên cứu văn bia Hán Nôm tỉnh Quảng Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Hán Nôm, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội. 4. Đinh Thị Toan, *Bia hậu Thân duy nhất ở Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nghiên cứu lịch sử xứ Quảng, số 7 (01/2016), tr.84-87. 5. Đinh Thị Toan, *Tám bia gửi giỗ ở tổ đình Chúc Thánh*, Văn Hóa Phật Giáo, số 250 (6/2016), tr.11-13. 6. Đinh Thị Toan, *Thêm một tấm bia gửi giỗ ở tổ đình Chúc Thánh*, Văn Hóa Phật Giáo, số 253 (7/2016), tr.14 - 17. 7. Đinh Khắc Thuân (1996), *Văn bia thời Mạc*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội. 8. Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Viện Cao học thực hành và Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), *Tổng tập thác bản Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, kí hiệu 20058, tập 21, tr.58. 9. Các trang web: <http://www.daitangkinhvietnam.org/node/1745>; ngày truy cập 21/8/2016. <http://ngotoc.vn/Nghien-cuu-Trao-doi/Tim-hieu-ve-bia-hau-145.html>; ngày truy cập 21/8/2016. <http://www.daitangkinhvietnam.org/node/1745>; ngày truy cập 21/8/2016.



# Dàn bát âm trên vòm trần Thiên vương Cổ sát

Bài & ảnh: LÊ HẢI ĐĂNG

**T**ọa lạc giữa cao nguyên Lâm Viên, thành phố Đà Lạt với lịch sử hơn 120 năm, ngôi chùa Thiên vương Cổ sát do Hòa thượng Thọ Dã, người Quảng Đông, khai sơn năm 1958, đáng liệt vào danh thắng cổ tích. Điểm nhấn trong quần thể kiến trúc này là Quang Minh bửu điện với ba pho tượng Tây phương Tam thánh - Phật A-di-đà, Bồ-tát Quan Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí - làm bằng chất liệu trầm hương, dáng vẻ thanh nhã, cao 4m, nặng 1.500kg, do Hòa thượng Thọ Dã thỉnh về từ Hồng Kông.

Bước lên theo cửa Tam quan, phía trước Từ Bi bửu điện còn có pho tượng Phật Di-lặc nở nụ cười hoan hỷ cát tường, và Tứ Thiên vương (Đa Văn Thiên vương, Quảng Mục Thiên vương, Trì Quốc Thiên vương và Tăng Trưởng Thiên vương) uy nghiêm, quắc thước. Xung quanh Quang Minh bửu điện bao phủ dày đặc các bức bao lam, bích họa, trên vòm trần là khoảng không ken nhiều họa tiết hình khối trang trí ô vuông và đặc biệt là sự hiện diện của nhóm kỹ nhạc trong các tư thế tọa-lập sử dụng tám chủng loại nhạc khí sắp theo hình tròn.

Dàn bát âm này đã thoát khỏi quan niệm truyền thống nhằm chỉ tám chủng loại nhạc khí làm từ chất

liệu: bào, thổ, cách, mộc, thạch, kim, ti, trúc mà kết hợp theo tư duy biên chế, giống như dàn Bát âm nhạc lễ Bắc Bộ, Ngũ âm Nam Bộ, Thập âm, Bát âm - Nam quản, Bắc quản Phước Kiến, Đài Loan... Nói cách khác, những dàn nhạc mang tên Ngũ âm, Bát âm, Thập âm, Thập nhị âm... bấy lâu nay không còn giới hạn trong phạm vi chất liệu tạo âm, mà định hình bởi biên chế (tổ chức dàn nhạc) thể hiện thông qua số lượng nhạc khí tham gia.

Theo đó, tám nhạc khí trang trí trên vòm trần Thiên vương Cổ sát gồm có: phách (2 loại), nã bạt, tiêu, sáo, đàn song thanh, sênh, tỳ bà và đàn lyre.

Trong nhiều tổ chức dàn nhạc (lễ) truyền thống, Việt Nam hay Trung Quốc thường phân chia thành hai phe theo tương quan Văn - Võ: Cổ xuy (Võ), chủ yếu tập trung nhạc cụ có âm lượng lớn, như kèn bầu (sona), trống, chiêng (la) và Ty trúc (Văn), gồm tập hợp nhạc khí có âm lượng vừa phải, như sáo, tiêu, đàn dây... Dàn Cổ xuy có âm lượng lớn nhờ sự hỗ trợ của nhạc cụ gõ, cộng hưởng với cây kèn bầu với âm sắc nổi trội. Còn dàn Ty trúc do sử dụng các nhạc khí hơi cấu tạo bằng chất liệu gỗ, trúc, như sáo, tiêu, cùng bộ phận đàn dây,



nên có âm lượng vừa phải. Hai dàn nhạc này hướng tới những mục đích khác nhau trong quá trình diễn tấu. Dàn Cổ xuy thiên về tính chất đánh động, còn dàn Ty trúc giàu tính chất biểu cảm. Bởi vậy, trong tự viện, tịnh xá... dàn Cổ xuy đóng vai trò “phát ngôn viên”, tuyên bố lý do cho cuộc lễ; bộ phận Ty trúc hỗ trợ các thủ pháp diễn xướng, như: tán, tụng, niệm...

Hình ảnh biểu thị trên vòm trần Thiên vương Cổ sát cho thấy: dàn Bát âm thuộc loại Ty trúc. Ngay cả chiếc phách và nã bạt, những nhạc cụ gõ đóng vai trò giữ nhịp cũng là những loại nhạc khí có kích thước nhỏ, âm lượng vừa phải. Đối với bộ phận nhạc khí hơi, chủ yếu có tiêu, sáo và sênh. Cuối cùng là bộ ba đàn dây: tỳ bà, song thanh và đàn lyre. Với cấu trúc này, dàn Bát âm đã tập hợp được 4 loại chất liệu tạo âm là: hơi, gõ, đồng và dây.

Điểm đáng chú ý là: dàn nhạc trên tổ hợp nhạc khí chưa thông qua sự thỏa thuận về mặt văn hóa. Cây đàn lyre vốn là sản phẩm văn hóa cổ Hy Lạp, có nguồn gốc Ba Tư, cho dù được coi là thủy tổ của đàn harp, thì cây đàn này chẳng hề được bảo lưu trong dàn nhạc truyền thống phương Đông. Bên cạnh đó, sự xuất hiện đồng thời hai bộ phách, do hai kỹ nhạc sử dụng cũng đem đến cảm nhận phi thực tế. Trên thực tế, phách đóng vai trò chỉ huy trong một dàn nhạc. Và ở một dàn nhạc, không thể xuất hiện đồng thời hai vị trí chỉ huy. Chưa kể, theo tư duy hòa sắc (chứ không phải hòa thanh), hiểu là sự kết hợp phong phú, hài hòa giữa các nhạc cụ mang âm sắc khác nhau, thì việc tăng cường hai nhạc cụ đồng loại sẽ không đem tới sự gia tăng về mặt âm sắc. Từ đó cho thấy, hình ảnh chạm nổi trên vòm trần Thiên vương Cổ sát xuất phát bởi mục đích trang trí cho không gian thờ tự hơn là phản ánh tính chất tả thực qua nghệ thuật tạo hình. Các nhạc khí này đã tổ hợp lại theo tư duy thị giác, nói cách khác, chúng đã trở thành đối tượng của nghệ thuật tạo hình.

Trong số nhạc khí này, có những chủng loại được lựa chọn theo tính chất thiêng, như đàn tỳ bà, lyre, song thanh, nã bạt... Theo truyền thuyết, đàn tỳ bà do Phật Thích-ca chế tác. Đàn lyre do thần Hermes làm ra từ mai rùa. Trên đỉnh Plympus dưới sự cai quản của thần Zeus có thần Apollo chuyên quản về nghệ thuật, có sở trường đàn lyre. Đàn song thanh hay đi kèm với hình ảnh Phi Thiên (A-tu-la). Còn nã bạt là một pháp khí thường dùng trong âm nhạc Phật giáo.

Phục sức của các nhạc cụ được trang sức bằng hoa văn mây ngũ sắc, tư thế ngả nghiêng hòa quyện giữa ngôi (Tọa bộ kỹ) và Lập (Lập bộ kỹ) vốn là hai bộ kỹ nổi tiếng từ thời kỳ nhà Đường, như diễn tả hình ảnh Phi Thiên chao liệng trên bầu trời (cõi A-tu-la). Đây hẳn nhiên là một dàn nhạc phỏng chiếu ý đồ tái hiện các kỹ nhạc thiên đàng tấu nhạc, thứ nhạc của thân, tâm cất lên trong lặng cảm.

Điều đặc biệt nữa là không gian bố trí dàn nhạc này nằm sát vòm trần, nơi tiếp giáp đỉnh tòa kiến trúc,



không gian cao nhất khiến cho nó trở thành đối tượng để ngưỡng vọng. Qua đó, tác giả có thể ngầm chuyển tải bức thông điệp về một tổ chức không ở cõi trần, nên việc định vị từ các chỉ báo thực tại đều đem tới kết quả thiếu sát hợp. Dàn kỹ nhạc này đã thiết kế theo hướng quán chiếu từ bản tâm, không phải bức hình tả thực thuần túy, nhưng lại tái cơ cấu bằng tư duy thị giác, từ đó mở ra một chiều không gian khác, thiêng liêng, hiện hữu bên trong ngôi tự viện.

Hòa thượng Thọ Dã vốn là người Quảng Đông, thỉnh ba pho tượng Tam thánh từ Hồng Kông... cho thấy xuất phát điểm của ngôi chùa này. Chất liệu tạo tác ở đây hết sức phong phú, đa dạng, giới hạn trong tổ chức dàn Bát âm trang trí trên vòm trần, như: đàn song thanh chẳng hạn. Đàn song thanh được coi là hậu duệ của đàn sến (còn gọi là đàn Tần, người Triều Châu gọi là đàn hoa mai, sách sử thì dùng tên đàn Nguyễn hay Nguyễn Hàm) có quan hệ mật thiết với đàn nguyệt (loại cần ngắn của Trung Quốc) và rất giống hình tướng đàn nguyệt (hay đàn kim) Việt Nam. Tại sao nghệ nhân đắp nổi không sử dụng đàn Nguyễn hay đàn sến có tư cách lịch sử hơn mà lại dùng đàn song thanh?

Đàn song thanh còn gọi là đàn nguyệt Phước Kiến hay nguyệt Đài Loan, là một thành viên mới nổi vào nửa đầu thế kỷ XX. Hòa thượng Thọ Dã hẳn đã có ý kiến tạo ngôi chùa theo phong cách kiến trúc Hoa Nam. Qua rất nhiều chi tiết tổng hợp cho thấy, Thiên vương Cổ sát hấp thu cả phong cách Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu...

Riêng nhóm kỹ nhạc rất gần với đường nét trang trí ở ngôi chùa cổ Khai Nguyên nổi tiếng ở tỉnh Phước Kiến có từ đời Đường. Chỉ có điều, các kỹ nhạc ở chùa Khai Nguyên được tạc tác nguyên khối gắn lên vách trần. Bởi vậy, tọa lạc giữa chốn mây ngàn của cao nguyên Đà Lạt, chùa Thiên vương Cổ sát tuy có bề ngoài khiêm tốn, trầm mặc, cổ kính, nhưng bên trong chánh điện ken đặc họa tiết, phù điêu, hoa văn trang trí tô điểm cho khu nội viện nổi bật trong thế giới hình sắc. ■



# Thế nào là một dân tộc văn minh

CAO HUY THUẬN

**T**hế nào là một dân tộc văn minh?, muốn trả lời câu hỏi ấy phải trả lời câu hỏi: “Thế nào là văn minh? Văn minh là gì?”. Mỗi vấn đề định nghĩa này thôi, bao nhiêu là phức tạp. Có ai đồng ý với ai đâu? Mỗi tác giả lớn có một giải đáp riêng, lắm khi trái ngược từ căn bản.

**Văn minh là gì: ba điểm mấu chốt**

Điểm căn bản đầu tiên là sự dùng lẫn lộn giữa “văn

minh” và văn hóa” - “civilization” và “culture” - mà “văn hóa” lại cũng gây bất đồng trong định nghĩa. Lịch sử của hai từ “văn minh” và “văn hóa” rất dài, rất xưa ở Âu châu. Lúc đầu, “văn minh” bao hàm hai lĩnh vực: vật chất và tinh thần. Rồi từ “văn hóa” xuất hiện, và nhiều tác giả có khuynh hướng phân biệt, trao phần tinh thần cho văn hóa, phần vật chất cho văn minh.

Văn minh là gì? Có người nói: “đó là đường sá, hải cảng, bờ sông”. Nhưng người khác bác bỏ: “văn minh là phải có một tối thiểu khoa học, nghệ thuật, trật tự, đạo



đúc...". Nghĩa là tất cả những gì mà con người thu thập được như vốn liếng đã tạo ra. Vậy điểm đầu tiên phải ghi là biên giới giữa tinh thần và vật chất không rõ ràng: văn minh là tinh thần hay vật chất, hay lẫn lộn cả hai?

Điểm thứ hai là việc sử dụng từ "văn minh" cho cá nhân hay tập thể. Ta có thể nói: "một người văn minh"? Hay chỉ nên dùng từ ấy cho một xã hội, một nước, một vùng? Thông thường, ta vẫn nói: "Đừng nhổ nước miếng bừa bãi, hãy cư xử như một người văn minh". Ấy là nói về cá nhân. Và ta lại nói: "Văn minh Trung Hoa khác với văn minh Nhật Bản", "văn minh Tây phương không giống văn minh Đông phương". Ấy là nói về tập thể. Ngày nay, từ văn minh hay dùng cho tập thể. Chẳng hạn, quyển sách danh tiếng một thời và hứng chịu chỉ trích cũng lắm của Samuel Huntington mang nhan đề là "*Va chạm giữa các nền văn minh*". Câu hỏi đặt ra - một "dân tộc văn minh" - nằm trong nghĩa tập thể này.

Thế nhưng nó lại gợi ra một vấn đề lý thuyết sôi nổi, và đây là điểm phải ghi thứ ba: Nói rằng "một dân tộc văn minh", thế chẳng phải hàm ý rằng có những dân tộc không văn minh sao? Vậy thì thế nào là một dân tộc không văn minh? Lấy tiêu chuẩn gì chính xác để phân biệt? Nói như thế cũng hàm ý rằng có nấc thang giá trị để phê phán: dân tộc này văn minh cao hơn dân tộc kia. Thế nào là cao, thế nào là thấp, dựa trên tiêu chuẩn gì? Đây không phải chỉ là một vấn đề lý thuyết. Đây là một nhục nhã mà dân tộc ta phải nuốt trong suốt trăm năm thuộc địa. Thực dân xâm chiếm nước ta dưới danh nghĩa mang lại ánh sáng văn minh cho dân tộc ta, mù lòa trong đêm tối. Ta là bán khai? Âu châu thời Trung cổ là văn minh? Văn minh là gì mà Thập tự quân giết người như ngóe chỉ vì khác tôn giáo? Nước Bồ Đào Nha gửi hải thuyền qua Nam Mỹ để "nghiên cứu" xem dân "da đỏ" có linh hồn không, ấy là văn minh? Dân "da đỏ" dìm xác của người da trắng vào nước xem da ấy có sinh thối không, ấy là bán khai? Hai thái độ có khác gì nhau? Việt Nam ta man di mọi rợ thật chẳng khi ông Trung Hoa tự cho mình là tinh tú ở trung tâm?

### **Câu trả lời từ ba vị thầy**

Ít nhất ba điểm nói trên làm tôi lúng túng để trả lời. Tôi đành phải hỏi ý ba tác giả được xem là bậc thầy, không phải chỉ ở Pháp mà cả trên quốc tế. Trước hết là nhà sử học Jacques Le Goff. Về thắc mắc thứ nhất, tinh thần hay vật chất, ông trả lời: "Cái đẹp, công lý, trật tự...". Nghĩa là những yếu tố tinh thần. Xin trích nguyên văn: "*Văn minh dựa trên sự tìm tòi và thể hiện của một giá trị cao hơn, trái với văn hóa được xem như là toàn thể những tập tục và những thái độ. Văn hóa nói chuyện dưới đất, văn minh siêu việt trên cao. Cái đẹp, công lý, trật tự... Các nền văn minh được xây dựng trên những yếu tố đó. Ví dụ việc sử dụng đất: văn hóa sản xuất ra lợi ích, gạo, trong khi văn minh sản sinh ra cái đẹp bằng cách tạo vườn*".

Ông nói: vườn Nhật khác với vườn Tàu, và cái khác ấy chịu ảnh hưởng của tôn giáo và tâm linh. Vườn Anh cũng khác với vườn Pháp. Một bên tôn trọng vẻ thiên nhiên, để gợi lên tình cảm lãng mạn, mơ mộng; một bên bài trí có hệ thống, ngay hàng thẳng lối, biểu lộ tinh thần duy lý của con cháu Descartes. "*Văn hóa đặt ưu tiên cho ý nghĩ về thực dụng, về an ninh, về giàu có, khác với văn minh đặt giá trị trên tâm linh và thẩm mỹ*" (Le Monde, 23-1-2014).

Đặt văn minh trên tiêu chuẩn tinh thần như vậy, không thể nói văn minh nào cao hơn văn minh nào. Ai dám nói vườn Anh đẹp hơn vườn Pháp, vườn Tàu cao cấp hơn vườn Nhật? Thế nhưng phần đông định nghĩa ngày nay không đặt văn minh ở trên cao, văn hóa ở dưới thấp như vậy. Văn minh, theo phần đông, liên quan đến những yếu tố vật chất hơn là tinh thần, tuy rằng không phải gạt bỏ hoàn toàn yếu tố tinh thần. Chỉ định nghĩa như vậy mới bảo vệ được quan điểm cho rằng có văn minh cao, văn minh thấp. Bởi vì, nếu dựa trên những yếu tố vật chất (kỹ thuật, khoa học, kinh tế...) thì mới đưa ra được ý niệm Tiến Bộ, mà đã nói Tiến Bộ thì quả thực có xã hội này chậm tiến bộ hơn xã hội kia. Từ hồi thế kỷ XVIII, các tác giả đã nói đến sức năng động của các xã hội Âu châu trên lĩnh vực kinh tế, triết học, khoa học, so với tình trạng trì trệ của các xã hội Á châu và Trung Đông. Montesquieu khẳng định: tư tưởng ở Âu châu biến chuyển, trong khi Á châu cứ nhai đi nhai lại quá khứ. Trên đường tiến bộ, Cách mạng Pháp hạ bệ một giai cấp gắn liền với quá khứ, đưa một giai cấp khác lên, năng động hơn. Sau đó đến phiên cách mạng kỹ nghệ làm đảo lộn xã hội lần nữa, mang lại thịnh vượng hơn. Văn minh, mà cơ sở nòng cốt là vật chất, làm biến đổi thượng tầng, hoạt động xã hội phát triển lên, con người mở mang hơn, tự do hơn, nhân loại tiến bộ hơn.

Nhận định nghĩa văn minh như vậy, dựa trên tiến bộ kỹ thuật, khó mà không thấy địa vị ưu thắng của Âu châu ngày trước và cả Tây phương bây giờ. Tôi là dân thuộc địa cũ, ám ức cái nhục ngày xưa, cho nên tìm đến một ông thầy khác nhận định về tiến bộ của cả nhân loại, không riêng gì của Âu châu trong một khoảng thời gian nhất định, nghĩa là từ thế kỷ XVII, XVIII. Nhìn tổng thể cả nhân loại như vậy thì tiến bộ là gì? Tôi tìm đến ông thầy thứ hai, Claude Lévi-Strauss. Nhà nhân chủng học này phân biệt hai loại xã hội: "*xã hội lạnh*" và "*xã hội nóng*". "Xã hội lạnh" hoạt động như đồng hồ, "xã hội nóng" hoạt động như động cơ hơi nước. Các "xã hội lạnh" (xã hội tiền sử chẳng hạn) có văn hóa nhưng không có lịch sử vì chỉ lặp đi lặp lại y hệt, từ thế hệ này qua thế hệ khác, tránh mọi thay đổi về kỹ thuật, cách sống, thân tộc hay cách tổ chức quyền lực. Các "xã hội lạnh" có khuynh hướng sẽ biến mất, bị nuốt, bị phá hủy bởi các "xã hội nóng". Ngày nay, ai cũng biết "xã hội nóng" là các xã hội nào. Ai cũng biết xã hội nào



năng động, sáng tạo trong mọi lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, kinh tế, mỹ thuật, giáo dục, tổ chức xã hội... Và ai chắc cũng lo, không biết xã hội ta có đang nguội dần không? Hôm nay cái đồng hồ đều đặn gõ 12 tiếng, ngày mai cũng đều đặn leng keng 12 tiếng y hệt, và ngày kia, ngày kia, ngày kia cũng vẫn 12 tiếng ấy, biết rồi khổ lắm nói mãi.

Làm tổng hợp trên các điều vừa nói - vật chất và tinh thần, cá nhân và tập thể, tiến bộ và trì trệ - tôi đi đến kết luận của một ông thầy thứ ba, nhà xã hội học Edgar Motin: *“Văn hóa là toàn thể những niềm tin, những giá trị đặc thù của một tập thể riêng biệt. Văn minh là những gì có thể truyền chuyển từ tập thể này qua tập thể khác: kỹ thuật, kiến thức, khoa học... Chẳng hạn văn minh Tây phương mà ngày nay đã lan ra toàn cầu hóa, là một văn minh được định nghĩa là toàn thể những phát triển về khoa học, về kỹ thuật, về kinh tế”*.

Nhưng ông nói thêm một điều quan trọng: *“Và chính văn minh Tây phương ấy ngày nay đang mang đến nhiều hậu quả tiêu cực hơn là tích cực. Đây là điều cần phải cải tổ, nghĩa là cần phải có một chính sách văn minh”* (Le Monde, 3-1-2008).

### Văn minh và văn hóa

Đoạn sau trùng ý với Lévi-Strauss. Nhà nhân chủng học này mượn từ “entropie” trong nhiệt động học để nói rằng văn minh có khuynh hướng tiến đến tình trạng xáo trộn của hệ thống: gia tốc, dân số, tranh chấp xã hội, cạnh tranh kinh tế, đụng độ vũ trang, chạy đua khí giới, chiến tranh, vắt kiệt tài nguyên, phá hủy thiên nhiên, tiêu thụ phung phí... Làm sao chữa lại những hậu quả “tiêu cực” ấy? Lévi-Strauss cậy đến văn hóa, và văn hóa theo ông là tâm linh, đạo đức, triết lý, nghệ thuật và chính trị. Chính trị theo nghĩa nguyên thủy của Hy Lạp ngày xưa: là cách tổ chức nhà nước thế nào để đạt được phúc lợi chung. Ta thấy đó, ta trở lại với những gì ta nói từ đầu: sự lẫn lộn giữa văn hóa và văn minh.

Vậy thì tôi cũng đành lẫn lộn thôi. Suy nghĩ như một người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam, tôi trả lời rằng một dân tộc văn minh là một dân tộc có văn hóa cao, nghĩa là năng động, nghĩa là không trì

trệ, trên mọi phương diện, vật chất cũng như tinh thần, đầu óc cá nhân cũng như tổ chức xã hội, quyền lực, tiến bộ cùng với xu hướng của thế giới, nhưng không quên rằng mỗi người đều là con cháu thừa tự.

Tôi xin cắt nghĩa mấy chữ sau cùng. Mỗi sáng tạo, hủy diệt, hay mỗi biến chuyển của một nền văn minh đòi hỏi phải có thời gian. Vì vậy, trong lịch sử các nền văn minh, cũng như trong nếp suy nghĩ về văn minh, ý nghĩa thừa tự là căn bản. Một nền văn minh được xây dựng lần hồi, làn sóng này tiếp theo làn sóng khác, về giá trị, về tập tục, về niềm tin. Phải có thời gian để biến chuyển và để củng cố. Để thấu nhận từ bên ngoài và để bảo tồn tận bên trong. Hiện nay, cách mạng tin học và tình trạng toàn cầu hóa có khuynh hướng đồng hóa hết thảy mọi nền văn minh. Nếu chạy theo “văn minh kỹ nghệ”, tiến bộ vật chất một cách mù quáng, không chừng ta thấp một cây hương cho tổ tiên nào không phải là của ta.

### Con đường duy nhất: dân chủ

Riêng về mối tương quan giữa tập thể và cá nhân, phải nhấn mạnh rằng một tập thể không thể văn minh nếu con người trong đó không văn minh. Giáo dục, chính là để đào tạo nên những con người văn minh. Và thế nào là con người văn minh? Là biết yêu Chân, Thiện, Mỹ. Yêu Sự Thật, yêu Cái Tốt, Cái Đẹp. Chỉ nói Sự Thật mà thôi. Thế nào là yêu Sự Thật? Là ghét Giả Dối, Nói Láo. Giáo dục là không dạy con trẻ đưa Nói Láo lên thành hệ thống cai trị.

Nhưng muốn có một nền giáo dục như vậy, tất nhiên phải đặt chính trị lên hàng đầu. Bởi vì chính trị chỉ huy giáo dục. Xưa nay nhà trường chỉ có hai loại: nhà trường dạy phán đoán và nhà trường không dạy phán đoán. Loại nhà trường sau là để minh họa.

Cho nên, cuối cùng, con đường phát triển đi đến văn minh của dân tộc không có cách nào khác dân chủ. Bắt đầu bằng thực tâm muốn thực hiện dân chủ. Rồi có thể không vội. Dân chủ hóa lần hồi. Nhưng đừng làm khác nói. Và người dân cứ lấy sáng kiến mà làm. Bước tới chớ đừng bước lui. Và thấy rằng xu hướng dân chủ là không tránh được, không trước thì sau thôi, bánh xe lịch sử sẽ nghiền nát mọi chướng ngại. ■



# Địa danh trong ca dao

## Xứ Quảng

PHẠM TUẤN VŨ

**Ở** mỗi địa phương, so với các thể loại văn học dân gian khác (như truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, thành ngữ, tục ngữ...), ca dao bao giờ cũng nhắc đến các địa danh ở địa phương mình với số lượng lớn hơn cả. Bởi bộ phận văn học dân gian này không những có số lượng tác phẩm lớn mà còn mang tính địa phương rõ nét. Do đó, ca dao địa phương, đặc biệt là bộ phận ca dao địa danh, được xem như một bảo tàng lịch sử, nơi lưu giữ một lượng lớn địa danh của địa phương mình cũng như chứng kiến sự biến đổi của nhiều địa danh trong tiến trình lịch sử. Ca dao xứ Quảng không nằm ngoài đặc điểm mang tính phổ biến này.

Quảng Nam - Đà Nẵng là một trong những địa phương của cả nước có kho tàng ca dao khá đồ sộ. Trong đó, bộ phận ca dao địa danh chiếm số lượng lớn với hàng trăm tên gọi được nhắc đến. Nhiều địa danh vẫn còn đến ngày nay và cũng có những địa danh đã lùi vào quá khứ nhưng nhìn chung, hệ thống địa danh trong ca dao xứ Quảng không những có số lượng lớn mà còn rất phong phú, đa dạng. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, hệ thống địa danh trong ca dao xứ Quảng mang mấy đặc điểm chính như sau:

**Một là**, địa danh được phản ánh trong ca dao xứ Quảng có số lượng lớn, trải rộng theo không gian địa lý. Từ Đà Nẵng đến Trà My, từ vùng núi cao về miền biển đảo, hầu như ở huyện nào cũng có một số địa danh được nhắc đến trong ca dao. Tuy nhiên, sự phân bố của các địa danh này không đồng đều. Ở những địa phương có lịch sử cư trú lâu đời, dân cư đông đúc, kinh tế phát triển, đời văn hóa phong phú, gắn với những biến cố lịch sử lớn hoặc có nhiều thắng cảnh, sản vật như Đà Nẵng, Hội An, Duy Xuyên, Tam Kỳ... địa danh thường được phản ánh với số lượng nhiều hơn.

**Hai là**, địa danh được nói đến trong ca dao xứ Quảng khá đa dạng về loại hình, với nhiều tiểu loại khác nhau. Địa danh chỉ địa hình tự nhiên có:

Núi:

*Quê em có núi Ngũ Hành  
Có nghề khắc đá lừng danh khắp vùng.*

Đèo:

*Gập ghềnh Giản Thọ, Đèo Le  
Cu nói quấy mè, cà cưỡng còng khoai.*

Dốc:

*Đường mô xa bằng đường Gia Cốc  
Đốc mô ngược bằng đốc Phú Cang.*

Hòn:

*Năm hòn nằm đó không sai  
Hòn Khô, hòn Dài lổ nhổ thêm vui.*

Hang:

*Rủ nhau cơm gói ra Hòn  
Muốn ăn được yến phải lòn hang Khô.*

Lạch:

*Sông Thu Bồn chảy ra cửa Đại  
Lạch Bình Long chảy mãi ra Hàn.*

Vũng:

*Tai nghe súng nổ đi đùng  
Tàu Tây đã lại vũng Thùng hôm qua.*

Sông:

*Sông Tiên nước chảy ngược dòng;  
Sông Thu chẳng thiếu đò đưa.*

Cửa (sông, biển):

*Ngó về cửa Đại, than ôi;  
Từ ngày Tây lại cửa Hàn.*

Gò:

*Nương dâu xanh thắm quê mình  
Ngó lên Gò Nổi đơm tình thiết tha.*

Cồn:

*Ngó lên chợ Tổng bao xa  
Bước qua Phú Thượng, Đại La, Cồn Dầu.*

Bãi (dâu):

*Bãi dâu Đại Lộc lờ mờ bên sông.*

Biển:

*Em xuôi biển Rạng cùng anh  
Được ăn rau mứt nấu canh cá chuẩn...*

Địa danh chỉ công trình xây dựng tuy có số lượng ít hơn những cũng khá đa dạng với một số tiểu loại chính như:

Cầu:

*Hẹn nhau lại gặp bến cầu Rô-be;  
Bao giờ cầu Mống gãy đôi.*

Đường:

*Đường mô xa được đường Gia Cốc;  
Đào sông Cầu Nhí, đắp đàng Bồng Miêu.*

Chợ:

*Nhớ cô dẹt đũi chợ Chùa  
Rượu ngon chợ Vạn bốn mùa anh say.*

Chùa:  
*Ai đi phố Hội, chùa Cầu;  
Ngập chùa Non Nước lời đồn em mới tin.*

Miếu:  
*Miếu Bông, Cẩm Lệ là đàng vô ra.*

Lầu:  
*Tam Kỳ, chợ Vạn bao lâu  
Ngó qua đường cái thấy lầu Ông Tây.*

Thành:  
*Quảng Nam có núi Ngũ Hành  
Có sông Chợ Củi, có thành Đồng Dương.*

Lò:  
*Gió nam thổi xuống lò Vôi  
Ai đồn với bạn ta có đôi cho bạn buồn...*

Về địa danh hành chính trong ca dao xứ Quảng, có mấy điểm đáng chú ý sau:

1. Có số lượng lớn hơn hẳn so với địa danh chỉ địa hình tự nhiên và công trình xây dựng;

2. Trong phức thể cấu tạo địa danh, nếu hai bộ phận địa danh trước phần lớn có cấu tạo đầy đủ theo mô hình *yếu tố chung* (tức loại hình địa danh, không viết hoa, như *sông, núi, chợ, chùa...*) + *yếu tố riêng* (tức tên riêng, viết hoa, như *Thu Bồn, Ngũ Hành, Vạn, Cầu...*) thì đại đa số địa danh hành chính không mang yếu tố loại hình (như *tỉnh, huyện, quận, xã, thôn...*) mà chỉ có tên riêng;

3. Đa số bộ phận địa danh này chỉ các đơn vị hành chính cấp *huyện, xã, làng* (mô hình: [*huyện +*] X, [*xã +*] Y, [*làng*] Z);

4. Trong ca dao xứ Quảng có nhiều bài “kể” dài, liệt kê hàng chục địa danh (chủ yếu là địa danh hành chính) như là một chức năng đặc thù của ca dao địa danh.

Ví như:

*Tiếng đồn mì Quảng Phú Chiêm  
Cao lầu Phố Hội, mắm nêm Cẩm Hà  
Tam Kỳ có món cơm gà  
Nam Ô nước mắm đậm đà thơm ngon  
Đại Lộc nhiều trái bòn bon  
Khoai lang Trà Đa, Quế Sơn nếp mừng  
Cẩm Sa có giống lúa vàng  
Gạo ngon thơm phức, trắng tròn mùa thu  
Bàn Lành có gốc mù u  
Cá trôi mùa lũ, sông Thu chảy về  
Vĩnh Điện chả lụa khô ché  
Xu xoa Khúc Lũy, thịt bê Chợ Cầu  
Quán Rườn, Chợ Đước Cầu Lâu  
Bánh tráng cá hấp ở đầu ngon bằng?  
Cá thu, cá rựa, cá phèn  
Kho rim nước mắm đầu bằng Hội An  
Tầm dâu là xứ Trường Giang  
Đông Yên bửa kén, nhộng non mít xào  
Mỹ Xuyên bí rợ bí đao  
Mía mừng, nón lá quai thao tóc thề  
Duy Trinh đập đập khai đê  
Cho cây thêm trái sum suê đầy vườn*

*Đó là đặc sản quê hương  
Quảng Nam, Đà Nẵng tình thương quê nhà.*

**Ba là**, địa danh trong ca dao xứ Quảng thường gắn với nhiệm vụ phản ánh một số nét đặc trưng nào đó của quê hương về thắng cảnh, thiên nhiên, sản vật, lịch sử xã hội, con người. Đây là một đặc điểm phổ biến của ca dao địa danh trong cả nước.

Trong ca dao xứ Quảng, bên cạnh những địa danh phản ánh lịch sử:

*Ai lên mấy nhánh sông Con  
Hỏi thăm Hường Hiệu có còn đánh Tây;  
Từ ngày Tây lại cửa Hàn  
Đào sông Cầu Nhí, đắp đàng Bông Miêu.*

Điều kiện tự nhiên:

*Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm;  
Mây rắng Sơn Trà không gió thì mưa.*

Cảnh đẹp quê hương:

*Quê em có núi Ngũ Hành;  
Em về biển Rạng cùng anh.*

có số lượng không nhiều, đa số những địa danh còn lại đều gắn liền với các làng nghề, sản vật nổi tiếng ở mỗi địa phương. Trong kho tàng ca dao xứ Quảng, bộ phận địa danh này xuất hiện với mật độ cao, nhiều dạng thức kết hợp. Nếu X là địa danh, Y là làng nghề, sản vật hay một truyền thống nổi tiếng nào đó, có thể thấy, ca dao địa danh xứ Quảng xuất hiện dưới dạng các mô hình chủ yếu dưới đây:

1. *y + X*. Ví dụ như các bài:

*Nem chả Hòa Vang  
Bánh tổ Hội An  
Khoai lang Trà Kiệu  
Thơm rượ Tam Kỳ*

hay

*Tiếng đồn mì Quảng Phú Chiêm  
Cao lầu phố Hội, mắm nêm Cẩm Hà;  
Ốc bươu An Thái  
Trâu nái Cát Cao  
Bê thui Cầu Mống  
Cá bống Hội An  
Mua heo chợ Vạn  
Mua búa chợ Chùa...*

2. *X + y*. Chẳng hạn như:

*Hà Lam đường mía cũng nhiều;  
Chiêm Sơn là lụa mỹ miều;  
Vĩnh Điện chả lụa khô ché;  
Mỹ Xuyên bí rợ bí đao...*

3. *X + có + y*. Chẳng hạn như:

*Ai về chợ Vạn thì về  
Chợ Vạn có nghề nấu rượu nuôi heo;  
Ai về Bàu Ấu thì về  
Bàu Ấu có nghề đan giỏ cào nghêu;  
Ai về Trà Quế mà coi  
Trà quế có nghề giâm giá đậu xanh...*

4. *X<sub>1</sub> + có + [y + X<sub>2</sub>]* (*X<sub>2</sub>* là bộ phận của *X<sub>1</sub>*).





Chẳng hạn như:

*Quảng Nam có lụa Phú Bông  
Có khoa Trà Đũa, có sông Tam Kỳ...*

5. *X + sản xuất, kinh doanh + y.* Ví dụ:

*Hội An bán áo con trai  
Quế Minh bán nón, Xuân Đài bán tơ;  
Hội An bán gấm bán điều  
Mã Châu dệt lụa, Trà Nhiều bán hành;  
Phú Bông dệt lụa dệt sa...*

6. *Hỗn hợp.* Mô hình này bao gồm nhiều mô hình khác nhau, thường xuất hiện ở những bài ca dao có dung lượng lớn, giới thiệu nhiều sản vật, làng nghề của nhiều địa phương. Ví như:

*Đá than thì ở Nông Sơn  
Bông Miêu vàng bạc, Quế Sơn có chè  
Thanh Châu buôn bán nghề ghe  
Thanh Hà vôi ngói, mía che Đa Hòa  
Phú Bông dệt lụa dệt sa  
Kim Bồng thợ mộc, Ô Gia thợ rừng*

hay như:

*Sông Thu chẳng thiếu đồ đưa  
Bùi khoai chợ Được, mát dừa Kiến Tân  
Quế Sơn cau mít mấy tầng  
Mê bòn bon Đai Lộc, nhớ rượu cần Trà My...*

Có thể nói, với một số lượng lớn những địa danh gắn liền với nhiều nét đặc trưng của quê hương, ca dao xứ Quảng không những phản ánh được phần nào sự đa dạng, phong phú trong đời sống văn hóa, xã hội của địa phương mình mà còn thể hiện ở đó ít nhiều phương diện đời sống tinh thần của con người nơi đây.

*Cuối cùng,* địa danh trong ca dao còn gắn liền với những tình cảm tốt đẹp của con người xứ Quảng. Trước hết, đó là lòng tự hào, yêu mến đối với quê hương được thể hiện qua việc “khoe” cảnh đẹp, sản vật, làng nghề, truyền thống văn hóa nổi tiếng. Các công thức như *Quê em có + y, X (có) + y...* xuất hiện thường xuyên, cùng với đó là giọng điệu tha thiết, triu mến, say sưa là âm hưởng chủ đạo trong ca dao xứ Quảng, tất cả nói lên rằng người Quảng yêu mến thiết tha, rất đỗi tự hào về mảnh đất quê hương mình.

Tình cảm tốt đẹp ấy còn thể hiện ở nếp sống tình nghĩa, chan hòa, coi trọng đạo lý của người Quảng. Trong kho tàng ca dao xứ Quảng, có nhiều địa danh được nhắc đến gắn liền với tình đất, tình người đậm thắm, như:

*Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm  
Rượu Hồng Đào chưa nhấm đã say*

*Bạn về nằm nghỉ gác tay  
Hỏi nơi mô ơn trượng nghĩa dày bằng ta;  
Hội An đất hẹp người đông  
Nhân tình thuận hậu là bông đủ màu*

hay

*Trà My sông núi đượm tình  
Nơi đây là chỗ thượng Tinh chan hòa...*

Nhiều địa danh trong ca dao xứ Quảng còn được nhắc đến với tư cách là biểu tượng của con người Quảng chân thành, ngay thẳng, thủy chung. Nhiều địa danh được nhắc đến trong ca dao với những mệnh đề giả định phi lý để qua đó, khẳng định những phẩm chất tốt đẹp của con người xứ Quảng. Chẳng hạn:

*Bao giờ cầu Mống gãy đôi  
Sông Thu hết nước em mới thôi thương chàng;  
Bao giờ cạn nước Thu Bông  
Ngập chùa Non Nước lời đồn em mới tin...*

Bên cạnh các địa danh của địa phương, trong ca dao xứ Quảng còn có một số địa danh của các địa phương khác. Chẳng hạn:

*Quảng Nam hay cãi/ Quảng Ngãi hay co  
Bình Định hay lo  
Thừa Thiên ních hết*

hay như:

*Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình  
Hỏi em ba tỉnh em thuận tình tình mô...*

Nhìn chung, đây không phải là những bài ca dao “thuần Quảng”. Phạm vi sử dụng của chúng rộng hơn một địa phương và “tác giả” của chúng là nhân dân của tỉnh nào cũng thật khó xác định. Tuy chiếm số lượng không lớn nhưng bộ phận ca dao này cũng góp phần nhất định vào việc làm phong phú, đa dạng và đặc sắc cho ca dao xứ Quảng nói chung, hệ thống địa danh trong ca dao xứ Quảng nói riêng.

Tóm lại, địa danh trong ca dao xứ Quảng không những có số lượng lớn, tần số xuất hiện cao, đa dạng về loại hình, nguồn gốc và phương thức định danh mà còn mang trong mình nhiều đặc trưng về tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội của vùng đất Quảng xưa, nay. Đặc biệt, địa danh trong những bài ca dao này còn phản ánh phần nào đời sống tinh thần cũng như tâm hồn, tính cách, lối sống của con người xứ Quảng. Tìm hiểu ca dao địa danh xứ Quảng, nhờ đó, có thể hiểu thêm về đất và người xứ Quảng trong tiến trình lịch sử. ■

# Sao không tìm ngọn đèn?

DIỆU THẢO

**K**hác với chúng sanh còn chìm đắm trong vòng sanh tử khổ đau bởi chưa tỉnh ra cơn mê ái dục, Đức Phật được tôn xưng là bậc Giác ngộ, nghĩa là người thức tỉnh về sự thật khổ đau nhân sinh và ra khỏi vòng luân hồi khổ đau, không còn bị vị ngọt (*assāda*) của các cảnh giới tái sanh làm cho say đắm mê muội. Trong lịch sử nhân loại, Phật là người có những ưu tư sâu sắc về khổ đau nhân thế và cũng là người đầu tiên thức tỉnh về sự luân quần của cái chuỗi hiện hữu bất tận gắn liền với các nỗi khổ già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Kinh tạng Pàli còn ghi lại đầy đủ những nỗi niềm trần trở của Ngài:

*“Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: ‘Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết’<sup>1</sup>.*

*Cười gì, hân hoan gì,  
Khi đời mãi bị thiếu,  
Bị tối tâm bao trùm,  
Sao không tìm ngọn đèn?”<sup>2</sup>.*

*“Sao ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị*

*sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Vậy ta, tự mình bị sanh, sau khi thấy nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết bàn... tự mình bị già... tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi thấy sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn”<sup>3</sup>.*

Bản kinh *Thánh cầu* (*Ariyapariyesānasutta*) thuộc tuyển tập *Trung Bộ* cho biết chính nỗi niềm ưu tư trần trở không dứt về sự luân quần khổ đau của chuỗi hiện hữu đã thôi thúc thái tử Siddhattha rời bỏ hoàng cung, khước từ ngôi vị hoàng đế tương lai để dẫn thân vào con đường tìm kiếm chân lý thoát khổ. Sau nhiều năm bôn ba tìm thầy học đạo, Ngài đã tự mình nỗ lực tu tập và phát hiện ra chân lý Khổ (*Dukkha*) và Diệt khổ (*Dukkhanirodha*). Từ đó, Ngài trở thành Phật, bậc thức tỉnh giữa thế giới mê lầm khổ đau, và tuyên bố chân lý giải thoát khổ đau cho nhân loại.

Theo lời Phật thì chân lý ấy không ở đâu xa, nằm ngay trong mỗi con người, trong tư duy nhận thức và đời sống của mỗi người, cứ bình tâm suy xét thì dần dần sẽ sáng ra. Đó là sự khổ có mặt trong mỗi chúng sinh (sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tăng hội), tiềm tàng trong mỗi cá nhân, do nhân duyên mê lầm và thói quen tham dục tạo nên (*do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức*





duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này) và đó là sự chấm dứt mọi hệ lụy khổ đau (sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não...) nhờ phát huy trí tuệ và ý chí, quyết tâm cắt đứt các duyên mê lầm tạo nên khổ đau (do đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này).

Với mục đích thức tỉnh cho chúng sinh ra khỏi mê lầm khổ đau, Đức Phật giảng nói chi tiết về các nỗi khổ trầm luân:

“Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là sữa mẹ mà các Ông đã uống trong khi các Ông lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài, chớ không phải nước trong bốn biển”<sup>4</sup>.

“- Vô thi là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt

ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

- Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

- Lành thay, lành thay, này các Tỳ-kheo! Lành thay, này các Tỳ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này, chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng mẹ chết... các Ông chịu đựng con chết... các Ông chịu đựng con gái chết... các Ông chịu đựng tai họa về bà con... các Ông chịu đựng tai họa về tiền của...

Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng tai họa về bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa, bệnh tật, chớ không phải nước trong bốn biển.

Vì sao? Vô thi là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

Cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành”<sup>5</sup>.

Bậc Giác ngộ quan tâm nêu rõ mọi hệ lụy khổ đau của luân hồi tái sanh để nhắc nhở các học trò mình phải biết nhàm chán rời bỏ tâm thức mê lầm tạo nên khổ đau. Đây hẳn là sự khai thị lớn của bậc Chánh đẳng giác cho chúng sinh, cho nhân loại. Bởi chỉ có những bậc giác ngộ rất ráo như Đức Phật mới thấy hết (liễu tri) ngọn nguồn và căn nguyên khó nhận diện của khổ đau. Thông thường, chúng sinh quen sống với cảm giác ưa thích hiện hữu và khao khát sở hữu, nhưng những bậc giác ngộ thì thấy rõ khổ đau nằm ở chỗ thích thú hiện hữu và sở hữu. Tựa như đứa con chào đời thì cha mẹ vui sướng, nhưng chính sự hiện diện của đứa con khiến cha mẹ không tránh khỏi sầu muộn<sup>6</sup>.

“Cái này có thì cái kia có. Cái này sanh thì cái kia sanh”. Chính vì vậy mà Phật mới bảo người nào không nhận ra sự khổ của tái sanh (hiện hữu), không biết rời bỏ tâm khao khát đối với khoái lạc đời này và đời khác (sở hữu) thì phải chịu cảnh luân hồi dài dài<sup>7</sup>, tựa như kẻ trần trọc đêm đêm chịu đựng đêm dài không ngủ, hoặc như người bộ hành ốm yếu cảm thấy mệt mỏi vì đường dài lê thê vậy:



*Đêm dài cho kẻ thức,  
Đường dài cho kẻ mệt,  
Luân hồi dài, kẻ ngu,  
Không biết chơn diệu pháp<sup>8</sup>.*

Nhàm chán, từ bỏ, giải thoát đối với các hành (*samkhàra*) tức là thấy sợ hãi đối với sự kiện tái sanh và quyết tâm từ bỏ động cơ tạo ra khổ đau trầm luân. Các hành được nhấn mạnh ở đây chính là hành uẩn (*samkhàrakkhandha*) trong ngũ uẩn, một dạng tâm thức ái luyến sinh khởi trong con người do tập khí vô minh thô thức, có chức năng thúc đẩy mạnh mẽ ý chí hoạt động của con người, thô thức con người làm việc này hay việc khác, tạo ra cái này hay cái khác, nắm bắt cái này hay cái khác, lấy cho được cái này hay cái khác<sup>9</sup>.

Chính tâm thức ái luyến này, cũng được gọi là ý chí tạo tác (*cetanà*), làm cho sanh khởi, làm cho hiện hành các pháp hữu vi<sup>10</sup>, tức sự sinh khởi của danh sắc (*nàmarūpa*)<sup>11</sup> hay ngũ uẩn (*pancakkhandhà*) (chúng sinh) trong các cảnh giới tái sinh<sup>12</sup> đồng nghĩa với khổ đau: sanh, già, bệnh, chết tiếp tục được tạo ra<sup>13</sup>, tiếp tục sinh khởi và hiện hành.

Đây chính là nguyên nhân của tái sinh khổ đau mà trong phần định nghĩa về Khổ tập (*Dukkhasamudaya*) Đức Phật đã nhấn mạnh: “*Chính ái này đưa đến tái sanh, cầu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia (tìm cầu các cảnh giới tái sanh thích hợp), tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái*”.

Vì vậy, sự nhàm chán, từ bỏ các hành chính là từ bỏ động cơ hay nguyên nhân tạo ra khổ đau, tức tâm tham ái, khiến cho sự kiện tái sinh không còn tiếp diễn, không còn xảy ra, được chấm dứt, gọi là khổ diệt (*dukkhanirodha*) hay tịch tịnh Niết-bàn (*parinibbàna*).

Theo quan điểm của đạo Phật thì hết thảy nỗi khổ sanh tử trầm luân của chúng sinh đều có chung nguồn gốc là vô minh (*avijjà*) và tham ái (*tanhà*), nghĩa là do không thấy được tính chất vô thường, biến hoại, khổ đau của bản thân mình (danh sắc, ngũ uẩn hay sáu nội xứ) cũng như thế giới chống đỡ cho mình tồn tại (sáu ngoại xứ) nên chúng sinh rơi vào thích thú, hân hoan, ái luyến đối với mọi thứ mà mình có được, đạt được, sở hữu được trong quá trình hiện hữu, xem chúng là của mình, mong muốn chúng tiếp tục đến với mình, tiếp tục hiện hữu, tiếp tục là sở hữu của mình trong tương lai.

Chính thái độ thiếu hiểu biết (vô minh) về bản chất vô thường, khổ đau của hiện hữu đi kèm với lòng tham ái muốn tạo tác, nắm giữ, sở hữu và duy trì những thứ mà mình ưa thích là động lực khiến cho sự kiện tái sanh tiếp tục xảy ra, một đời sống mới được hình thành, cũng đồng nghĩa với khổ đau: sanh, già, bệnh, chết tiếp tục được tạo ra, tiếp tục hiện hữu và kéo dài trong chuỗi luân hồi bất tận. Kinh Phật gọi thái độ thiếu hiểu biết như vậy là *phi Thánh cầu (anariyapariyesàna)*, tức tâm lý mê lầm: “*tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết, tự mình bị sâu lại tìm cầu cái bị sâu*”<sup>14</sup>.

Chính vì thế mà để dứt trừ khổ đau, ra khỏi vòng sanh tử luân quần, thì cần phải có trí tuệ sáng suốt, phải nỗ lực dứt trừ vô minh, từ bỏ tập quán tham ái, nghĩa là phải học cách thay đổi nhận thức, thay đổi các thói quen trong đời sống hàng ngày. Bao lâu cứ nhìn cuộc đời theo cảm thức vui-buồn, sướng-khổ, thành công-thất bại, hy vọng-thất vọng thì nay tập nhìn sâu hơn, tỉnh táo hơn để hiểu ra rằng tất cả những gì đi qua đời mình không gì khác là một chuỗi các sự kiện vô thường, hư huyền, sanh và diệt do nhân duyên, hoàn



toàn không phải của mình, mình không nắm bắt được, không làm chủ được. Bao lâu cứ xem cuộc đời là chỗ an toàn để tạo dựng “lâu đài hạnh phúc” thì nay tập nhìn sâu hơn, tinh táo hơn để thấy ra rằng lòng tham đã vẽ nên nhiều ảo tưởng sai lầm, khiến cho đời mình trở nên quay cuồng, mê say, tham đắm, phóng dật, lầm lỗi, mệt mỏi và phiền muộn, vì thực sự không có gì tuyệt đối an toàn và hạnh phúc trên cõi đời vô thường này.

Tất cả đều là giả hợp, tạm thời, thay đổi, biến hoại, không tồn tại mãi, không phải của mình. Hết thầy chỉ là hệ quả của tâm thức mê lầm thích ôm ấp khổ đau. Nhận thức được như thế tức là bắt đầu tỉnh ra, có chánh kiến, có trí tuệ, hết mê lầm, hết quay cuồng, hết khao khát khổ đau.

Thực ra thì cái vòng khổ đau luẩn quẩn tưởng chừng như khó hiểu và không lối thoát ấy cũng không có gì bí mật và khó vượt qua đối với khả năng hiểu biết và ý chí của con người. Nó đã được tạo ra do duyên mê lầm tích tập lâu ngày trong chuỗi hiện hữu vô thì nay cần phải được dỡ bỏ dần nhờ nuôi dưỡng và phát triển trí tuệ trong các đời sống có thức tỉnh.

Hẳn nhiên, không phải cứ hiểu ra vấn đề thì mê lầm liền tan biến, nhưng cứ mỗi lúc một ít cố nhận diện cho thật đúng (Thiền quán) về bản chất khổ đau của hiện hữu thì mê lầm dần dần được nhiếp phục và tiêu trừ. Đạo Phật gọi tiến trình nỗ lực đi ra khỏi vòng luẩn quẩn khổ đau như vậy là tiến trình bào mòn các tập khí sanh tử mê lầm (vô minh, ái, thủ...) <sup>15</sup>, cần phải được thực hiện một cách kiên trì và bền bỉ, đôi khi phải mất nhiều đời kiếp, với thái độ hiểu biết sáng suốt và tinh táo. Kinh Phật dùng hình ảnh một người gầy yếu cảm thấy kinh hãi khi bị hai kẻ lực lưỡng dùng sức mạnh nướng mình trên hố than hồng nên cố vùng vẫy mạnh với ý chí quyết tâm thoát khỏi hầm lửa đầy nguy hiểm để mình họa cho sự sáng suốt và ý chí thoát ly khổ đau sanh tử của một người bắt đầu nhận ra sự nguy hại của các mắt xích giam cầm chúng sinh trong vòng luân hồi mê lầm <sup>16</sup>. Lẽ tất nhiên, kẻ gầy yếu ấy cần phải tiếp tục nuôi dưỡng ý chí và trí tuệ lâu dài cho đến lúc đủ mạnh thì mới thoát khỏi hai kẻ lực lưỡng kia.

Nói cách khác, nhờ thức tỉnh, tức hiểu rõ đâu là thiện nên theo, đâu là ác cần phải từ bỏ; ý thức rõ đâu là khổ cần phải nhiếp phục, đâu là giải thoát cần phải phát huy, mà con người phát khởi ý chí thay đổi, tức quyết tâm chuyển hóa lối sống của mình, từ mê lầm đi theo tà đạo (tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định) sang sáng suốt sống theo chánh đạo (Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định). Đây chính là biểu hiện của trí tuệ và ý chí đi ra khỏi khổ đau, tức năng lực nhận diện đầy đủ sự kiện khổ đau trầm luân đi kèm với ý chí quyết tâm theo đuổi con đường thoát khỏi luân hồi khổ đau.

Đức Phật xác nhận rằng do thiếu hiểu biết về Khổ, Khổ tập, Khổ diệt và Con đường đưa đến khổ diệt nên

bản thân Ngài cũng như mọi chúng sinh khác phải chịu cảnh rong ruổi luân hồi trong nhiều đời kiếp <sup>17</sup>.

*“Nhưng nay, này các Ty-kheo, Thánh đế về Khổ đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đến tái sanh (bhavanetti). Nay không còn tái sanh nữa”* <sup>18</sup>.

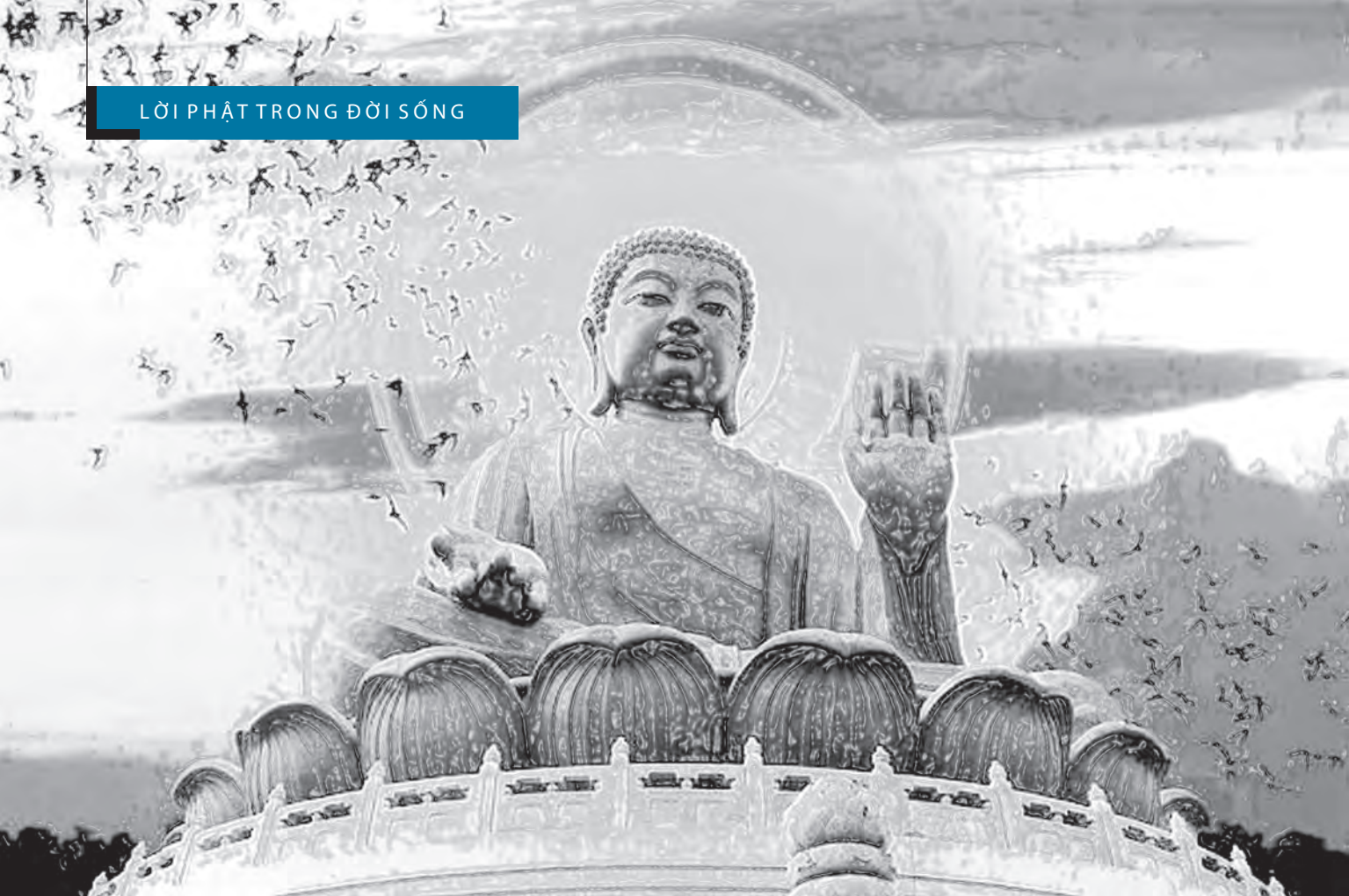
Đức Phật đã giác ngộ, đã ra khỏi vòng luẩn quẩn khổ đau nhờ chứng nghiệm bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo và Ngài tin mọi người khác cũng có khả năng đạt được mục đích giác ngộ giống như Ngài. Vì vậy Ngài tuyên thuyết đầy đủ về bốn Thánh đế, giúp cho nhân loại tìm thấy lẽ sống sáng suốt và an toàn, dần dần rời xa phiền não khổ đau, tỉnh ra cơn mộng lớn của nhân sinh là thích thú rong ruổi trong thế giới sanh tử luân hồi. Bạc Giác ngộ nêu rõ cho mọi người về cách thức ra khỏi vòng luẩn quẩn khổ đau, gồm bốn bước tu tập <sup>19</sup>:

- Tập trung nhận diện đầy đủ về Khổ,
- Quyết tâm dứt trừ nguyên nhân (tham ái) đưa đến Khổ tập khởi,
- Nỗ lực chứng nghiệm về Khổ đoạn diệt (tham ái diệt), và
- Tinh tấn thực hành Con đường (Bát Thánh đạo) đưa đến khổ đoạn diệt.

Tóm lại, với sự chứng ngộ và tuyên thuyết chi tiết về Khổ (*Dukkha*) và Diệt khổ (*Dukkhanirodha*), Đức Phật là người đem đèn sáng vào trong bóng tối để cho những ai có mắt có thể thấy rõ lối đi ra khỏi vòng vô minh, thoát khỏi vòng luẩn quẩn khổ đau của sự kiện sanh tử luân hồi. ■

#### **Chú thích:**

1. Kinh Thành ấp, *Tương Ưng Bộ*.
2. *Pháp Cú*, kệ số 146.
3. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
4. Kinh Sữa, *Tương Ưng Bộ*.
5. Kinh Nước mắt, *Tương Ưng Bộ*.
6. Kinh Vui Thích, *Tương Ưng Bộ*.
7. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 342.
8. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 60.
9. Đại Ca-chiên-diên nhất dạ hiền giả, *Trung Bộ*.
10. Kinh Đàng được ăn, *Tương Ưng Bộ*.
11. Kinh Tư Tâm sở (1), *Tương Ưng Bộ*.
12. Kinh Tư Tâm sở (2), *Tương Ưng Bộ*.
13. Kinh Tư Tâm sở (3), *Tương Ưng Bộ*.
14. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
15. Kinh Sự tu tập, *Tăng Chi Bộ*; Kinh Vị giữ giới, *Tương Ưng Bộ*.
16. Kinh Thịt đứa con, *Tương Ưng Bộ*.
17. Kinh Minh, *Tương Ưng Bộ*.
18. Kinh Minh, *Tương Ưng Bộ*.
19. Kinh Như Lai thuyết, *Tương Ưng Bộ*.



# Mắt từ trông chúng sanh

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

“Sau khi Như Lai diệt độ, người thiện nam thiện nữ nào muốn vì bốn chúng mà nói kinh *Pháp Hoa* này thì phải nói như thế nào? Người ấy phải vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng rộng nói kinh này.

Nhà Như Lai chính là tâm đại từ bi với tất cả chúng sanh. Y Như Lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục. Tòa Như Lai là tất cả pháp Không. An trụ trong đây rồi dùng tâm không biếng trễ vì các Bồ-tát và bốn chúng rộng nói kinh *Pháp Hoa* này”.

(Phẩm *Pháp sư*, thứ 10)

Sinh hoạt của Phật, nhà, y áo và chỗ ngồi của Phật là trí huệ và từ bi. Chỗ ở của Phật là pháp giới *Pháp Hoa*, và muốn vào chỗ trú ngụ của Phật thì phải có hai yếu tố chính của Đại thừa là trí huệ tánh Không và đại từ đại bi. Hơn nữa, nhà Như Lai hay pháp giới *Pháp Hoa* là cái đã có sẵn, chỉ việc đủ trí huệ và từ bi là được vào.

Trong bốn hạnh an lạc của Bồ-tát, hạnh nào cũng có từ bi. Ở đây chỉ trích ra bài kệ của hạnh thứ ba:

*Nếu muốn nói kinh này  
Phải bỏ bệnh kiêu mạn  
Nịnh dối, tâm tà ngụy  
Thường tu hạnh chất trực.  
Chẳng có khinh miệt người  
Cũng chẳng hý luận pháp  
Chẳng khiến người nghi ngại  
Rằng người chẳng thành Phật.  
Phật tử ấy nói pháp  
Thường nhu hòa hay nhẫn  
Từ bi với tất cả  
Chẳng sanh tâm biếng trễ.  
Đại Bồ-tát mười phương  
Thương chúng sanh, hành đạo  
Phải sanh tâm cung kính  
Đó là đại sư ta.  
Với chư Phật Thế Tôn*



*Sinh tướng cha vô thượng  
Phá tan tâm kiêu mạn  
Thuyết pháp không chướng ngại.  
Pháp thứ ba như thế  
Người trí cần giữ gìn  
Nhất tâm hạnh an lạc  
Vô lượng chúng cung kính.*

(Phẩm An lạc hạnh, thứ 14)

Thường tụng đọc bài kệ này, chúng ta sẽ thể nghiệm được từ bi trong nhiều khía cạnh của nó, với người dưới và với người trên, những chướng ngại ngăn che tâm từ bi tỏa sáng, để sinh hoạt của chúng ta là “từ bi với tất cả”.

Tâm từ bi của Phật trùm khắp pháp giới, đó cũng là nhà Như Lai:

*Nay ba cõi này  
Đều là của ta  
Tất cả chúng sanh  
Đều là con ta.*

(Phẩm Thí dụ, thứ 3)

Ba cõi đều là của ta, tất cả chúng sanh đều là con của ta. Cửa ta nghĩa là cửa tâm từ bi trùm khắp. Thế giới này là cửa tâm từ bi. Tâm từ bi ấy là vô duyên từ bi, đồng thể từ bi. Tâm từ bi chính là pháp giới *Pháp Hoa*.

Không chỉ trong kinh *Pháp Hoa*, mà ở những kinh khác, Bồ-tát Quán Thế Âm là đại diện cho tâm từ bi của Đại thừa. Tâm từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm không chỗ nào không có:

*Mười phương các cõi nước  
Không đâu chẳng hiện thân.*

(Phẩm Phổ môn, thứ 25)

Bồ-tát Quán Thế Âm là cái thấy (quán) của trí huệ và từ bi. Nơi Bồ-tát, trí huệ và từ bi hợp nhất, đâu có trí huệ thì ở đó có từ bi, và đâu có từ bi, chỗ đó là trí huệ. Trí huệ và từ bi là một, một ánh

sáng thanh tịnh, một mặt trời phá các tối, một ánh sáng chiếu khắp thế gian.

*Chân quán, thanh tịnh quán  
Trí huệ quán rộng lớn  
Bi quán và từ quán  
Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng.  
Quang thanh tịnh không vết  
Huệ nhật phá các tối  
Hay trừ nạn khói lửa  
Sáng khắp, chiếu thế gian.*

(Phẩm Phổ môn, thứ 25)

Từ bi ấy là ánh sáng thanh tịnh không vết dơ, sự sáng khắp ấy chiếu toàn thế gian, “không đâu chẳng hiện thân”. Từ bi trùm khắp ấy biến thế gian thành tâm từ bi của Bồ-tát. Phẩm của Bồ-tát Quán Thế Âm có tên là *Phổ môn*, có nghĩa là cửa mở ở khắp cả, cửa mở vào



khắp cả. Phổ môn có nghĩa là cửa từ bi ở khắp cả, mở vào từ bi khắp cả.

Từ bi ấy hay Bồ-tát Quán Thế Âm là tất cả công đức, là biển vô lượng trùm khắp tất cả mọi thế giới. Hẳn là chúng ta cũng đang ở trong biển đại từ đại bi ấy:

*Đủ tất cả công đức  
Mắt từ trông chúng sanh  
Biển vô lượng phước tụ  
Bởi thế, nên đánh lễ.*

(Phẩm Phổ môn, thứ 25)

Từ bi ấy không có trung tâm mà đâu cũng là trung tâm, là đại dương bao la, không có hiện hữu nào có thể ở ngoài. Đại dương từ bi đang trùm phủ mọi thế giới, mọi chúng sanh, mọi thực thể hữu tình cũng như vô tình. Chính vì đại dương từ bi vô lượng này nên kinh nói bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu mà niệm danh hiệu Bồ-tát là được đáp ứng ngay.

Từ bi ấy hiển hiện nơi con mắt, nơi quán (nhìn thấy, trông). Con mắt nhìn thế gian (quán thế): Mắt từ trông chúng sanh. Và con mắt từ bi ấy là cửa ở khắp cả, cửa mở vào khắp cả (phổ môn), cho nên một trong những hình tượng của Bồ-tát Quán Thế Âm có ngàn mắt ngàn tay (Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm). Cho nên bất cứ lúc nào chúng ta, dù chỉ một phần nhỏ, “mắt từ trông chúng sanh” là chúng ta đang tương ứng với mắt Quán Thế Âm.

Để đi vào pháp giới *Pháp Hoa*, trụ trong pháp giới ấy như Bồ-tát Quán Thế Âm, chúng ta cần nhìn mọi sự và người khác bằng “mắt từ trông chúng sanh”. Trong mắt từ, sự vật, thế giới, chúng sanh được chuyển hóa thành sự biểu lộ của tâm từ bi. Tất cả mọi sự là hiện thân của tâm từ bi: “Mười phương các cõi nước, không đâu chẳng hiện thân”.

Khi nào chúng ta nhìn một sự vật, một cái cây, một đám mây, một con người bằng “mắt từ trông chúng sanh”, khi ấy, chúng ta bắt đầu đi vào pháp giới *Pháp Hoa* hay tâm từ bi của Quán Thế Âm. Khi ấy chúng ta thấy sự vật, con người, thế giới không còn là sự vật, con người, thế giới, mà chính là tâm từ bi của Quán Thế Âm, cũng là tâm từ bi của chư Phật.

Chính mắt từ trông chúng sanh biến mọi sự, mọi người thành thiêng liêng và thanh tịnh. Tâm từ bi biến thế giới ta-bà này thành tịnh độ hay pháp giới *Pháp Hoa*. ■

# Thiền phái Thảo Đường Đại Việt

THÍCH THIÊN NHƠN

## I. Nguồn gốc

### A. Tại Trung Hoa

Theo lịch sử truyền thừa Thiền tông Ấn Hoa, tính từ Sơ tổ Ma-ha Ca-diếp đến Tổ Bồ-đề-đạt-ma là Tổ thứ 28 tại Ấn Độ; khi Tổ sang truyền đạo tại Trung Hoa thì thành Sơ tổ, tính đến Tổ Huệ Năng là thứ 6, nhưng là Tổ thứ 33 Thiền tông Ấn Hoa.

Tổ Huệ Năng có hai vị đệ tử xuất sắc là Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng (đời thứ 7). Nam Nhạc truyền cho Mã Tổ Đạo Nhất (đời thứ 8), Mã Tổ truyền cho Bách Trượng Hoài Hải (đời thứ 9) và Thiên Vương Ngộ (đời thứ 9). Trong đó, Thiên Vương Ngộ (đời thứ 9) truyền cho Long Đàm Sùng Tín (đời thứ 10), Long Đàm truyền cho Đức Sơn Tuyên Giám (đời thứ 11), Tuyên Giám truyền cho Tuyết Phong Nghĩa Tôn (đời thứ 12). Nghĩa Tôn truyền cho Vân Môn Văn Yến và Huyền Sa Sư Bị (đời thứ 13). Văn Yến (864-949) thành lập Tông Vân Môn, một trong năm môn phái Thiền Trung Hoa và trở thành đời thứ nhất của Tông Vân Môn. Văn Yến truyền cho Hương Lâm Trùng Viễn (đời thứ 2), Trùng Viễn truyền cho Trí Môn Quang Tộ (đời thứ 3). Quang Tộ truyền cho Trùng Hiên Minh Giác (980-1052) (đời thứ 4). Minh Giác Tuyết Đậu truyền cho Thảo Đường (đời thứ 5), Nghĩa Hòa, Trí Phước, Truyền Tông thuộc đời thứ 5 v.v... nhưng là đời thứ 17 Thiền Trung Hoa.

Thiền sư Trùng Hiên Minh Giác, họ Lý tự Ẩn Chi, trụ trì chùa Tư Khánh, núi Tuyết Đậu, phía Tây huyện Phụng Hóa tỉnh Triết Giang, Trung Hoa. Thiền sư viên tịch năm 1052 Tây lịch dưới thời Tống Nhân Tông, thụy hiệu Minh Giác Đại Sư là do nhà vua ban cho. Theo phong tục Nho giáo, sau ba năm cư tang Bồ sư (1052-1055), Thiền sư Thảo Đường theo các thuyền buôn của thương nhân sang Lâm Ấp (Champa - Chiêm Thành) truyền đạo. Như vậy thời gian chậm nhất cũng là những năm 1057, 58, 59 Thiền sư Thảo Đường đến Chiêm Thành truyền đạo.

### B. Tại Đại Việt

Năm 1069, vua Lý Thánh Tông chinh phạt Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm là Chế Củ và một số tù binh, trong đó có tù binh Thảo Đường. Về đến kinh thành Thăng Long, tù binh Thảo Đường được giao cho một vị Tăng lục (Bát Nhã hay Huệ Sinh?) để phục dịch. Một hôm Ngài Tăng lục đi ra ngoài, tù binh Thảo Đường thấy bản chép tay Ngũ lục của Tăng lục có một vài chữ sai, Ngài liền sửa lại. Khi phát hiện, Tăng lục trình lên vua Lý Thánh Tông. Nhà vua cho vời tù binh Thảo Đường đến

hỏi nguyên do, qua trao đổi nhà vua phát hiện đây là một thiền sư nổi tiếng của Trung Hoa sang truyền đạo tại Chiêm Thành và bị bắt. Nhà vua rất khâm phục và giải phóng, tôn làm Quốc sư (1070-1071), cử Ngài về trụ trì chùa Khai Quốc (Trần Quốc) trong kinh thành Thăng Long để hành đạo, đồng thời được xem như Tổ khai sáng Thiền phái Thảo Đường Đại Việt (Việt Nam).

Qua đó, Thiền sư Thảo Đường là Sơ tổ Thiền phái Thảo Đường Đại Việt (Việt Nam) và truyền cho vua Lý Thánh Tông thuộc đời thứ 1 (theo dòng phái là đời thứ 2) như sau:

- Sơ tổ - Thiền sư Thảo Đường chùa Khai Quốc (đời thứ 5 Thiền phái Vân Môn).

- Đời thứ 1, gồm có ba vị: Hoàng đế Lý Thánh Tông, Thiền sư Bát Nhã (chùa Phúc Thánh làng Dịch Vương Trương Canh), cư sĩ Ngô Xá làng Bảo Tài Long Chương (nổi pháp trực tiếp Thiền sư Thảo Đường).

- Đời thứ 2, có bốn vị: Tham Chính Ngộ Ích, nổi pháp Hoàng đế Lý Thánh Tông. Thiền sư Hoàng Minh làng An Lăng, Vĩnh Hưng nổi pháp Thiền sư Bát Nhã. Thiền sư Không Lộ chùa Quang Nghiêm - Hải Thanh, Thiền sư Định Giác (Giác Hải), gốc dòng Vô Ngôn Thông) hai vị trên nổi pháp cư sĩ Thiền sư Ngô Xá.

- Đời thứ 3, có bốn vị: Thái phó Đỗ Anh Vũ, nổi pháp Thiền sư Tham Chính Ngộ Ích (dị bản, nổi pháp Thiền sư Định Giác (Giác Hải)). Thiền sư Phạm Âm làng Thanh Oai, An La, nổi pháp Thiền sư Thiệu Minh - Hoàng Minh. Hoàng đế Lý Anh Tông, Thiền sư Đỗ Đò, hai vị này nổi pháp Thiền sư Không Lộ (dị bản, nổi pháp Thiền sư Định Giác (Giác Hải), gốc dòng Vô Ngôn Thông).

- Đời thứ 4, có ba vị: Thiền sư Trương Tam Tạng, nổi pháp Thiền sư Phạm Âm (dị bản, nổi pháp Thiền sư Không Lộ, Thiền sư Định Giác (Giác Hải)). Thiền sư Chân Huyền, Thái phó Đỗ Thường, hai vị này nổi pháp Thiền sư Đỗ Đò đời thứ 6 Thiền phái Thảo Đường (dị bản, nổi pháp Thiền sư Tịnh Giới (Thiền), dòng Vô Ngôn Thông).

- Đời thứ 5 (đời thứ 10 Thiền phái Vân Môn), có bốn vị: Thiền sư Hải Tịnh, Hoàng đế Lý Cao Tông, tướng nhị quân giáp Nguyễn Thức, ba vị này nổi pháp Thiền sư Trương Tam Tạng. Phụng ngự Phạm Đăng, nổi pháp Thiền sư Chân Huyền (dị bản, nổi pháp Thái phó Đỗ Đò).

Qua các thế hệ truyền thừa Thiền phái Thảo Đường, chúng ta nhận thấy tính từ Sơ tổ Thảo Đường là 6 đời, gồm có 19 thiền sư, trong đó có ba Hoàng đế là Hoàng đế Lý Thánh Tông (1054-1072), Hoàng đế Lý Anh Tông





(1138-1175), Hoàng đế Lý Cao Tông (1176-1210), 10 vị Thiền sư xuất gia: Thiền sư Thảo Đường, Thiền sư Bát Nhã, Thiền sư Hoàng Minh, Thiền sư Không Lộ, Thiền sư Định Giác, Thiền sư Phạm Âm, Thiền sư Đỗ Đò, Thiền sư Trương Tam Tạng, Thiền sư Chân Huyền, Thiền sư Hải Tịnh và một vị cư sĩ Ngô Xá, cùng năm quan chức Triều Lý: Tham chính Ngô Ích, Thái phó Đỗ Anh Vũ, Thái phó Đỗ Thường, Quản giáp Nguyễn Thức, Phụng ngự Phạm Đăng dưới triều Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lý Thần Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông có thể kéo dài tới Lý Huệ Tông, Lý Chiêu Hoàng (1225). Cụ thể năm 1212, vua Lý Huệ Tông đã lánh nạn tại tư dinh của Đại Liêu Ban Đỗ Thường ở Đông Ngạn, khi vua Lý Cao Tông bắt giam Phạm Bình Di, thuộc hạ là Quách Bốc ủng hộ Phạm Bình Di nên gây loạn ở triều đình, nhà vua và Thái tử Sâm (Lý Huệ Tông) phải bỏ kinh thành chạy loạn.

Theo *An Nam chí lược*, *Thiền uyển tập anh*, nói: "Thiền sư ngồi ngay thẳng thị tịch, hưởng thọ 50 tuổi", không ghi ngày tháng năm. Tuy nhiên, theo sử liệu, Thiền sư phải tịch trước những năm Hội Phong thứ 5 (1096). Vì khi Phù Thánh Cảm Linh Nhân Hoàng Thái hậu (Hoàng Thái hậu

Ỗ Lan, vợ vua Lý Thánh Tông, mẹ vua Lý Nhân Tông) hỏi Thiền sư Thông Biện về các Thiền phái tại Đại Việt, Thiền sư chỉ đáp có: "Thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi và Vô Ngôn Thông", không nhắc đến Thiền sư Thảo Đường, Thiền phái Thảo Đường. Vì có lẽ Thiền sư đã viên tịch từ lâu, không còn người kế thừa làm Tông chủ, Thiền chủ như các Thiền phái khác. Nhất là vua Lý Thánh Tông đã băng hà năm 1072, còn những vị thiền sư khác chắc không có gì xuất sắc.

## II. Đặc trưng

Thiền phái Thảo Đường Đại Việt, nguyên thủy thuộc Thiền phái Vân Môn, Trung Hoa. Thiền sư Minh Giác Tuyết Đậu là thầy Thiền sư Thảo Đường. Tư tưởng chủ đạo là Tuyết Đậu Ngũ Lục Thiền Công án do Thiền sư khởi thảo gồm các tiết mục: Lời thăng tòa thuyết pháp, pháp ngữ, niệm hương, những cơ duyên truyền đăng, gần 100 năm sau tới Viên Ngộ Khắc Cần (1063-1135) thuộc phái Lâm Tế đã hoàn thành dưới tên là *Bích Nham lục*, do Thiền sư Minh Giác đã chọn 100 công án trong số 1.700 công án của bộ *Cảnh đức Truyền đăng lục*. Tuy nhiên, khi hình thành và phát triển tại Đại Việt

- Việt Nam, thì có sự kết hợp giữa Thiên - Tịnh - Mật - Nho, do đó tư tưởng vận hành của Thiên phái mang tính dung hợp để tồn tại, phát triển hơn 150 năm, gần nửa triều Lý, đến đời Trần (1225 - 1400), vẫn còn ảnh hưởng thiên công án của Thiên sư Tuyết Đậu Vân Môn, như Phật là gì? Một cục phân khô, gậy chống hóa rồng, Vân Môn cột trụ v.v... trong các tác phẩm của Thiên sư Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung v.v...

Mặc dù Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông là người chứng ngộ lý Thiên Thảo Đường, nhưng tư tưởng tôn sùng pháp môn Niệm Phật, Thiên Tịnh song tu, Tịnh độ hóa nhân gian vẫn được duy trì và áp dụng cho Môn phái tại chùa Khai Quốc (Trần Quốc) và Thiên Phúc (Bắc Ninh). Cụ thể, năm 1057, vua Lý Thánh Tông sai Lang tướng Quách Mãn tạc tượng Phật A-di-đà cao 1m8, tôn thờ tại tháp chùa Thiên Phúc (Phật Tích). Hằng năm, vua Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông đều thân hành đến làm lễ, sau này sang nhà Trần, vua Trần Nhân Tông, Trần Nghệ Tông vẫn thường đến chùa Thiên Phúc (Vạn Phúc) hành lễ, tổ chức các lễ hội tại đây. Nhất là vua Trần Nhân Tông cho xây dựng cung Bảo Hoa. Khi xây dựng xong, nhà vua đã biên soạn quyển “*Bảo Hoa Dư Bút*” để lưu niệm. Thiên sư Không Lộ (sinh ngày 14-8 năm Bính Thìn, tịch ngày 13-6-1119 Giáp Tuất) đã đúc tượng Phật A-di-đà thờ tại chùa Quỳnh Lâm, Đông Triều, Hải Dương nay là Quảng Ninh.

Đặc tính kết hợp Mật giáo, thông qua Thiên sư Bát Nhã, Thiên sư Không Lộ, Thiên sư Giác Hải cũng cho thấy yếu tố Thiên - Tịnh - Mật được kết hợp trong quá trình tu học, hành đạo của các thiên sư Thiên phái, tình hình kéo dài cho đến đời Trần vẫn còn, nhất là đời Trần Minh Tông, Trần Anh Tông, Trần Nghệ Tông. Vua Trần Minh Tông cho dịch bộ kinh *Tán Cát Đà-la-ni* v.v... thậm chí cả Pháp Loa đại sư đã làm lễ Quán đảnh và trì chú cho vua Trần Anh Tông, Văn Huệ Vương, Uy Vệ Vương v.v... và phân khoa chú thích kinh *Kim Cang Trường Đà-la-ni*, soạn bộ *Hộ Quốc Nhân Vương Nghi Quỹ* dùng riêng cho vua Trần Minh Tông, cho đến Thiên sư Huyền Quang (1254 - 1334) đã cho thiết kế đài Cửu phẩm Liên hoa tại chùa Tu Phúc (Côn Sơn, Hải Dương) v.v... Không những thế mà còn kéo dài cho đến thời Lê, Nguyễn và cận đại, yếu tố Thiên - Tịnh - Mật song tu vẫn còn tiếp diễn đến ngày nay tại các cơ sở của Phật giáo Việt Nam qua các Thiên phái Tào Động, Lâm Tế, Nguyên Thiều, Liễu Quán chẳng hạn.

Yếu tố Nho giáo tồn tại trong Thiên phái Thảo Đường triều Lý là điều rất rõ ràng - Tôn quân, ái quốc, tận trung là điều kiện để tồn tại và phát triển đất nước và xã hội Đại Việt theo phương thức định chế Nho giáo. Qua đó, khái niệm quân thần, phụ tử, đạo vua tôi vẫn tiếp tục thể hiện rõ nét trong cung cách hành xử của triều đình bá quan văn võ và thần dân trong nước, cũng như những người kế thừa Thiên phái Thảo Đường Đại Việt.

Một vấn đề đặc biệt là Thiên phái Thảo Đường không phân biệt vua, quan, thiên sư, Tăng tục, miễn là ngộ lý

Thiên thì bình đẳng như nhau. Qua đó, số thiên sư cư sĩ ngộ lý Thiên kế thừa chiếm đa số, và phần lớn đều là những nhân tài, thành phần trí thức của xã hội đời Lý, làm tiền đề cho Thiên học thời Trần sau này (1225 - 1400) của Đại Việt, góp phần xây dựng đất nước, phục vụ nhân dân làm cho dân giàu nước mạnh dưới thời Đại Việt và cho Phật giáo đời Trần với thời gian kéo dài gần 200 năm.

Dù Thiên phái Thảo Đường tồn tại phát triển gần 200 năm trên đất nước Đại Việt (Việt Nam), nhưng vì mang tính Thiên tri thức, quan chức, triều đình vua chúa, không phổ thông hóa trong dân gian, nên không bám rễ được lâu dài trong lòng nhân dân và xã hội. Do đó, khi những người kế thừa và triều đại đi qua thì dòng Thiên cũng theo đấy mà mờ dần và mai một, tuy nhiên ảnh hưởng di sản là pháp môn Thiên - Tịnh - Mật song tu vẫn còn bàng bạc trong các hệ tư tưởng, văn học và các môn phái khác trong suốt chiều dài lịch sử Phật giáo Việt Nam gần 1.000 năm qua.

### III. Kết luận

Thiên phái Thảo Đường thuộc Thiên phái Vân Môn, một trong năm môn phái Thiên Trung Hoa là Tào Động, Lâm Tế, Qui Ngưỡng, Pháp Nhãn, Vân Môn hoạt động tại Trung Hoa hơn 200 năm. Sang Đại Việt (Việt Nam) tính từ Tảo Đường đời thứ 5 Thiên phái Vân Môn Trung Hoa, nhưng là đời thứ nhất Thiên phái Thảo Đường Đại Việt, truyền xuống cho vua Lý Thánh Tông, kết thúc vào thời vua Lý Cao Tông (1210) và các thiên sư khác, tổng cộng gần 200 năm trên đất Việt, gồm có 19 vị thiên sư, mười thiên sư xuất gia, chín thiên sư cư sĩ. Thiên sư Thảo Đường là đời thứ nhất, truyền cho vua Lý Thánh Tông là đời thứ hai nhưng là đời thứ 6 Thiên phái Vân Môn, cho đến thế hệ thứ 6 là đời thứ 10. Dù Thiên phái chỉ tồn tại trong thời Lý, từ năm 1069 đến năm 1225 nhưng tư tưởng Thiên, Tịnh, Mật song tu vẫn còn tác động ảnh hưởng đến các thiên phái khác như Tỳ-ni-đa-lưu-chi (Thiên sư Chân Không), Quảng Nghiêm, Viên Chiếu, Thiên sư Minh Trí, Trí Bảo thuộc Thiên phái Vô Ngôn Thông v.v... cho đến Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần và Lê, Nguyễn (Nguyên Thiều, Liễu Quán) về sau, cho đến ngày nay, tư tưởng Thiên - Tịnh - Mật kết hợp cùng tu tập vẫn còn tồn tại mạnh mẽ, gần như đại đa số Tăng Ni, Phật tử, các cơ sở tự viện Phật giáo Việt Nam đều hành trì pháp môn ngũ thiên, niệm Phật, trì chú v.v...

Như cổ đức dạy: “*Đặt gương Tở trước ta sau. Bớt duyên niệm Phật, pháp mẫu nào hơn*”. ■

#### Tài liệu tham khảo:

- *Thiên sư Trung Hoa* - HT.Thanh Từ, Nxb TG, 2002.
- *Thiên sư Việt Nam* - HT.Thanh Từ, 1992.
- *Thiên uyển tập anh* - GS.Lê Mạnh Thát, Nxb TP, 1999.
- *Việt Nam Phật giáo sử luận* - Nguyễn Lang, Nxb VHHN, 2008.
- *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* - GS.Lê Mạnh Thát, Nxb TP, 2002.
- *Phật giáo thời Lý* - Ban PGVN, VNCPHVN, HVPGVN - TP.HCM, 2010.
- *An Nam chí lược* - Lê Tắc.
- *Việt điện U linh tập* - Lý Tế Xuyên.



# Quan điểm folklore Việt Nam về tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm

THÍCH NỮ TÂM DIỆU

Nói đến folklore Việt Nam là nói đến tổng thể sáng tạo, thành tựu văn hóa dân gian ở mọi nơi, mọi thời của dân tộc hiện đang tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam. Cũng vậy, nhiều huyền tích, huyền thoại, huyền sử trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam cho ta thấy tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm khi du nhập vào Việt Nam đã giao thoa với tinh thần dân tộc. Đặc biệt, động Hương Tích đã trở thành một di tích văn hóa và chùa Hương đi vào huyền thoại Bà Chúa Ba trở thành quê hương của Bồ-tát Quán Thế Âm tại Việt Nam. Bên cạnh đó, còn phải kể đến vở chèo dân gian *Quan Âm Thị Kính*, một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của sân khấu dân gian Việt Nam, thể hiện và chứa đựng nhiều nội dung thẩm mỹ về cái bi, cái đẹp và cái cao thượng, đan lồng trong tinh thần tuệ giác của Phật giáo. Ngoài ra, còn nhiều tác phẩm đặc sắc lột tả được tinh thần Từ bi (Kṣānā) phát huy cái thiện và Trí tuệ (Prajñā) sắc bén trấn điều ác trên thế gian.

Theo ý kiến K.V. Trixot, "*Folklore là một trong những thành phần quý giá nhất trong nền văn hóa của mỗi dân tộc. Sự chọn lọc qua hàng thế kỷ, nhờ hàng trăm ngàn người thường thức và biểu diễn đã đảm bảo cho sự tồn tại lâu dài của nó trong truyền thống của những bài hát, truyện cổ, truyền thuyết, những tác phẩm phản ánh đặc biệt sinh động những thị hiếu nghệ thuật, lý tưởng, hi vọng, khát vọng, cuộc sống và tâm hồn của nhân dân*".

Tại Việt Nam, Bồ-tát Quán Thế Âm xuất hiện rải rác, khoảng mười câu chuyện cổ tích<sup>2</sup>, với motif<sup>3</sup> nói về sự tu tập của các vị sư, cứu người độ thế và trừ phật cái ác:

Truyện *Sự tích chim tu hú*, truyện *Sự tích con nhái*, cho thấy motif, Quán Âm thị hiện *thử thách* sự tu hành của các bậc tu sĩ và dạy người tu Phật phải thực hành rất ráo pháp môn *Lục độ Ba-la-mật*. Hơn thế nữa, khi phát tâm tu học hạnh nguyện Bồ-tát, hoàn thành sở tu, chúng ta phải biết quay trở lại *giúp người, cứu độ chúng sanh*.

Truyện *Sự tích con Tằm*, truyện *Quán Âm Thị Kính*, *Quán Âm tái thế* hay truyện *Quán Âm Nam Hải (Bà Chúa Ba)* đều xoay quanh motif Bồ-tát Quán Thế Âm thị hiện giúp người và *độ thế nhân*.

Tiếp đến, motif *trùng trị điều ác* xuất hiện rõ nét qua câu chuyện *Công chúa Liễu Hạnh*, truyện *Phạm Nhĩ hay sự tích ông Ba Mươi*. Hai câu chuyện trên, hình ảnh Bồ-tát Quán Thế Âm xuất hiện đại diện cho cái thiện để trừng

trị, chiến đấu với cái ác. Như vậy, trong tâm thức người Việt rất hào hùng và sẵn sàng chiến đấu với cái ác. Người dân luôn nương nhờ vào sức mạnh cái Thiện mà quyết tâm đứng lên chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước.

Đến nay, hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm trong tục ngữ và ca dao Việt Nam xuất hiện khá nghèo nàn. Thật ra, tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm đã có ngay thời kỳ đầu Công nguyên. Mà sao trong tục ngữ và ca dao lại chiếm số lượng quá nhỏ? Có lẽ vì người Việt trong dân gian không biết Phật Bà chính là hiện thân của Bồ-tát Quán Thế Âm. Do vậy, người viết, trích dẫn những câu tục ngữ hay ca dao nói về Phật Bà Quán Âm cũng chính là Bồ-tát Quán Thế Âm hay Bồ-tát.

Chính trong sinh hoạt dân ca đã tập hợp, lời cuốn và thúc đẩy dân chúng trong sinh hoạt, nghỉ ngơi, vui chơi và lễ hội. Những câu tục ngữ, ca dao liên quan đến Bồ-tát Quán Thế Âm nhấn mạnh về đạo đức, gia đình, tình yêu đôi lứa, lao động sản xuất... tạo thành văn hóa quần chúng hóm hỉnh, trào lộng và tiểu lâm.

*Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*<sup>4</sup>.

Nói đến, chữ hiểu đối với hai bậc song thân thể hiện rất đặc biệt, tôn vinh công đức phụng dưỡng lên hàng vị Phật và Bồ-tát.

*Cha già là Phật Thích-ca,*

*Mẹ già đích thị Phật Bà Quán Âm* [sđd, tr.64].

Thêm nữa, người tu theo Phật, luôn hướng tâm mình đến Bồ-tát, cầu xin Ngài mở rộng hạnh nguyện mà cứu khổ chúng sanh.

*Nam-mô Đức Phật Quán Âm,*

*Ra tay cứu khổ trăm luân muôn loài* [sđd, tr.197].

Miêu tả tâm trạng con người luôn hướng đến sự tu học theo hạnh Bồ-tát phá điều gian và chống cái ác.

*Ngó qua chùa lớn làm chay,*

*Thỉnh ông Tiêu Diện, thỉnh bà Quán Âm* [sđd, tr.197].

Còn có những chi tiết phác họa và chế giễu sự tu hành của các sư sãi:

*Nam-mô Đức Phật Quán Âm,*

*Bao nhiêu vải mằm thì lấy tiểu tôi* [sđd, tr.197].

Trong tình yêu, cô gái ẩn dụ thể hiện sức mạnh trong việc kiểm soát người yêu. Cho dù, anh có thiên





biến vạn hóa cũng khó thoát khỏi lòng bàn tay bé nhỏ của em, nó có diệu dụng như tay của Phật Bà.

*Anh như Đại Thánh trên mây  
Em đây bé nhỏ như tay Phật Bà<sup>5</sup>.*

Cho đến nay, trong giới khoa học, truyền thuyết, thần thoại được xem là một thể loại tự sự dân gian, trở thành đối tượng nghiên cứu khoa học của bộ môn Folklore, phát triển từ thế kỉ XIX. Ở nước ta, truyền thuyết *Linh Nam chích quái*, chuyện *Từ Đạo Hạnh*, chuyện *Thiền sư Không Lộ*... tu hành theo hạnh nguyện Bồ-tát Quán Thế Âm, được Phật tử tin tưởng sự tiếp biến linh nghiệm, những câu chuyện tưởng chừng như hoang đường như thế mà được chấp nhận và truyền tụng rộng rãi trong dân gian.

Đầu thời Lý, tinh thần Từ bi của đạo Phật đi sâu vào sân khấu chèo gắn liền với sinh hoạt đời sống, hội hè của người Việt, sân chùa là trung tâm sinh hoạt làng xã, thường diễn ra các cuộc hội hè, vui chơi và họp chợ... Đức tính hy sinh, nhân ái, bao dung của Bồ-tát Quán Thế Âm đã hòa nhập vào đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu tâm linh của dân bản địa. Vì thế, vở chèo *Quán Âm Thị Kính* ra đời, dễ dàng hòa nhập vào đời sống cả dân tộc, chia sẻ những tâm tư nguyện vọng của một đất nước.

Tóm lại, *Quan điểm Folklore Việt Nam về tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm* thể hiện khá rõ nét qua hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm xuất hiện giữa chốn linh thiêng và nguy hiểm, giúp nhân dân phát huy điều thiện, trấn áp điều ác và phát huy tinh thần bảo vệ đất nước khi bị giặc phương Bắc xâm chiếm. Hơn nữa, người dân Việt còn có niềm tin tuyệt đối và cung kính tôn thờ Ngài trong mọi ngõ ngách tâm hồn.

#### **Bồ-tát Quán Thế Âm trong cách tôn thờ tại Việt Nam**

Tại Việt Nam, Phật tử theo Phật giáo Đại thừa đều có niềm tin vững chắc vào tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm. Họ thiết kế điện thờ và vị trí thờ tự Ngài khá trang nghiêm, thể hiện niềm tin sâu sắc của mình. Hơn thế nữa, tượng Ngài được thờ với nhiều hình tượng khác nhau, chứng tỏ sự ứng thân với mục đích phổ độ chúng sanh muôn nơi khắp chốn.

Hiện nay, các chùa trong cả nước phổ biến khắp thờ bộ Di-đà tam tôn. Phật A-di-đà đứng giữa, Bồ-tát Quán Thế Âm đứng bên phải và Bồ-tát Đại Thế Chí đứng phía bên trái, nằm giữa Đại Hùng Bảo điện. Người ta tin quý Ngài sẵn lòng từ bi tiếp dẫn chúng sanh về thế giới Cực lạc. Do vì, Bồ-tát Quán Thế Âm biểu tượng cho lòng Từ bi và Bồ-tát Đại Thế Chí biểu tượng cho Trí tuệ. Điểm



đáng quan tâm, hình tượng bộ ba A-di-đà là dấu tích sự tồn tại Bồ-tát Quán Thế Âm dưới dạng nam nhân tại Việt Nam<sup>6</sup>. Đặc biệt, trong đời sống tâm linh người Việt tín ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm với thiên tính nữ đến nỗi quên mất Quán Thế Âm nam.

Phật giáo Mật tông Việt Nam, thờ phổ biến tượng Chuẩn Đề Quán Âm và Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm. Hai tượng này xuất hiện trong tín ngưỡng Lục Quan Âm<sup>7</sup>. Thật ra, tượng Chuẩn Đề Quán Âm là ứng hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm phổ độ chúng sanh khắp nẻo nhân gian. Có 9 loại: 2 cánh tay, 4 cánh tay... 84 cánh tay. Pháp khí thường cầm Kết Ấn, Kiếm, Xâu Chuỗi, Chày Kim Cang... Vị trí thường các chùa thờ chính giữa của Đại hùng Bảo điện, phía trước và thấp hơn tượng Phật, hay còn thờ ở Quả đường của các tự viện.

Kể đến, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm (Avalokiteśvara sahasrabhuja locana) là ứng thân của Bồ-tát Quán Thế Âm trong chốn địa ngục. Thông thường hình ảnh Ngài là 11 mặt, 27 mặt có 40 cánh tay (thêm 2 tay trên chắp lại, Định Ấn thành 42 cánh tay). Theo kinh *Đại bi tâm đà-la-ni*, từ vô lượng kiếp, có Thiên Quang Vương Tịnh Trú Như Lai xuất hiện vì chúng sanh mà tuyên thuyết Đại bi tâm đà-la-ni. Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Âm nghe và tu chứng từ Địa thứ nhất lên tới Địa thứ tám, tâm rất hoan hỷ, liền phát đại nguyện thân sinh ngàn tay ngàn mắt phổ độ chúng sanh khắp cõi địa ngục, thoát khỏi tam chướng<sup>8</sup>. Như phân tích trên, Phật tử tu theo Phật giáo Đại thừa tại Việt Nam, chuyên tu Đại bi thần chú. Mọi người thường thờ Ngài ở một phòng riêng trong chánh điện. Tại Việt Nam, bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm ở chùa Bút Tháp rất xuất sắc, một kiệt tác nghệ thuật Phật giáo Việt Nam.

Miền Bắc nước ta, thờ Quán Âm rất phổ biến dưới dạng phụ nữ Việt Nam là Quán Âm Diệu Thiện và Quán Âm Tống Tử, xuất phát từ Hương Sơn với sự tích Phật Bà. Quán Âm Tống Tử với câu chuyện nôm Quán Âm Thị Kính, xuất phát tại chùa Đậu, thờ riêng biệt phía bên phải điện thờ. Đáng người phụ nữ thùy mị tay bồng đứa trẻ sơ sinh. Hầu hết, các vị hiếm muộn con thường đến chùa trang nghiêm dâng lễ trước hình tượng Ngài, khẩn vái cầu tự.

Ngoài ra, Quán Âm tọa sơn cũng xuất hiện khá phổ biến. Thiết trí tôn thờ khá linh động tùy vào sự ngưỡng mộ và tình cảm của cư dân. Hơn nữa, còn dựa theo địa thế và phong thủy của từng ngôi chùa mà tôn thờ. Tôn tượng thường thiết trí trang nghiêm trong phong cảnh non nước hữu tình.

Lại nữa, miền Trung và miền Nam nước ta, khu vực Quảng Bình trở vào, thiết kế tôn thờ khá đơn giản. Tại Đại hùng Bảo điện, chính giữa là Phật Thích-ca, bên trái nhìn vào là tượng Bồ-tát Địa Tạng, bên phải là tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. Tượng Chuẩn Đề thiết kế thờ ở giữa và vị trí thấp hơn.

Xét thấy điểm nổi bật của các chùa phía Nam, từ Quảng Trị trở vào, là tượng Bồ-tát Quán Thế Âm tôn trí

ngay giữa sân chùa, trước chánh điện, đặc biệt là chùa Ni. Hình tượng Dương Liễu Quán Thế Âm, còn gọi là Bạch Y Quán Thế Âm, màu trắng, hình dáng một thiếu nữ thùy mị, choàng áo trắng dài quá gối, gió thổi tạo thành làn sóng uyển chuyển mềm mại.

Theo *Quán Âm Bảo Điện*<sup>9</sup>, Dương Liễu Quán Thế Âm còn gọi Dược Vương Quán Âm hạnh nguyện làm lợi ích cho chúng sanh, tùy thuận theo chúng sanh mà thị hiện, giống như cành Dương Liễu theo gió bay phất phới. Trong lịch sử, Dương Liễu Quán Thế Âm, xuất hiện trong kinh *Thỉnh Quán Âm* do Trúc-nan-đề đời Lưu Tống (424-479) dịch, biểu hiện Bồ-tát xuất hiện cứu chúng sanh thoát khỏi bệnh tật. Hiện nay, khắp thế giới hầu như tôn thờ khá trang nghiêm, xây dựng lộ thiên hay Quán Âm Các hoặc giữa sân chùa.

Trong chùa còn thờ Tiều điện Đại sĩ và Hộ pháp, hình dáng vị tướng quân, khoác áo võ tướng, đầu trâu, mặt ngựa, mặt đỏ, lưỡi dài nhìn rất hung dữ, vị trí tôn thờ hai bên chánh điện. Hạnh nguyện hộ trì ngôi Tam bảo, ủng hộ và bảo vệ cho các bậc tu sĩ yên tâm tu học. Còn có ý nghĩa trấn ác, trừ tà bảo vệ chúng sanh vượt qua tai nạn và gian nan muôn trùng trong đời sống hằng ngày.

Qua cách thờ tự của những người con Phật, ta có thể thấy người Việt Nam đặt con tim và khối óc vào niềm tin Bồ-tát Quán Thế Âm. Trong ca dao Việt Nam, thể hiện khá rõ nét Ngài là bậc Mẹ hiền tôn kính xoa dịu nỗi đau dương thế và là điểm tựa tinh thần vững chắc trong những lúc gian nguy.

*Cha già là Phật Thích Ca,*

*Mẹ già đích thị Phật Bà Quán Âm*<sup>10</sup>. ■

#### Chú thích:

1. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (1990), *Quan niệm về Folklore*, Nxb Khoa Học Xã Hội, tr.90.
2. Lê Như Thích Trung Hậu (sưu tầm) (2014), *Những truyện cổ Việt Nam mang màu sắc Phật giáo*, Nxb Hồng Đức, tr.33-61-228.
3. Motif: được sử dụng nhiều và nghiên cứu nhiều trong truyện kể dân gian. Thông thường, người ta xem motif là những phần nhỏ nào, thành tố nào có thể tách rời được, có thể lắp ghép được, hay lặp đi lặp lại và phải ít nhiều khác lạ, bất thường đặc biệt.
4. Lê Như Thích Trung Hậu (sưu tầm) (2015), *Ca dao Tục ngữ Phật giáo Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, tr.35.
5. <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/>.
6. Trần Trọng Kim (2002), *Phật lục*, Nxb Tôn Giáo, tr.72.
7. Lục Quan Âm: Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm, Thánh Quán Thế Âm, Mã đầu Quán Thế Âm, Thập Nhất Diện Quán Thế Âm, Chuẩn Đề Quán Thế Âm và Như Ý Luân Quán Thế Âm.
8. Tam chướng: phiền não chướng, nghiệp chướng và dị thực chướng.
9. Võ Thanh Tâm (dịch) (2010), *Quán Âm Bảo Điện*, Nxb Phương Đông, tr.181.
10. Lê Như Thích Trung Hậu (sưu tầm) (2015), *Ca dao Tục ngữ Phật giáo Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, tr.64.

# Frank Lee Woodward

## Nhà phiên dịch kinh điển Phật giáo tại Úc châu

THÍCH NGUYỄN TẠNG

Tên tuổi của Frank Lee Woodward nổi bật trong số các học giả Pali, người đã biên tập và chuyển ngữ kinh Phật thuộc Hội Phiên dịch Kinh điển Pali (Luân Đôn); tuy nhiên, Woodward được tôn kính và ghi nhớ công ơn mà ông đã phục vụ trong ngành giáo dục tại Tích Lan hơn là những gì ông đã cống hiến cho công tác phiên dịch kinh Phật.

Frank Lee Woodward sinh năm 1871 ở Norfolk, Anh quốc, con trai thứ ba của một giáo sĩ Anh giáo. Ở trung học, và sau đó ở Sydney Sussex College, Cambridge, ông là một tay chơi thể thao nổi tiếng, nhưng vào khoảng năm mười chín tuổi, ông trải qua một thời kỳ “u trầm” về tâm lý (psychological distress), đưa ông đến triết lý khắc kỷ của Marcus Aurelius, là người mà ông gọi là “cột trụ vững chắc cho những người sống nội tâm” (a pillar of strength to those who live inwardly).

Từ năm 1898 ông dạy học ở Stanford trong 5 năm, nhận bằng tiến sĩ ở Đại học Cambridge vào năm 1901. Trong khoảng thời gian này ông khám phá ra Thông thiên học (Theosophy), lúc đầu là qua thuyết luân hồi (reincarnation) của Plato. Ông gia nhập hội Thông thiên học (TTH) năm 1902, rất tin vào Đại tá Olcott và loại hình Phật giáo của ông này. Dù ngay từ lúc đó đã là một điều lỗi thời, nhưng như một người theo Phật giáo Thông thiên học, Woodward vẫn tuyệt đối tin vào các vị Mahatmas vùng núi Hy-mã-lạp mà bà Blavatsky đã nói đến.

Về sau ông viết cho một người bạn: “Đừng chê giáo lý Thông thiên học chỉ vì mình không nắm được hay vì có sự thiên về một mặt, tức là thiên về Ấn giáo. Đức Bồ-tát Di-lặc đang quán sát thế giới này”. (Do not repulse Theosophy Society’s teachings because you cannot grasp them or because on side is prominent i.e. Hinduism... the Bodhisatava Maitreya is watching over this world).

Là một người Thông thiên học thuộc phái cũ, ông sẵn sàng làm theo ý đại tá Olcott. Năm 1903, Olcott cử ông phụ trách chức vụ Hiệu trưởng Trường Makinda

của Hội Thông thiên học Phật giáo ở Galle, Tích Lan.

Ở đây ông làm việc không mệt mỏi trong mười sáu năm, đạt một địa vị huyền thoại gần ngang với đại tá Olcott. Không nhận tiền lương, ông dùng nhiều tài sản của mình để xây dựng những cơ sở mới và nghĩa cử này làm cho ông phải sống nghèo khó vào cuối đời. Tuy là một thầy giáo nghiêm khắc, ông vẫn được 350 nam sinh của trường này xem là thần tượng.

Ngoài công việc điều hành trường, ông đích thân giảng dạy với nhiều lớp khác nhau. Ông biết rõ tên của từng học sinh và nhớ cả tên lót mà chính ông

đặt cho từng người theo tên của nhân vật trong các vở kịch của Shakespeare. Woodward cũng dạy những lớp Phật học cao cấp. Ông thường mặc áo sơ mi trắng và thọ trì tám giới cấm vào ngày trăng tròn, ông cũng thường đích thân rửa chân cho nhiều vị Tăng khi họ đến trường khát thực. Trong một thời gian ông làm chủ bút tờ “Buddhist”, tạp chí Phật giáo hàng đầu của Tích Lan, và năm nào cũng đi Madras, Ấn Độ, để tham dự hội nghị hàng năm của Hội Thông thiên học. Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới bắt đầu có ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe của ông, vì thế năm 1919, trang bị với trọn một tấn sách và những “xá lợi”, tặng phẩm của các Tăng

sĩ ở quận Galle, ông về hưu ở Tasmania (Úc châu) và sống phần đời ba mươi năm còn lại của mình và dịch kinh sách tiếng Pali.

Woodward mua một vườn táo nhỏ cùng với ngôi nhà tranh của một hội viên TTH. Tọa lạc ở bờ sông Tamar cách Launceston 40 cây số, ngôi nhà của ông nhìn ra phong cảnh hùng vĩ của núi Ben Lomond, một trong những đỉnh núi cao nhất ở Tasmania, cách đó 65 cây số. Trong khung cảnh thơ mộng này, ông bắt đầu thực hiện công trình thực sự của đời mình, ở tuổi gần năm mươi. Ngoài việc thỉnh thoảng đóng góp bài vở cho tạp chí “Theosophy in Australasia”, công việc chính của Woodward là dịch thuật cho Hội Kinh điển Pali (Pali Text Society), do Tiến sĩ Rhys Davids thành lập năm





1881 ở Luân Đôn. Tính từ năm 1916 trở đi, số kinh sách đóng góp của ông không dưới mười sáu cuốn, trong đó có các kinh như *Trường Bộ kinh* (The Digha Nikaya, or Collection of Long Discourses), *Trung Bộ kinh* (The Majjhima Nikaya, or Middle-length Discourses), *Tương Ưng Bộ kinh* (The Samyutta Nikaya or The Grouped Discourses), *Tăng Chi Bộ kinh* (The Anguttara Nikaya, The Further-factored Discourses).

Đáng kể nhất là tuyển tập *"Lời Dạy của Đức Phật"* (Some Sayings Of The Buddha), có lẽ là cuốn này làm cho ông được nhớ đến nhiều nhất. Chirstmas Humphreys, một tín đồ Phật giáo Thông thiên học nổi tiếng ngang với Woodward, viết vào năm 1972 rằng ông xem cuốn này vẫn là tuyển tập về kinh điển Pali hay nhất đã được xuất bản. Cuốn này cũng được đưa vào loạt sách *"Cổ Thư Của Thế Giới"* (World's Classics Series) với lời giới thiệu của Sir Francis Younghusband. Đối với nhiều người Tây phương, kể cả những tín đồ Phật giáo Úc nổi tiếng sau này, thì cuốn *"Lời Dạy của Đức Phật"* vẫn là ngưỡng cửa để bước vào Phật giáo, và dù ngày nay văn phong của cuốn này có vẻ hào nhoáng, nó vẫn làm cho Woodward được đặt ngang hàng với Rhys Davids và Nyanatiloka như một học giả kinh điển Pali.

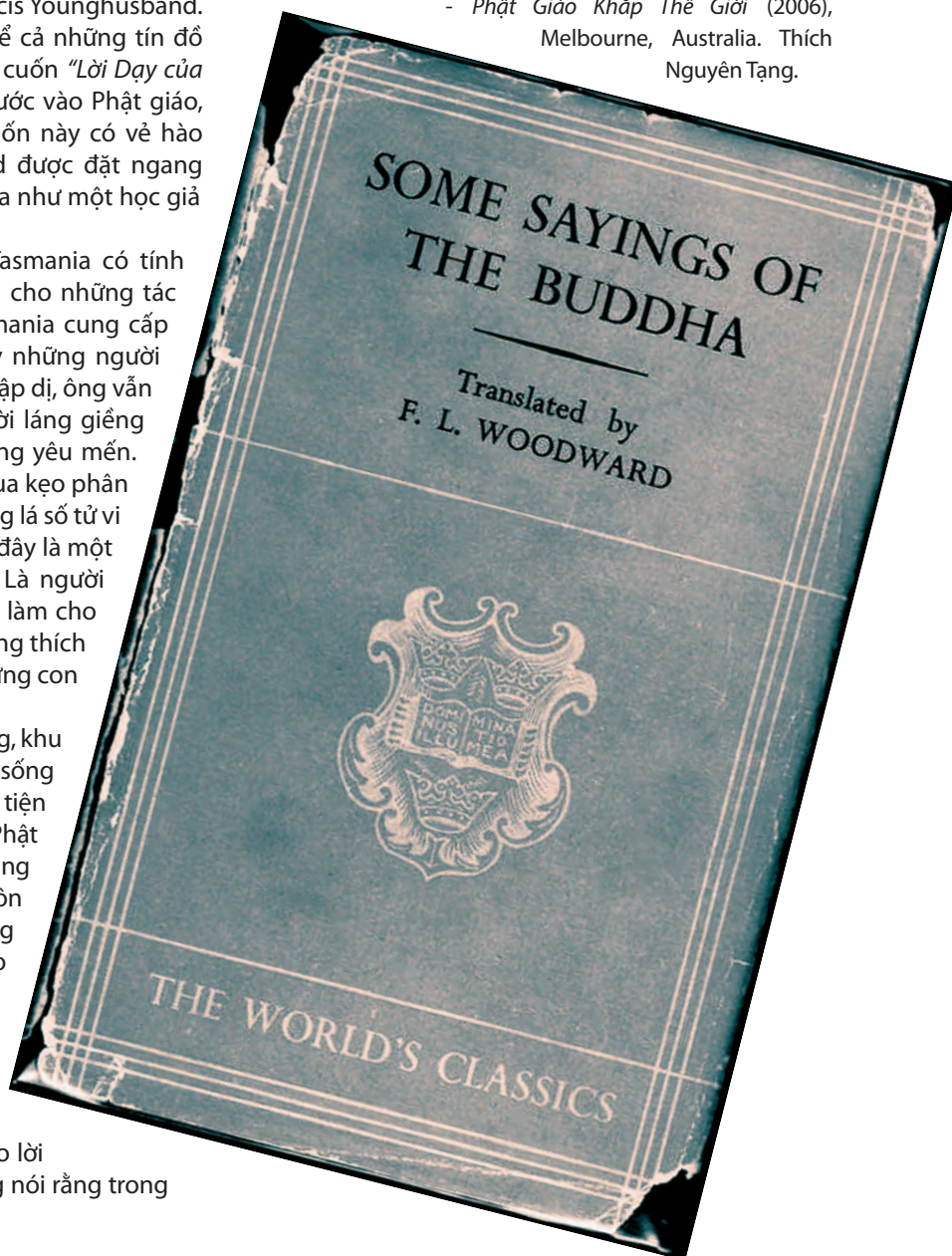
Đời sống của F.L. Woodward ở Tasmania có tính cách đơn sơ và thôn dã. Ông sống cho những tác phẩm dịch thuật của mình và Tasmania cung cấp sự tịch tĩnh cần thiết cho ông. Tuy những người trong làng này xem ông là có phần lập dị, ông vẫn giao tiếp thân mật với những người láng giềng gần nhất và được trẻ em địa phương yêu mến. Mỗi khi đến tiệm tạp hóa ông lại mua kẹo phân phát cho chúng. Ông cũng lập những lá số tử vi (astrological charts) cho các em, và đây là một thú giải trí theo Thông thiên học. Là người ăn chay trường và yêu súc vật, ông làm cho hàng xóm ngạc nhiên khi họ thấy ông thích loài rắn trong vùng, trong đó có những con rắn được ông đặt tên riêng.

Trong những năm cuối đời của ông, khu vườn không được chăm sóc, và lối sống "thiếu dục tri túc" của ông không tiện nghi gì hơn đời sống của một tu sĩ Phật giáo, với số tiền trợ cấp khoảng 70 bảng một năm, nhưng ông vẫn xem là luôn luôn khá "vui vẻ và sôi nổi" rồi. Ông hành thiền mỗi đêm, và trở nên xao lãng với vẻ bên ngoài của mình đến mức trong những dịp ít có rời khỏi "bán kính đạo viện", ông thường chỉ mặc "một cái quần pyjamas, một cái bao giấy thay cho áo sơ mi, và cái khăn đội đầu màu trắng", theo lời kể của ông. Những người láng giềng nói rằng trong

một chuyến đi dạo, ông tình cờ gặp Sir Robert Menzies lúc đó đang đi thăm người bạn trong vùng, và đã mời ông đến nhà mình uống trà. Woodward chỉ đi thành phố Launceston hai hay ba lần mỗi năm, thường là để tham dự những hoạt động của chi hội Thông thiên học địa phương. Ông tuyên bố rằng mình luôn luôn "tin tưởng vào phương diện tốt đẹp của bất cứ sự việc gì xảy ra". Có lẽ sự nhiệt thành này đã giảm bớt phần nào khi ông giao tiếp với những Phật tử Úc mỗi lúc mỗi đông hơn trong mấy năm trước khi ông qua đời vào năm 1952. ■

#### Tổng hợp theo tài liệu:

- *The Western Contribution to Buddhism.* William Peiris (1973). Motilal Banarsidass Publications, Delhi, India.
- *History of Buddhism in Australia 1848-1988.* Paul Croucher (1989) New South Wales University Press. Australia.
- *Phật Giáo Khắp Thế Giới* (2006), Melbourne, Australia. Thích Nguyên Tạng.



# Chủ trương thờ thần đất Việt và bài trừ mê tín của Phật giáo Hòa Hảo

HUỲNH HOÀI

*"Từ vì nước còn ghi linh miếu,  
Thác vì đời thanh sử danh bia"*

(Huỳnh Phú Sổ)

**P**hật giáo Hòa Hảo (PGHH) là một trong vài tôn giáo nội sinh tại Việt Nam, nên tư tưởng cũng chịu ảnh hưởng của Phật giáo Việt Nam trước đó, xa và khá rõ nét là về tinh thần nhập thế của Phật giáo Lý Trần; gần thì chịu ảnh hưởng tư tưởng của hệ phái Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH). Người sáng lập là ông Huỳnh Phú Sổ (HPS) (1920-1947) đã khéo kết hợp những tinh hoa của Phật giáo dân tộc để xây dựng nên hệ thống tư tưởng PGHH phù hợp với thời đại và cho dễ thích nghi với trình độ văn hóa của quảng đại quần chúng, đặc biệt đối với đồng bào ở miền Tây Nam Bộ mà đa số là thành phần nông dân ít học trong thời Pháp thuộc. Tuy nhiên, đặc điểm phương thức truyền dạy giáo lý của ông HPS có phần khác với các vị tổ đi trước trong hệ phái BSKH, cụ thể: không truyền dạy phép thuật mà đi sâu vào phổ thông giáo lý Phật-đà. Trong vòng gần 8 năm giáo hóa, người sáng lập PGHH đã thu nhận được hơn một triệu tín đồ. Ai có để tâm tìm hiểu về PGHH, đều công nhận ông đã đặc biệt thành công trong việc loại bỏ thói mê tín dị đoan, dưới các hình thức phổ biến trong dân, như đồng cốt, bói toán, tục đốt giấy vàng mã... Một điều quan trọng khác mà cho đến nay vẫn ít được người ta nhắc đến, đó là sự thành công của vị Giáo chủ trong việc tôn thờ hình tượng Nguyễn Trung Trực (gốc Việt) để thay cho hình tượng Quan thánh Đế quân (gốc Tàu) trong tâm thức người Việt. Song song theo đó là chủ trương loại bỏ hoàn toàn các vị gia thần mà bao đời dân Việt tin theo, vốn chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc: ông Táo, ông Địa, bà Cố Hỷ, ông Độ Mạng...

\*\*\*

Như chúng ta đều biết, Nguyễn Trung Trực là một vị anh hùng dân tộc đã hy sinh anh dũng cho nghĩa cả cứu nước, cứu dân. Tên thật là Nguyễn Văn Lịch, thường gọi Chơn, sinh năm 1837 (Đinh Dậu), người làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, phủ Tân An (nay thuộc xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An), mấy đời sinh sống bằng nghề chài lưới. Ông Nguyễn hy sinh ngày 27 tháng 10 năm 1868 (12 tháng 9 năm Mậu Thìn<sup>(1)</sup>) tại Rạch Giá.

Tháng 2 năm 1859, Pháp nổ súng tấn công thành Gia Định. Ứng theo lời kêu gọi của các vua cuối triều Nguyễn, ông đã chiêu mộ quân lính tham gia gìn giữ Đại đồn Chí Hòa, dưới quyền của Trương Công Định. Nhờ lập được nhiều chiến công khắp chiến trường Gia Định, Biên Hòa, ... nên được triều đình nhà Nguyễn phong chức Quân cơ, Lãnh binh, rồi Hà Tiên thành Thủ úy. Ông Nguyễn kéo quân về Hòn Chông lập căn cứ quyết chống Pháp đến cùng, cho đến lúc rơi vào tay giặc và phải thọ hình ngày 27-10-1868 tại chợ Rạch Giá, lúc mới 31 tuổi.

Nguyễn Trung Trực đã để lại một câu nói bất hủ: *"Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây"*.

Để tỏ lòng tôn kính, dân chúng gọi Nguyễn Trung Trực là "Ông Nguyễn" và đã lập đền thờ cúng ông khắp nhiều nơi ở Tây Nam Bộ: Long An, An Giang, Rạch Giá, Phú Quốc... nhang khói không ngừng. Ngay từ thời Pháp thuộc, việc thờ cúng này đã có. Hằng năm, trong lễ kỷ niệm ngày Ông Nguyễn hy sinh, tại Rạch Giá luôn có rất đông quần chúng tự động về tham dự, là một trong những lễ hội lớn nhất miền Nam ngày nay.

Danh sĩ Huỳnh Mẫn Đạt đương thời bấy giờ có điệu Ông Nguyễn một bài thơ, trong có hai câu rất xuất sắc, để nhắc đến hai chiến công vẻ vang của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực:

*Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa  
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỷ thần.*

(Lửa bùng Nhựt Tảo rêm trời đất  
Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quỷ thần).

Sau khi ông qua đời, triều đình nhà Nguyễn đã truy phong Nguyễn Trung Trực là Thượng đẳng Linh thần.

\*\*\*

Để làm sáng tỏ sự thay thế hình tượng Quan thánh Đế quân bằng hình tượng anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực trong PGHH, thiết nghĩ, cũng nên tìm hiểu sơ qua sự tín ngưỡng Quan thánh Đế quân của người Việt.

Đại khái, Việt Nam do ảnh hưởng văn hóa Tàu, nên dân gian từ xưa và khắp nơi đã có tục thờ Quan thánh Đế quân, quen gọi Quan công, tức một danh tướng Trung Quốc tên thật Quan Vũ (160-219), tự Văn Trường: *"Ở nội thành Hà Nội có ít nhất 4 làng từng lập Quan công làm Thành hoàng. Quan công còn là một trong những*





người được thờ chính ở đền Ngọc Sơn ngay trung tâm Hà Nội với tên Quan thánh Đế quân<sup>1</sup>.

Ngoài những nơi thờ riêng Quan thánh Đế quân gọi là chùa Ông, hay thờ tại tư gia làm thần hộ mệnh cho nam giới, Quan thánh Đế quân cũng còn được thờ kèm thêm trong nhiều chùa Phật. Theo nhận xét của nhà văn Sơn Nam liên quan tín ngưỡng của người dân đồng bằng sông Cửu Long: “Quan Vân Trường (Quan công) hiện thân của ‘trung cương nghĩa khí’, ‘trung nghĩa thiên thu’ đã ăn sâu vào tâm lý mọi người, (...) Trong hội kín, tinh thần của Quan công là khuôn vàng thước ngọc để đánh giá cách đối xử giữa các anh em kết nghĩa. Từ trước nhiều gia đình đã thờ Quan công, nhưng giai đoạn này [Pháp thuộc], Quan công được nhắc nhở nhiều hơn, trang thờ đặt trên cao, uy nghiêm, huyền bí hơn bàn thờ tổ tiên và thờ Phật. Trong chùa Phật, Quan công là ông Già-lam, sắc mặt bớt đỏ, râu cắt ngắn (...); khách thập phương có thể vào chùa, xin xăm với ông Già-lam này. Nhiều đình, chùa, miếu ở Sài Gòn, Chợ Lớn và rải rác chợ quận, chợ làng, khi xem lại thì lúc ban đầu nhằm thờ Quan công, về sau thêm chi tiết, không ai thắc mắc cho lắm<sup>2</sup>.”

Trong đạo Cao Đài, “Đức Quan thánh Đế quân là Tam trấn Oai nghiêm<sup>3</sup>, được thờ vào ngôi thờ Tam giáo và Ngũ chi. Đối với đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Quan thánh Đế quân cũng được thờ hết mực kính trọng, “Giữa nhà có bàn nhai đặng (mặt bàn có hai tầng). Trên hết thờ Quan thánh Đế quân, từng kể thờ Hội đồng Thượng Phật. Dưới chót có một bàn kinh (rời) ngoài lư hương ra, hai bên có chuông mõ, chính giữa một bộ kinh cúng dường 13 quyển<sup>4</sup>.”

Trong dân gian, nhiều thầy pháp lên đồng ngày xưa cũng hay tự xưng mình là xác của Quan thánh Đế quân.

Trái lại, ở PGHH, hình tượng của Quan thánh Đế quân rất mờ nhạt, nên trong *Sấm giảng thi văn* của Huỳnh Giáo chủ, Quan thánh Đế quân chỉ đôi khi được dùng như điển tích văn học, nhằm nêu lên khí tiết trung nghĩa mà thôi. Đại khái như:

“.. Quan công hầu gìn chặt nghĩa ân,  
Vượt năm ải về thăm huynh trưởng.  
Kẻ nghĩa khí thiên kim vạn lượng,  
Lũ nịnh thần sách sử nào khen<sup>5</sup>.”

Bởi Quan thánh Đế quân xét trên phương diện con người cho dù là bậc nghĩa khí đáng tôn thờ, mà tín đồ PGHH cũng kính trọng, nhưng trước sau vẫn là nhân vật xa lạ đầu đầu tận bên Tàu, không đủ tiêu chuẩn “anh hùng của đất nước”; đối với dân Việt, nước Việt càng không có công trạng gì cả. Đây có lẽ là một trong những lý do chính yếu giải thích tại sao ở những cơ sở thờ tự của PGHH, cũng như tại tư gia tín đồ PGHH đều không thờ vị thần tiêu biểu cho đức trung liệt này. Trong trường hợp người tín đồ mới quy y theo PGHH, nếu trước đó đã có thờ Quan thánh Đế quân làm thần hộ mạng, hay thờ các gia thần khác, thì người có uy tín trong đạo sẽ đảm trách phần giải thích với gia chủ, tháo gỡ các trang thờ này rồi thượng ba ngôi thờ cúng (sẽ nói sau) theo tôn chỉ của PGHH.

\*\*\*

Ông Nguyễn Trung Trực và đức Cố Quân Trần Văn Thành (thuộc phái Bửu Sơn Kỳ Hương, tiền thân của PGHH) có mối quan hệ thâm tình. Theo lời kể của ông Cả Mười (con ông Lâm Quang Ky) gánh họ Lâm ở làng Mỹ Hội Đông, Chợ Mới, Long Xuyên, thì Ông Nguyễn có lúc tá túc tại nhà họ. Ông Nguyễn có ngổi thuyền lên cù lao nhỏ Bình Thạnh Đông thăm Cố Quân Trần Văn Thành. Khi hay tin ông Nguyễn bị Pháp hành hình ở Rạch Giá, đức Cố Quân đang dấy binh chống Pháp tại Bảy Thưa, Châu Đốc “*Cố bùi ngùi vô hạn. Cố truyền cho binh sĩ phải lạng lễ ba ngày để tưởng niệm vị anh hùng vừa quá cố, lại sai người làm riêng một linh vị, khắc tên họ cụ Nguyễn, để lên thờ trên án tướng sĩ trận vong mà Cố đã cho đặt ra ở một bên quân doanh*”<sup>6</sup>.

Trong Thi văn của Huỳnh Giáo chủ cũng có bài thơ khoán thủ nói về ông Nguyễn Trung Trực, xin trích dưới đây:

*“THƯỢNG phẩm Đạo mẫu nẻo cao sâu,  
ĐẰNG đẳng hầy làm chớ để lâu.  
ĐẠI pháp vô-vi là chơn-lý,  
THẦN làm trọn vẹn khỏi lo âu.*

\*\*\*

*Huỳnh long tự thế gần sanh-chúng,  
Bổn tánh Hòa thôn Hào dĩ đầu...”*<sup>7</sup>.

Tín chúng PGHH cảm nhận: Có tinh thần, khí tiết Ông Nguyễn “hiện diện” rõ trong đức Giáo chủ của mình.

Triều đình phong thần cho Nguyễn Trung Trực là Thượng đẳng Linh thần. Trong PGHH, theo lời kể của ông Huỳnh Hữu Phi, Đức Thầy chỉ dạy ông Phi “*còn thiên đình thì phong cho Ngài làm Quan Thượng đẳng Đại thần*”<sup>8</sup>, và “*Những trường hợp nguy nan hay hoạn nạn nên niệm danh hiệu của Ngài thì chắc chắn được Ngài bảo hộ*”<sup>9</sup>. Toàn thể tín đồ PGHH luôn tin tưởng thời nầy là thời của quan Thượng đẳng Đại thần Nguyễn Trung Trực, nên khi gặp khó khăn luôn cầu xin sự gia hộ của Ngài.

Dượng Út tôi cũng là một tín đồ PGHH thuần thành, người mà tôi gần gũi nhất bên họ ngoại, nên biết rõ dượng rất tin tưởng vào Ông Nguyễn, gặp chuyện gì khó khăn, dượng Út tôi cũng cầu xin sự gia hộ của Ông Nguyễn. Sau này, em trai họ tôi, con của dượng, là một cầu thủ khá nổi tiếng, trước khi vào mỗi trận đá cũng cầu xin Ông Nguyễn gia hộ cho trận đấu tốt đẹp, như lời dượng dặn. Tôi còn nhớ lời dượng giải thích, cho Ông Nguyễn là người có đầy đủ khí tiết nhân nghĩa trung hiếu, là người có ơn với đất nước, Ông Nguyễn sẽ gia hộ cho người có lời xin chánh đáng.

Ngoài việc treo hình tưởng nhớ Ông Nguyễn tại tư gia, trong hai thời cúng lạy sáng, chiều của người tín đồ PGHH hằng ngày, đều có đọc bài Quy y trước ngôi Tam bảo, nhắc đến Ông Nguyễn với danh xưng “Quan Thượng đẳng Đại thần”, nội dung như sau: “*Nam-mô Ta-bà Giáo chủ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (tam niệm)*.”

*Nam-mô thập phương Phật. Nam-mô thập phương Pháp. Nam-mô thập phương Tăng. Nam-mô Phật Tổ, Phật Thầy, Quan Thượng đẳng Đại thần, chư quan cựu thần, chư vị sơn thần, chư vị Năm Non Bảy Núi, cảm ứng chứng minh, nay con nguyện cải hối ăn năn, làm lành lánh dữ, quy y theo mấy Ngài, tu hiền theo Phật đạo*”<sup>10</sup>.

Vào khoảng những năm 50 của thế kỷ trước, sau khi trùng tu ngôi chùa Tây An Cổ Tự tại Long Kiến, Chợ Mới thì tín đồ PGHH cũng xây ngôi đình thần thờ Nguyễn Trung Trực tại đây, và họ đã tổ chức phái đoàn đi rước sắc thần Ông Nguyễn ở Rạch Giá về thờ.

Hằng năm, đến ngày kỷ niệm Ông Nguyễn hy sinh vì nước, ban trị sự các cấp trong PGHH đều tổ chức lễ để tưởng nhớ. Ngoài việc tổ chức tại địa phương nơi các đình có thờ Nguyễn Trung Trực, tín đồ PGHH còn nườm nượp tề tựu về Rạch Giá để tham dự ngày kỷ niệm này, chiếm đến khoảng 80% lượng khách hành hương tham dự lễ hội. Họ đi từng đoàn, mang theo gạo, tương, bầu, bí, rau... nông sản do họ sản xuất để tổ chức các trại cơm, trại vông, trại nước... hoàn toàn miễn phí, cung cấp cho khách đi lễ hội.

Còn việc tín ngưỡng dân gian ở miền Tây Nam Bộ ngày xưa, các địa phương thường xây miếu thờ bà Cố Hy, năm Ông, Hà Bá, Ông Tà...

Tư gia thì thờ cúng Thần Tài, Ông Địa, Ông Táo, và vị thần độ mạng Quan thánh Đế quân, Cậu Tài Cậu Quý, Ngũ Công Vương Phật, Quan Bình Thái tử, Tử Vi Đại đế, Cửu Thiên Huyền Nữ nương nương, Chúa Ngọc nương nương, Phật bà Quan Âm, Chúa Tiên nương nương...

Khi ốm đau thì tìm đến thầy pháp, bà đồng để cúng kiếng, mà ít khi đi tìm thầy thuốc. Ai có đọc qua tác phẩm *Đồng quê* của nhà văn Phi Vân sẽ thấy được tệ nạn mê tín của người mình ở thế kỷ trước. Rồi nạn cúng sao giải hạn, hằng tháng phải vào chùa, hay đến những nơi đồng cốt, hoặc ở nhà tự cúng sao giải hạn nếu gặp hạn La Hầu, Kế Đô...

Do thấy được tính nguy hại của các loại tệ đoan nêu trên, nên Giáo chủ HPS rất quan tâm đến việc bài trừ mê tín:

*“... Bớt giết vật đặng mà cúng tế,  
Gẫm Thánh Thần đâu có tư riêng.  
Rủi ốm đau bởi tại căn tiền,  
Hoặc hiện kiếp làm điều bạo ác.*

...

*Đấng Thần Minh công bình trực dạ,  
Đâu ăn lo đổi họa làm may*”<sup>11</sup>.

Và trong “*Tôn chỉ hành đạo*”, ông còn ân cần nêu rõ hơn: “*Điều thứ năm: Ta chẳng nên ăn thịt trâu, chó, bò và không nên sát sanh hại vật mà cúng Thần Thánh nào, vì Thần Thánh không bao giờ dùng hối lộ mà tha tội cho ta, vì nếu ta làm tội sẽ hưởng tội, còn những hạng ăn đồ cúng kiếng mà làm hết bệnh là Tà Thần; nếu ta cúng kiếng mãi thì chúng ăn quen sẽ nhiều hại ta*”<sup>12</sup>.



Nhờ thẩm nhuận lời dạy của Giáo chủ, tập quán mê tín đã được dẹp bỏ trong vùng có đồng tín đồ PGHH, do đó các gia thần theo chân Tàu vào đất Việt cũng không còn được thờ cúng tại các tư gia. Trái lại, nghe theo lời vị Giáo chủ, họ tin vào luật nhân quả của nhà Phật, theo nghĩa ốm đau cũng có nhân duyên của nó, và họ xoay ra chỉ cầu xin sự gia hộ của Ông Nguyễn, của Trời, của Phật..., của những đấng thờ cúng hằng ngày để mong cho gặp được thuốc hay. Đồng thời, họ còn tổ chức các nhà thuốc nam miễn phí, giúp chữa trị cho mọi đồng bào nghèo (không phân biệt tôn giáo), gọi là “làm phước”.

Trong chiều hướng/ chủ trương thờ anh hùng dân tộc và bài trừ mê tín dị đoan như trên, tư gia của người tín đồ PGHH chỉ đơn giản gồm có 3 ngôi thờ cúng: Bàn thờ Ông Bà, Bàn thờ Phật (Tam bảo) và Bàn Thông Thiên. Trên phương diện hình thức thờ phượng, Giáo chủ HPS đã từng dạy rất rõ, và đây cũng có thể coi là một trong những điểm đặc sắc nổi bật nhất của tôn giáo địa phương này:

“...*Nhưng riêng về cư sĩ ở nhà không nên tạo thêm nữa; nên thờ đơn giản cho lòng tin tưởng trở lại tâm hồn hơn ở vào sự hào nhoáng bề ngoài... Lại nữa, từ trước đến giờ các sư dùng màu da để biểu hiện cho sự thoát tục của mình, và màu ấy là sự kết hợp của tất cả các màu sắc khác, nên có thể tượng trưng cho sự hòa hiệp của nhân loại không phân biệt chủng tộc và cá nhân. Vì vậy, chúng ta dùng nó trong chỗ thờ phượng để tiêu biểu cho tinh thần vô thượng của nhà Phật... Về cách cúng Phật, chỉ nên cúng nước lạnh, bông hoa và nhang thơm. Nước lạnh tiêu biểu cho sự trong sạch, bông hoa tiêu biểu cho sự tinh khiết, còn nhang, dùng để bán mùi về trước. Ngoài ra, chẳng nên cúng một món gì khác cả. Bàn thờ ông bà cúng món chi cũng được... Ngoài sự thờ Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những vị anh hùng của đất nước, không nên thờ vị tà thần nào khác mà mình không rõ căn tích*”<sup>13</sup>.

Cho ta thấy, cốt lõi trong sự thờ phượng của PGHH chủ yếu là lòng thành tín chân thật chứ không hình thức rườm rà bề ngoài, để quay về chánh đạo vô vi của nhà Phật.

*“Phật chẳng qua dụng chữ tín thành,  
Chớ nào dụng Hương, Đăng, Trà, Quả”*<sup>14</sup>.

Ở miền Tây ngày nay, có hai lễ hội dân gian quy tụ rất đông người tham dự, đó là lễ giỗ Ông Nguyễn (Trung Trực) ở Rạch Giá và lễ kỷ yên của bà Chúa Xứ núi Sam. Chúng ta thấy rõ, khách đến Rạch Giá từ các nơi xa xôi để dự lễ Ông Nguyễn chiếm tới 80% là tín đồ PGHH. Trong khi lễ bà Chúa Xứ diễn ra ngay trong tỉnh nhà/ quê hương của Giáo chủ HPS (Hòa Hảo, An Giang) thì tín đồ PGHH lại đi dự không tới 1%, phải chăng vì họ không biết rõ căn tích bà Chúa Xứ và bà Chúa Xứ cũng không phải anh hùng dân tộc?

Không riêng lễ giỗ Nguyễn Trung Trực, mà trong lễ giỗ các vị anh hùng dân tộc khác, đa số tín đồ PGHH cũng tham dự, dù ở xa xôi, như có thể kể: lễ giỗ Quản Cơ Trần Văn Thành (Láng Linh); lễ giỗ Thiên hộ Võ Duy Dương (Tháp Mười). Trong những dịp này, tín đồ PGHH chiếm đến trên dưới 90% lượng người tham dự. Họ vừa lễ bái, vừa tổ chức trại cơm, trại nước, trại vông... phục vụ miễn phí cho người đi dự lễ hội.

Đến đây chúng ta có thể kết luận: Giáo chủ HPS đã thành công trong việc thay hình tượng Quan Thánh Đế Quân và các gia thần độ mạng trong lòng người Việt miền Tây bằng hình tượng anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực, và đã giúp giảm thiểu ở mức đáng kể tập quán thờ cúng các vị thần ngoại lai không công trạng gì với lịch sử đất Việt.

Huỳnh Giáo chủ khẳng định: *“Chỉ thờ lạy Đức Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ lúc còn sống và các vị anh hùng cứu quốc...”*<sup>15</sup>.

Một cách khách quan, cho dù đứng trên quan điểm của người theo tôn giáo nào cũng vậy, chúng ta ngày nay cũng phải thừa nhận tính thích nghi dân tộc của PGHH thể hiện rõ nét qua cách thức thờ phượng đơn giản mà thực tế, lấy sự thành tín “học Phật tu nhân” làm cốt, nhờ đó loại trừ được những hình tượng phức tạp thường rất dễ bị lạm dụng. Ông đã lấy tinh hoa của dân tộc để xây dựng nên một nền tôn giáo mới có tính dân tộc phù hợp với tâm tính, trình độ văn hóa của dân Việt miền Nam, góp phần phát triển theo hướng tốt cho nếp sống văn hóa đạo đức chung của cả dân tộc Việt. ■

<sup>(\*)</sup> Căn cứ quyển 200 năm Dương lịch và Âm lịch đối chiếu của Nguyễn Như Lân, tra ngày hi sinh 27.10.1868 dương lịch ra âm lịch là nhằm ngày 12 tháng 9 năm Mậu Thìn. Nhưng, lễ giỗ hằng năm của Nguyễn Trung Trực ở đình Rạch Giá lại tổ chức từ ngày 27 đến 29 tháng 8 âm lịch?

#### Chú thích:

1. *Quan Thánh đế quân là ai?*, <http://asakicorp.com/bachviet18/>.
2. Sơn Nam, *Đồng bằng sông Cửu Long nét sinh hoạt xưa và văn minh Miệt Vườn*, Nxb Trẻ, 2015, tr.89-90.
3. Trương Văn Trảng, *Giáo lý Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ*, 1970, tr.34.
4. Hà Tân Dân, *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, 1971, tr. 24-25.
5. *Sấm giảng thi văn*, ấn bản năm 1965, tr.293.
6. *Đức Cố Quân hay là cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa*, sđd., tr.72.
7. *Sấm giảng thi văn*, sđd., tr.279.
8. Vương Kim, *Tu hiền*, Nxb Long Hoa, 1972, tr.49.
9. Vương Kim, sđd., tr.50.
10. *Sấm giảng thi văn*, sđd., tr.174-175.
11. *Sấm giảng thi văn*, sđd., tr.133.
12. *Sấm giảng thi văn*, sđd., tr.178.
13. *Sấm giảng thi văn*, sđd., tr.165-166.
14. *Sấm giảng thi văn*, sđd., tr.100.
15. *Sấm giảng thi văn*, sđd., tr.166.



# Miến Điện và Phật giáo

THÍCH NHƯ ĐIỀN

**M**iền Bắc giáp Bangladesh, Ấn Độ, Trung Hoa. Miền Đông giáp Lào, Thái Lan. Miền Nam giáp Mã Lai Á và miền Tây giáp với biển Ấn Độ. Một dải giang sơn trải dài qua các đồng bằng, núi non và biển cả. Miến Điện có lịch sử hơn 3.000 năm tồn tại và phát triển. Ngày xưa Miến Điện được gọi là Burma và ngày nay là Myanmar.

Đến thế kỷ thứ XII Phật giáo đã trở thành quốc giáo cho đến thế kỷ thứ XIX. Từ khi Phật giáo được du nhập vào cho đến nay đã gần 2.500 năm lịch sử và chùa chiền, tháp thờ xá lợi, tu viện... đã có đến 13.000 ngôi. Đến năm 1287 khi Mông Cổ xâm chiếm nước này, những ngôi chùa nổi tiếng đã bị đập phá và

hiện nay chỉ còn độ 2.000 ngôi chùa danh tiếng và dĩ nhiên những chùa viện khác còn tồn tại cũng không phải là ít.

Kinh đô của Miến Điện là Yangon hay Rangoon. Tiếng Hoa gọi là Ngưỡng Quang. Đây là cách đọc và dịch theo âm của người Hoa. Ví dụ như Bangkok viết là Vọng Các. Vientane viết là Vạn Tượng. Thật sự ra cách phiên âm như thế cốt cho dễ đọc, chứ không có một ý nghĩa gì cả. Nếu có, chẳng qua là sự trùng hợp mà thôi. Cũng như người Lào tin rằng chữ Vientane dịch ra Vạn Tượng là đúng. Vì đây ám chỉ cho một xứ sở có đến hơn 10.000 con voi.

Đã từ lâu, tôi có ý muốn đi viếng thăm xứ Miến Điện một chuyến. Vì khi đến đánh lễ Kim Cương tòa





nơi Đức Phật Thích-ca thành đạo có nhiều sự kiện làm cho tâm tôi tự dựng se lại, trong đó có liên hệ với Miến Điện và Trung Hoa.

Khi khách hành hương rời khỏi gốc cây Bồ-đề nơi Bồ Đề Đạo Tràng đi về hướng Đông cách đó không xa, sẽ gặp một trụ đá lớn, trên đó có khắc những dòng chữ bằng tiếng Sanskrit và tiếng Anh như sau: *"Sau tuần lễ thiền định thứ ba, sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài đã gặp hai thương nhân người Miến Điện đến đây cúng dường bánh làm bằng gạo và mật ong. Tiếp đến họ xin quy y Phật và quy y Pháp (vì lúc đó Tăng-già chưa thành lập)".*

Đã bao lần tôi đến chốn này và mơ ước được sang xứ Miến Điện để đánh lễ mười sợi tóc mà Ngài đã tặng cho hai vị thương nhân này và kể từ đó, sau khi về lại nước, họ dâng lên vua chúa đương thời và được thờ tự rất trang nghiêm tại hai chùa ở Miến Điện. Tám sợi tóc của Đức Phật được thờ tại chùa Vàng Schwedagon gần Rangoon và hai sợi tóc khác thờ tại một hòn đá thiêng ở Kyatiyo, cách Rangoon chừng 200 cây số về hướng Nam.

Phái đoàn của Thượng tọa Tiến sĩ Seelawansa gồm các vị học giả, Bộ trưởng Giáo dục Phật giáo tại Tích

Lan hướng dẫn và chúng tôi tháp tùng cùng phái đoàn này đi từ Bangkok đến Yangon bằng Bangkok Airways. Có ai đó đến xứ Thái Lan, Tích Lan, Lào và Miến Điện rồi, mới thấy Phật giáo tại các xứ này là quốc giáo. Vì lẽ trên từ vua quan, dưới cho đến thứ dân ai ai cũng tôn sùng đạo Phật.

Ngày nay tại phi trường mới của Thái Lan, những hình ảnh hội họa của Phật giáo được trưng bày nhan nhản đó đây. Ví dụ như những bức họa danh tiếng khi Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia có Tứ Thiên vương nâng tay đỡ bốn chân của ngựa Kiền-trắc, hình hoa sen, tượng Hộ pháp, các chùa tháp... Một phi trường mới hiện đại nhất Á châu ở đầu thế kỷ thứ XXI này mà Phật giáo vẫn được vinh danh như thế. Quả là một dân tộc rất hài hòa theo tinh thần Từ bi và Trí tuệ của đạo Phật.

Khi chư Tăng đến phi trường, dấu cho đó là Nam tông hay Bắc tông (nếu mặc hậu vàng), sẽ có những nhân viên làm việc tại đó đến đón quý Thầy đến cổng diplomatic dành riêng cho những nhân viên ngoại giao, gần như quốc khách, để được đóng dấu nhập nội Thái Lan; và khi đi ra khỏi Thái Lan cũng vậy.

Hôm đó là ngày 13 tháng 11 năm 2006, chuyến bay Bangkok Airways đã để cho hành khách Âu Mỹ đi một chiếc xe bus lớn ra máy bay. Còn chúng tôi được đưa ra sân bay bằng một chiếc xe du lịch khác để lên máy bay trước. Những tiếp viên du lịch rất lịch sự, nhã nhặn và cung kính chào bằng đóa sen búp, tặng cho người đối diện. Sau khi an vị chỗ ngồi, nữ tiếp viên đến cung kính hỏi thăm và dâng nước uống qua trung gian là cái khay, chứ không trực tiếp đưa từ tay này qua tay khác đến chư Tăng. Đây là lối tiếp cận theo giới luật mà chư Tăng các xứ Nam tông bao đời đã gìn giữ. Thật quý hóa và đáng trân trọng biết là bao.

Khi đến phi trường Rangoon, chúng tôi được bà Tham vụ Đại sứ của Tích Lan ra lo visa và đi vào hướng của những nhân viên ngoại giao đoàn để nhận hành lý. Lúc ấy, đại diện bên Bộ Giáo dục của Miến Điện cũng đã đến chào phái đoàn. Sau khi ra khỏi quan thuế, chúng tôi gặp thầy Hạnh Bảo đã có mặt sẵn tại đó và đoàn chia ra làm ba nhóm nhỏ. Một nhóm đi về khách sạn, nhóm khác đi về Sứ quán Tích Lan và nhóm kia đi về Bộ Giáo dục.

Ngày hôm sau, chúng tôi được đi xem ngôi chùa lịch sử Schwedagon ở thủ đô Yangon. Ngôi chùa này đang thờ tám sợi tóc của Đức Phật; và đây cũng có thể gọi là một kỳ quan của thế giới và của Phật giáo cũng không hổ thẹn chút nào. Có bốn lối đi vào chùa và mỗi lối đi đều được che chắn bởi những mái chùa. Đồng thời những trụ cột cũng được chạm trổ rất tinh vi.

Càng đi càng tiến lên cao và ở một độ cao trung bình thì đã thấy được chân của tháp. Tháp chính cao 58 mét và đường kính chừng 300 mét. Toàn thân tháp đều lợp ngói vàng. Nghĩa là những tấm vàng lá được thay thế ngói để lợp lên mái tháp để chống chọi với

gió sương hơn 2.000 năm lịch sử như vậy. Chùa này chính thức được sửa lại vào năm 1755 và đến năm 1823 mới hoàn thành. Hiện nay trên tháp có trang trí 5.400 viên kim cương loại 76 carat và 2.300 viên cẩm thạch quý, cùng với pha lê, bảo châu hợp thành, gắn giống trong kinh A-di-đà diễn tả về thế giới Cực Lạc vậy. Ai đến đây cũng với tâm thành kính, nên những thùng tiền cúng dường để đẩy khắp các chùa mà vẫn không bị mất cắp. Mặc dầu dân của họ rất nghèo, nhiều người tự nghĩ: tại sao chùa vàng có chạm ngọc, kim cương như thế mà không bị mất cắp?

Dĩ nhiên ở đâu lại chẳng có người tham lam và ích kỷ. Tuy nhiên không phải họ sợ luật pháp, mà họ sợ nhân quả; nên họ đã không dỡ ngói chùa. Nếu ở một nước kém đạo đức và lòng tin Phật không cao, thì chắc chắn những mái ngói bằng vàng ấy và những viên kim cương kia chưa chắc còn tồn tại mãi cho đến ngày nay.

Có lẽ người ta tin rằng luật pháp của thế gian họ có thể qua mặt được, nhưng nhân quả theo đạo Phật thì không bỏ sót một ai và vì họ hiểu rõ nhân quả nên họ đã chế ngự lòng tham. Đó là một kết quả tốt của một đất nước theo Phật giáo và họ đã ứng dụng đời sống tâm linh của Phật giáo trong cuộc sống hằng ngày như vậy.

Đến mỗi nơi, thầy trò chúng tôi đều đánh lễ và cúng dường như bao nhiêu người Miến khác. Họ thấy chúng tôi lạ và có hỏi đến từ đâu. Tôi trả lời rằng chúng tôi là người Việt Nam, nhưng đang sinh sống tại Âu châu. Những cái nhướn miệng cười là những cái đáp lễ của người đối diện. Có một nơi thờ Phật như bao nhiêu điện Phật khác; nhưng lại có rất nhiều người đang đứng sắp hàng quỳ Phật để tạo ra công đức. Tôi không biết tích này từ đâu ra nhưng đại khái như thế này.

Mỗi người khi vào đây lễ Phật xong, họ cầm sợi dây kéo dài từ trên trần xuống đất và trên trần nhà ấy chính là trên đầu của Đức Phật có làm một tấm chắn bằng vải chiếu ngang độ năm tấc và chiều dài độ ba thước. Ở hai đầu họ cột hai sợi dây buông dài xuống đất và cứ như thế mỗi lần hai người kéo dây thì bên trên tấm trướng ấy sẽ quật cho Phật. Việc này không biết ai nghĩ ra, nhưng đây cũng là một hình ảnh đẹp khi Phật tử đến cầu nguyện ở chùa này.

Sau đó chúng tôi vào viện bảo tàng của chùa, nơi đây tập trung rất nhiều đồ cổ từ nhiều đời và đặc biệt đã biết rõ được cách lợp ngói vàng lên tháp như thế nào; những ai đã cúng và những gì đã được lưu trữ cả mấy ngàn năm nay. Tự đứng tôi dừng lại trước một khung cửa kiếng trong ấy có để ba tấm sơn mài Việt Nam. Một tấm với kích thước nhỏ có hình chùa Một Cột. Một tấm khác thể hiện phong cảnh vịnh Hạ Long và một đĩa sơn mài khác để trên giá. Dấu sao cũng có được một chút an ủi như là "tha hương ngộ cố tri" vậy.

Bước ra khỏi viện bảo tàng chúng tôi gặp dân chúng đang lễ bái và ném tiền vào tượng Phật bằng ngọc thạch xanh rất nổi tiếng. Tượng cao cỡ đầu người thường và được biết là rất linh thiêng. Nơi đây được rào cản nghiêm ngặt để phòng ngừa những kẻ tiểu tâm. Khi đoàn đến một nơi khác lễ bái được người hướng dẫn kể rằng: "*Dầu thầy đứng ở bất cứ nơi nào và hướng nào, tượng Phật ấy vẫn dõi mắt theo thầy đấy. Đó là do lời cầu nguyện của thầy được tương ứng. Nếu không, tượng ấy sẽ không nhìn thấy.*"

Đây có thể là một lối giải thích chung chung, có tính cách đại chúng, chứ không phải nơi giáo lý của Phật-đà. Đã là Phật và Bồ-tát thì làm sao có thể phân biệt chúng sanh như thế được. Khi chúng sanh khổ đau mới đến trước chân Phật để nguyện cầu. Trong khi đó Phật lánh mặt làm ngơ thì làm sao thể hiện hết lòng từ bi lân mẫn để cứu độ chúng sanh khi còn ở trong cõi đời ngũ trược ác thế này nữa...

Lý do thứ hai mà cá nhân chúng tôi muốn đến viếng thăm xứ Miến Điện này. Vì lẽ khi dịch *Đại Đường Tây Vực ký* được chính ngài Huyền Trang biên khảo vào năm Trinh Quán thứ 19 và năm ngài 51 tuổi, tức nhằm năm 646 tại Ngọc Hoa cung và may mắn cách đây ba năm tôi đã chuyển dịch tác phẩm này từ tiếng Hán sang tiếng Việt có những đoạn viết cũng như mô tả rất rõ ràng về đoạn của hai vị thương nhân người Miến Điện này.

Ngài Huyền Trang thuật lại như sau: "*Có hai vị thương nhân người Miến Điện bị đắm thuyền ở phía Nam Ấn Độ và họ đã cầu cứu với những đấng thiêng liêng. Sau đó họ thấy một vùng ánh sáng chói lòa ở cách xa họ và thế là họ nương theo ánh sáng ấy để đi tìm. Khi đến họ gặp đấng Điều Ngự và sau khi cúng dường bánh làm bằng gạo cũng như mật ong, họ đã xin quy y với Ngài và sau khi quy y họ xin Ngài có vật gì kỷ niệm cho họ để họ mang về quê hương của họ. Đức Phật đã đưa tay lên đầu và vuốt xuống một nắm tóc trao cho hai vị thương nhân người Miến và họ đã đem về quê hương họ để tôn thờ...*"

Đại để nội dung của chương nói về xứ Ma-kiệt-đà có dẫn dụ như vậy. Khi ngài Huyền Trang đến đây thì ngài đã cảm động rơi nước mắt và thán lên rằng:

*Phật tại thế thời ngã trăm luân  
Kim đắc nhân thân Phật diệt độ  
Áo não tự thân đa nghiệp chướng  
Bất kiến Như Lai kim sắc thân.*

Dịch:

Lúc Phật ở đời con trăm luân  
Nay được thân người, Phật diệt độ  
Đau xót thân mình nhiều nghiệp chướng  
Chẳng thấy thân vàng của Như Lai.

Ở đây chúng ta có thể hiểu được tâm trạng của ngài, của hai vị thương nhân người Miến Điện và



ngay cả của chính mình nữa. Nơi đây được gọi là thánh địa (holy place) hay động tâm. Tâm của chúng ta xúc động, khi chúng ta đến trước kim cương tòa và đứng là chúng ta là những người có phước báu lắm mới có được những phước duyên như vậy. Ngoài ra, ánh hào quang của Đức Phật thườ ấy phải nói là sáng chói lắm. Vì từ bờ biển phía Nam xứ Ấn Độ, hướng đến Bồ Đề Đạo Tràng ước chừng hơn 500km, mà hai vị thương nhân người Miến Điện còn trông thấy và cảm nhận được từ lực của Phật mà đến để xin quy y thì quả rằng cái trí tuệ siêu việt, cái hào quang sáng chói ấy đã soi khắp thế gian cho tới hang cùng ngõ hẻm và các cõi khổ đau khác trong chốn đọa đày này.

Trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* tập một, Đức Phật có huyền ký rằng: *"Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nào đi đến được bốn nơi mà Như Lai đã thị hiện Đản sanh, Thành đạo, thuyết pháp lần đầu tiên và nơi ta nhập Đại Bát Niết-bàn thì cũng giống như là gặp Như Lai khi còn tại thế..."*

Rõ ràng là báo thân Phật ngày nay không còn nữa, nhưng pháp thân và hóa thân của Phật thì vô khứ vô lai, không còn không mất và bất cứ nơi đâu chư Phật và chư Bồ-tát cũng có thể thị hiện cả để cứu độ quần sanh. Thật là bất khả tư nghi và bất khả thuyết.

Trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* tập hai, Phật khẳng định rằng những kẻ nhút xiển đề và những kẻ phạm tội ngũ nghịch cũng có khả năng thành Phật mà điều này trong kinh *A-di-đà*, hay lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A-di-đà cũng như trong kinh *Báo Ân Phụ Mẫu* chưa chuyên chở được nội dung cao cả như thế.

Vì sao vậy? Vì Đức Phật lập luận rằng: *"Tất cả các pháp đều bất định, cho nên Nhứt xiển đề và những người phạm tội ngũ nghịch cũng có tính không nhứt định. Nhứt xiển đề cũng có khả năng thành Phật. Vì nhứt xiển đề nếu có lòng tin Tam bảo và chơn như Phật tánh ấy sẽ hiện về và sẽ trở thành Phật. Vì cái đúng của ngày hôm qua cũng có thể là cái sai của ngày hôm nay và cái sai của ngày nay cũng có thể là cái đúng của ngày mai"*.

Đó là lối định nghĩa về các pháp bất định trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* tập hai.

Khi đọc, tụng và hành trì mỗi chữ mỗi lay trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* tâm tôi đã xúc động, toát mồ hôi. Vì lẽ tâm Đại Từ Bi của chư Phật rộng rãi quá mà tâm niệm của chúng sanh thì hẹp hòi quá, cứ khu khu cố chấp cho mình là phải, kẻ khác là trái và nhất là không tin kính Tam bảo cho nên mới bị lưu xuất vào chốn tam đồ. Do sự ngưỡng mộ này mà tôi đã tìm đến các xứ có thờ xá-lợi của Phật để đánh lễ. Đây cũng là lý do của chuyến đi này.

Nếu ai đó có đọc quyển *"Giữa Chốn Cung Vàng"* thì đã rõ về xá-lợi răng của Đức Phật đang được thờ tại Kandy, Tích Lan; và ai đó đã đọc *"Lòng Từ Đức Phật"* thì đã rõ về Tứ Động Tâm nơi Đức Phật đã trải qua 80 năm



lịch sử của đời Ngài. Ngoài ra chúng tôi cũng đã đi hành hương về Trung Quốc nơi các bậc Tổ sư thị hiện qua các cuốn: *"Theo Dấu Chân Xưa"* và *"Vọng Cổ Nhân Lâu"* mà chúng tôi đã sưu tập biên khảo lại, nhằm giới thiệu cho các Phật tử khắp năm châu, trong cũng như ngoài nước, chia sẻ với chúng tôi về những thể nghiệm của bản thân sau khi đi chiêm bái những thánh tích ấy về.

Phái đoàn chúng tôi đã rời Miến Điện về lại Thái Lan và đổi máy bay để tiếp tục cuộc hành trình sang xứ Úc. Đến chùa Pháp Bảo vào rạng sáng ngày 16 tháng 11.

Ngôi nơi thư phòng này tôi ghi vội lại những ý tưởng nơi đây sau khi đi thăm Miến Điện, kỷ niệm về ngôi già-lam này và cũng để tạ ơn Hòa thượng Thích Bảo Lạc cùng chư Tăng Ni chúng của chùa Pháp Bảo đã cứu mang thầy trò chúng tôi trong 3 mùa nhập thất vừa qua; nhờ đó chúng tôi đã dịch và viết được một số tác phẩm để lại cho đời. Năm nay tôi ở lại Úc hơn hai tháng rưỡi để hoàn thành tác phẩm thứ 48 với tựa đề là: *Tịnh Độ Tông Nhật Bản*. Đây là một dịch phẩm khó và tôi sẽ cố gắng hoàn thành việc dịch thuật cũng như chuyển ngữ từ tiếng Nhật sang tiếng Việt để đọc giả khắp nơi có những tư liệu tham cứu và tu học.

On nghĩa thì nghìn trùng mà khả năng lại giới hạn, nên tôi mong rằng quý vị đọc văn tôi, hãy nhớ ý quên lời và xin cảm thông cho những sự vụng về của tôi khi muốn diễn tả một ý gì mà không rõ ràng, khiến cho quý vị nheo mày thì lỗi ấy do tôi vậy.

Xin chấp cánh cùng bay về một phương trời đã định sẵn. Nơi ấy đang có những thiện hữu tri thức, chư vị Bồ-tát và chư Phật đang chờ đợi chúng ta từ bao nhiêu kiếp rồi. Hãy nhanh chân lên, đừng chậm trễ nữa, hỡi những hành giả đang phát nguyện tu tập. ■



# Phật giáo Bắc tông Trà Vinh thời sơ khai và Hòa thượng Thích Thiện Trí, bậc cao tăng thạch đức

## THÍCH NHƯ ĐẠO

**T**rà Vinh là tỉnh duyên hải thuộc Tây Nam Bộ; phía Đông giáp biển Đông, Tây giáp Vĩnh Long, Nam giáp Sóc Trăng, Bắc giáp Bến Tre; nằm kẹp giữa sông Tiền và sông Hậu; có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, có hai cửa sông chính đổ ra biển là Cung Hầu và Định An. Vị trí địa lý giới hạn từ 9°31'46" đến 10°45" vĩ độ Bắc và từ 105°56'16" đến 106°36'04" kinh độ Đông, cách TP.HCM 200km bởi Quốc lộ 53 qua tỉnh Vĩnh Long; theo Quốc lộ 60 qua tỉnh Bến Tre chỉ còn 130km; cách TP.Cần Thơ 100km.

Diện tích toàn tỉnh là 2.341,2km<sup>2</sup>, địa hình chủ yếu là những khu đất bằng phẳng với độ cao trên dưới 1m so với mặt nước biển, có các giồng cát chạy liên tục theo hình vòng cung và song song với bờ biển; càng về phía biển các giồng này càng cao và rộng, có 65km bờ biển; hệ thống sông chính của toàn tỉnh có tổng chiều dài 578km với các sông lớn là sông Hậu, sông Cổ Chiên, sông Măng Thít (còn gọi là Mân Thít hay Mang Thít). Dân số tỉnh Trà Vinh theo thống kê năm 2010

là 1.012.600 người, mật độ dân số là 414 người/km<sup>2</sup>, trong đó khoảng trên 70% số dân sống ở vùng nông thôn. Các dân tộc cộng cư ở Trà Vinh gồm Khmer, Việt, Hoa, Chăm... với người Kinh chiếm 69%, người Khmer chiếm 30,1% còn lại là người Hoa và các dân tộc khác. Tín ngưỡng của người dân Trà Vinh có hai dòng chính, tín ngưỡng dân gian và niềm tin tôn giáo.

Tín ngưỡng dân gian thờ cúng các vị như: Bà Chúa Xứ, Quan Thánh Đế Quân, Ông Bổn, Neak Tà... các anh hùng dân tộc như: Trần Trung Tiên, Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa...

Niềm tin tôn giáo như : Phật giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương...

Người dân Trà Vinh sống chủ yếu sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa nước, hoa màu, cây ăn trái, chăn nuôi, nuôi tôm đem lại hiệu quả kinh tế khá cao và thu nhập đáng kể cho nền kinh tế của tỉnh.



Trà Vinh có các lễ hội văn hóa được xếp vào hạng văn hóa phi vật thể cấp quốc gia như: Lễ hội Ok Om Bok (lễ cúng trăng) của người Khmer, hội Cúng Biển (nghinh ông) của người Việt làm nghề biển tại xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang. Ngoài ra, còn có các lễ hội cúng Đình, cúng Ông Bồn...

Trà Vinh là đất định cư lâu đời của dân tộc Khmer từ thời vương quốc Phù Nam (mà chứng tích còn lại là chùa Sombuarängsây, lập năm 373). Lưu dân đến đây đầu tiên sống cùng với người Khmer là người Hoa, với chứng tích Phước Minh Cung (chùa Ông, thành lập năm 1556). Khi người Việt đặt chân lên vùng đất này đã có người Khmer và người Hoa định cư trước đó. Phật giáo Nam tông Khmer (Theravada) trên mảnh đất Trà Vinh phát triển lâu đời và đồ sộ thuộc bậc nhất của Việt Nam nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng.

Người Việt đến định cư trên đất Trà Vinh đã đem theo văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo của mình; đa phần theo Phật giáo. Tham gia vào quá trình di dân đó có các nhà sư. Ngôi chùa người Việt thuộc Bắc tông đầu tiên có mặt trên đất Trà Vinh là chùa Long An (thành lập năm Gia Long thứ 11, năm 1812), tọa lạc tại ấp An Định Giồng, xã Tân Bình, huyện Càng Long, nằm phía Tây bắc tỉnh Trà Vinh, giáp với tỉnh Vĩnh Long và sông Cổ Chiên. Càng Long là cửa ngõ của tỉnh theo Quốc lộ 53 bằng đường bộ, đường thủy bằng sông Mỹ Huê.

Qua khảo sát thực tế và sưu tầm tài liệu, được biết chư tôn đức hành đạo tại khu vực Trà Vinh trong giai đoạn này gồm có: tại chùa Phước Long, huyện Trà Cú, là Hòa thượng Trí Giác, húy Liễu Duyên, thuộc dòng Lâm Tế chánh tông đời thứ 37, sinh năm Đinh Tỵ (1797), tịch năm Tân Hợi (1851), trụ thế 55 năm; tại chùa Quan Âm, huyện Càng Long là Hòa thượng Nhứt Lộc; tại chùa Long Sơn, huyện Tiểu Cần, là Hòa thượng Minh Thắng, húy Bửu Miên, thế danh Hồ Hoàn Nhơn, dòng Lâm Tế chánh tông đời 38, sinh năm Ất Mùi (1775), tịch năm Quý Mão (1843)<sup>1</sup>, thọ 69 tuổi.

Từ năm 1868 đến 1900, thực dân Pháp đặt ách thống trị trên toàn đất nước ta, lịch sử đã bước vào giai đoạn mới, nông dân bị bản cùng hóa dưới sự bóc lột của triều đình phong kiến và thực dân Pháp. Thời kỳ này, các địa chủ là người giàu có, về tuổi xế chiều họ thường hướng đến Phật pháp, xuất tiền của và đất đai để xây dựng chùa, chính quyền Pháp cũng đồng tình về việc này, nhằm để mọi người quy hướng về chùa mà quên đi việc cai trị của họ. Vì thế, các chùa tại Trà Vinh được thành lập nhiều hơn và quy mô hơn trước như: chùa Phật Ân thành lập trước năm 1884, chùa Long Hưng lập năm 1886, chùa Vạn Hòa thành lập năm 1877, đều ở huyện Cầu Kè. Chùa Phật Quang lập năm 1872 và chùa Vĩnh Phước thành lập năm 1888 ở huyện Châu Thành. Chùa Phước Minh lập trước năm 1900, chùa Phước Mỹ lập năm 1886, ở huyện Cầu Ngang. Chùa Long Hòa lập năm 1868, chùa Thiên Phước lập năm 1869, chùa Long Thành lập trước năm 1898, ở huyện Trà Cú...

Tại chùa Long Hòa, thị trấn Trà Cú có Hòa thượng Thiện An, húy Hồng Từ, quê ở xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, xuất thân trong gia đình có bốn anh em; ngài là con thứ tư, xuất gia năm 17 tuổi, thọ 86 tuổi. Hòa thượng là người khai sơn chùa Long Hòa năm 1868 trên mảnh đất do bà Lương Thị Xuyên<sup>2</sup> hiến cúng.

Chùa Thiên Phước, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú do Hòa thượng Đạt Long, húy Như Nhứt, thế danh Trần Văn Cang, khai sơn năm Kỷ Tỵ (1869). Hòa thượng là con trưởng trong gia đình có chín anh em, cha là cụ ông Trần Văn Vàng, quê ở Mỹ Tho, từng làm quan cho triều đình nhà Nguyễn. Hòa thượng sinh năm Giáp Dần (1854), xuất gia tại Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, thuộc dòng Lâm Tế gia phả, đời thứ 39, tịch ngày 15 tháng 07 năm Bính Tuất (1886), trụ thế 32 năm. Lúc bấy giờ, có Hòa thượng Thích Thiện Trí khai sơn chùa Long Thành (Long Thiện) huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, là bậc cao tăng thạch đức. Tại khuôn viên chùa Long Thành, bảo tháp của Hòa thượng được lập năm 1937, trải qua thời gian và bom đạn của chiến tranh, chùa bị tàn phá nặng nề (chỉ còn nền chùa) mà bảo tháp Hòa thượng khai sơn vẫn còn nguyên vẹn; nhưng rất tiếc tài liệu về cuộc đời và sự nghiệp của ngài không được lưu giữ, công hạnh của ngài chỉ biết qua lời kể của dân địa phương. Theo đó, Hòa thượng quê quán tại quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ, Ngài có chiếc ghe đi nhiều nơi trị bệnh cho dân chúng, xuôi dòng sông Hậu đến Cù Lao Dung và Trà Cú trị bệnh giúp dân làng; cuối cùng Ngài dùng chân trên một con xẻo thuộc huyện Trà Cú gọi là xẻo Sơn lập một cái am trị bệnh cho dân địa phương và các vùng lân cận, tiếng lành đồn xa khắp vùng Trà Cú. Dân địa phương thường kể giai thoại về tài bốc thuốc cộng với lòng từ bi rộng lớn của Hòa thượng khiến mọi người kính phục. Ai đến khám bệnh bốc thuốc, nếu Hòa thượng lấy tiền và nói về uống đi là hết bệnh thì người đó sẽ khỏi bệnh; còn nếu ngài không lấy tiền mà cho tiền bệnh nhân thì bệnh đó sẽ không qua khỏi. Do nhu cầu trị bệnh của dân chúng ngày càng đông và phải tiếp Tăng độ chúng, nên trước năm 1898 từ một am nhỏ Hòa thượng đã xây dựng lên một ngôi già-lam lấy tên là Long Thiện Tự, năm 1920 chùa được đổi tên từ Long Thiện thành chùa Long Thành.

Về năm thành lập chùa Long Thành, theo lịch sử chùa Long Thành được Bảo tàng Tổng hợp thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Trà Vinh phối hợp cùng ban hộ tự ghi, thì chùa được thành lập năm 1908 đến năm 1910 là hoàn thành. Thế nhưng, căn cứ vào năm xuất gia của Hòa thượng Thích Huệ Quang thì ngài xuất gia năm 19 tuổi với Hòa thượng Thích Thiện Trí tại chùa Long Thành, Hòa thượng Huệ Quang sinh năm 1888, như vậy, ngài xuất gia vào năm 1907. Lại căn cứ vào tiểu sử của Hòa thượng Thích Thiện Ngọc hiệu Huệ Phúc là sư huynh Hòa thượng Huệ Quang. Được biết, Hòa thượng Thiện Ngọc sinh năm Bính Tuất (1886), vào năm 12 tuổi nhân dịp lễ Trung nguyên cùng thân sinh đến viếng cảnh chùa Long Thiện, vì thế chùa phải có trước năm 1898.



**Bia tháp Hòa thượng Thiện Trí**

Về năm sinh và năm thị tịch của Hòa thượng Thiện Trí, ta thấy trong bảo tháp ngài có ghi:

*“Tự Lâm Tế chánh tông, tứ thập thế, húy Hồng Quyện thượng Thiện hạ Trí Nguyễn công Hòa thượng giác linh. Nguyên sanh Quý Dậu niên Bát nguyệt Nhất nhật, thị tịch Nhâm Thân niên Bát nguyệt Thập nhật”.*

(嗣臨濟正宗四十世諱紅倦上善下智阮公和尚覺靈,元生癸酉年八月一日,示寂壬申年八月十日).

Theo thông tin trên, Hòa thượng thuộc dòng Lâm Tế chánh tông đời thứ 40, húy là Hồng Quyện, hiệu là Thiện Trí, họ Nguyễn, sinh ngày 1 tháng 8 năm Quý Dậu (1873), viên tịch ngày 10 tháng 8 năm Nhâm Thân, trong tháp ghi Nhâm Thân (1931) và ghi Hòa thượng trụ thế 58 tuổi.

Qua tra cứu năm Nhân Thân là năm 1932, từ năm 1873 đến năm 1932 là 59 năm, nếu tính tuổi ta thì Hòa thượng thọ 60 tuổi.

Hòa thượng thế phát xuất gia cho rất nhiều đệ tử, trong đó đáng kể là Hòa thượng Thích Thiện Hải, hiệu Huệ Quang, Hòa thượng Thích Thiện Ngọc, hiệu Huệ Phúc là những bậc long tượng trong chốn thiền môn, đúng với câu “minh sư xuất cao đồ”. Được sự dạy dỗ của thầy tổ bậc đạo cao đức trọng, Hòa thượng Huệ Quang trở thành bậc toàn tài, cùng với Hòa thượng Khánh Hòa tiên phong trong phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà, cùng với quý Hòa thượng đồng chí thành lập Liên đoàn Phật học xã là Phật học đường lưu động khóa đầu tiên ba tháng đặt tại chùa Long Hòa nơi Ngài trụ trì, sau đó thành lập Hội Lương Xuyên Phật học ngay tại tỉnh nhà, mở Phật học đường đào tạo Tăng tài lãnh đạo Giáo hội.

Hòa thượng Thích Thiện Trí là bậc cao tăng danh y xuất thế cứu đời bằng y thuật Đông y. Nghệ thuật hoàng pháp của Phật giáo có ngũ minh, Hòa thượng đã vận dụng y phương minh một cách linh hoạt và tài tình, từ đó quy hướng số đông dân chúng nơi thôn quê về với Phật pháp. Ngài đã khai tâm mở trí hậu nhân, truyền đăng tục diệm, kế vãng khai lai. Hòa thượng là vị Tăng đầu tiên khai thông mở lối đặt nền tảng vững chắc cho Phật giáo Bắc tông Trà Vinh phát triển sau này.

Nơi gương Hòa thượng, hiện nay Phật giáo Trà Vinh phát huy tinh thần từ thiện mạnh mẽ. Toàn tỉnh có trên sáu phòng thuốc từ thiện; hàng năm, khám và phát thuốc trị bệnh cho hàng nghìn người, thành lập hai nhà dưỡng lão tại chùa Liên Bửu huyện Châu Thành và chùa Long Hòa huyện Trà Cú bảo dưỡng trên 50 cụ già với chi phí vài chục triệu đồng mỗi tháng. Trong năm năm qua, Phật giáo Trà Vinh đã chi phí trên toàn tỉnh hơn 55 tỷ đồng cho các công tác cứu trợ đồng bào nghèo gặp khó khăn, thiên tai, lũ lụt, xây nhà tình nghĩa, tình thương, nhà đại đoàn kết, xây cầu, làm đường, làm giếng nước sạch, cho xe lăn, cấp học bổng cho học sinh nghèo hiếu học... ■

#### **Ghi chú:**

1. Cả long vị và bia tháp đều ghi tịch năm Quý Mão, bia tháp hiện còn là do Thượng tọa Bửu Đức làm lại năm 1976 ghi năm Quý Mão (1802). Tuy nhiên, qua tra cứu, năm Quý Mão rơi vào các năm 1723, 1783, 1843, 1903, Hòa thượng Minh Thắng đời 38, so sánh với Hòa thượng Minh Khiêm Hoàng Ân (1850-1914), Minh Thông Hải Huệ (1815-1907) cùng đời 38, cùng xuất hiện trong thế kỷ XIX, nên người viết cho rằng Hòa thượng Minh Thắng tịch năm Quý Mão là năm 1843.

2. Bản gỗ tại chùa Long Hòa ghi, Long Hòa Tự, Lương Thị Xuyên kính phụng.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Lang, 2010, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Văn Học.

2. Nguyễn Đại Đồng - Phd Nguyễn Thị Minh, 2007, *Phong trào chấn hưng Phật giáo* (tài liệu báo chí Việt Nam từ năm 1927-1938), Nxb Tôn Giáo.

3. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, 1932, *Tạp chí Từ Bi Âm*.

4. Hội lương xuyên Phật học, 1935, *Tạp chí Duy Tâm Phật Học*.

5. Hội Phật học Nam Việt, 1951, *Tạp chí Từ Quang*.

6. HT.Thích Thiện Hoa, 1970, *Năm mươi năm chấn hưng Phật giáo*.

7. Năm 1929, *Tạp chí Pháp Âm*.

8. Trịnh Hoài Đức, Lý Việt Dũng Dịch, 2005, *Gia Định thành thông chí*.

9. Thích Đồng Bổn, 1996, *Danh tăng Việt Nam*, THPG TP.HCM ấn hành.

10. HT.Thích Thiện Hoa, 1968, *Tháp Đa Bảo*.

11. Nguyễn Tạo dịch, 1973, *Lục tỉnh Nam Việt*, Nha Văn hóa Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa.

12. Minh Tuấn - Chánh Trí, 1958, *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Hội Phật học Nam Việt.



# Giảm họp tăng làm

NGUYỄN HOÀNG DUY

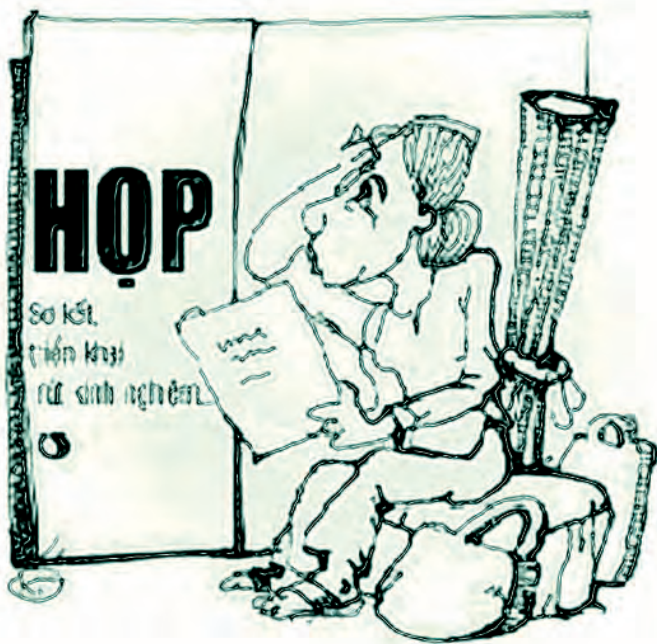
**D**o tính chất công việc, tôi thường xuyên đi công tác nước ngoài. Ở những quốc gia tôi đến, nhất là phương Tây, điều tôi thấy trái ngược với nước ta hoàn toàn là văn hóa họp. Đúng là công việc nào, ban ngành nào cũng cần phải họp. Dù nó mang tầm vĩ mô hay vi mô thì họp vẫn là cách để giải quyết vấn đề trước khi ban hành một quyết định. Bởi chỉ có ngồi lại với nhau, đóng góp ý kiến xây dựng, đưa ra những sáng kiến tuyệt vời, biểu quyết công bằng mới giúp công việc đạt được kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên ở họ không họp nhiều như nước ta. Bởi theo một số người bạn bản địa thì họp quá nhiều chẳng những không đem lại ích lợi gì mà gây ra những lãng phí.

Ở nước ta, chuyện họp như dùng cơm mỗi ngày. Quanh năm họp triển miên, chuyện gì họp cũng được. Có những cơ quan Nhà nước cấp địa phương họp triển miên, dù không có gì quan trọng cũng họp. Từ ấp, phường, xã cho đến quận, huyện (chưa kể đến sự họp của các ban ngành đoàn thể địa phương)... Nhiều khi tôi nghĩ, cứ họp nhiều như thế thì chúng ta lấy đâu thời gian để thực hành, làm việc để tạo ra năng suất lao động, giúp ích cho bản thân, gia đình, xã hội? Họp nhiều chẳng những gây lãng phí thời gian mà còn tốn tiền (tính luôn cả thời gian không làm).

Chi phí cho các cuộc họp bao giờ cũng trả giá bằng tiền, tùy vào kinh phí của đơn vị, nhưng chung quy cũng là tiền của dân. Đó là chưa nói một số cuộc họp có cả việc nhận phong bì, kể cả những sự kiện từ cơ quan nhà nước cho đến tư nhân. Đi họp là có phong bì, tùy vào chức vụ, mức độ ảnh hưởng của người đó mà phong bì "nặng" hay "nhẹ".

Tại sao ở phương Tây lại không có chuyện này? Theo một giảng viên môn PR của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM, nếu không có phong bì thì không "thu hút" mọi người đến dự cuộc họp. Cũng giống như muốn khán giả đến trường quay tham dự một game show thì nhà đài phải chịu "chi", thì họ mới vỗ tay, khóc, cười, hò hét rần rần. Và sau một số cuộc họp được cho là "cần thiết", người ta lại tổ chức ăn uống nhậu nhạp. Tính ra mất cả ngày để họp và số tiền cho bữa tiệc chẳng nhỏ tí nào.

Cũng từ việc đi họp quá nhiều (nhất là người thường được cơ quan cử đi họp) sinh ra lười vận động, lười tư duy và tư tưởng luôn chỉ nằm trên bàn giấy chứ không nghĩ đến thực hành. Đó là lý do có nhiều quy định



"trên trời", xa rời thực tế là thế. Họp, chủ tọa nói quá nhiều, dài dòng, lê thê, dẫn đến việc những người bên dưới ngán ngẩm. Tiếp thu thì ít mà buồn ngủ, thiếu sinh động thì nhiều. Đã có rất nhiều hình ảnh đại biểu Quốc hội ngồi ngủ trong hội trường hoặc làm chuyện riêng như lướt web trên thiết bị di động cá nhân, trò chuyện... Cái sự họp nó ôn ào đến nỗi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch - Đầu tư Nguyễn Chí Dũng phải than thở rằng: "Việc khó nhất của Bộ trưởng là phân công Thứ trưởng đi họp".

Ông còn nêu chi tiết ra rằng: mỗi tuần nhận trung bình 30 thư mời đi họp, có tuần 40 cuộc họp. Có lẽ không riêng gì Bộ Kế hoạch - Đầu tư mà ngay cả nhiều bộ khác khác cũng rơi vào tình cảnh này. Sáng nay 31/8/2016, tại phiên họp Chính phủ, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng đã đề cập đến việc lạm họp, yêu cầu giảm họp hành và cho rằng chỉ ngồi bàn giấy thì chính sách xa thực tiễn. Ngay cả Thủ tướng còn bức xúc thì nói gì đến người dân.

Cần khẳng định, trong công việc, họp là điều cần thiết. Tuy nhiên nên sắp xếp, bớt họp, giảm tải thời gian các cuộc họp mà thay vào đó là LÀM. Bởi song song với nói là cần phải làm và làm nhiều hơn để tăng năng suất, giàu kinh nghiệm cũng như không lãng phí tiền bạc của dân. ■



# Trẻ em cần chơi ngoài trời

CAO HUY HÓA

**N**gày rằm tháng Tám lại về, như nhắc nhở mọi người, trong rất nhiều lễ hội chính trị, văn hóa, tôn giáo, dân gian... có một Tết Trung thu dành cho thiếu niên nhi đồng, một lễ hội dưới trời thu mát dịu, dưới trăng rằm tháng Tám, trong đó, thế hệ nhỏ tuổi cần được người lớn thương yêu, cho quà, vui chơi, đặc biệt rước đèn dưới trăng, chứ không chỉ cho trẻ quà bánh trong hội trường đầy màu sắc giả tạo. Cũng qua dịp vui chơi này, cần suy nghĩ về hạnh phúc của trẻ được chơi ngoài trời.

Những người lớn tuổi đã từng một thời thơ ấu sống khá xa đô thị ắt hẳn đều nhớ mình đã được chơi ngoài trời, hít thở không khí đồng quê, gần gũi với thiên nhiên, hòa mình vào các trò chơi như đá bóng, thả diều, tắm sông, leo trèo, chạy nhảy... Khi đó, không ai phân tích lợi ích của việc chơi ngoài trời, nhưng cuộc sống cho thấy, qua hoạt động ngoài trời, trẻ khỏe mạnh, tự tin và trưởng thành, sau này dễ thích nghi với hoàn cảnh, chan hòa với mọi người, yêu quê hương và thiên nhiên.

Đời sống đô thị đã dần dần thu hẹp phạm vi chơi ngoài trời của trẻ, ngoài ra áp lực học hành và thi cử khiến trẻ dành quá lớn thời gian cho việc học, chưa kể thúc bách của phụ huynh và các phong trào trong nhà trường; hơn nữa, trẻ có các phương tiện truyền thông và giải trí trong bốn bức tường, mê hoặc đầu óc trẻ thơ hơn là tìm thú vui bên ngoài khung cửa. Đương nhiên, trẻ thiếu vận động, ít sống chung với mọi người, thì tình nhân ái và mến yêu môi trường càng bị hạn chế, tâm hồn không có nhu cầu kết nối với thiên nhiên. Từ lâu, những nhà giáo dục đã cảnh báo hiện tượng xa rời môi trường sống thật sự của trẻ. Tuy nhiều trường đã cố gắng tổ chức hoạt động dã ngoại, tham quan, thể dục, thể thao... nhưng buồn thay! sân chơi ngày càng thu gọn.

Thật đáng ghi nhận hoạt động hướng đạo có một thời được phát triển, và riêng Phật giáo, tổ chức Gia đình Phật tử thật sự giúp ích trẻ sống tập thể, sống có mục đích cao thượng, với các trò chơi và múa hát phù hợp lứa tuổi, rèn luyện kỹ năng sống trong tinh đạo và tình thương yêu chúng sinh. Mỗi lần đi xa, về miền quê, miền núi vào cuối tuần, gặp đoàn thể áo lam, tôi cảm



thấy như chia vui với các bạn nhỏ, cùng quây quần bên nhau sinh hoạt cộng đồng, chơi các trò chơi trại; các em được trở về với tuổi thơ đích thực và được hưởng thiện một cách tự nhiên và tự nguyện. Sinh hoạt này cũng có ở thành phố, nhưng không rõ nét trong sự chọn rộn ồn ào của phố phường. Lợi ích cho cá nhân, gia đình, xã hội và môi trường là vô vàn, thế nhưng nhiều trẻ không được hưởng vì những lý do nêu trên, và cũng có thể do sự dè dặt nào đó.

Thực trạng này không chỉ xảy ra ở nước ta mà có tính toàn cầu, kể cả các nước phát triển cao, có nền giáo dục tiên tiến, chẳng hạn như ở Anh. Thật đáng giật mình khi tờ báo The Guardian ngày 25/3/2016 đưa đầu đề: *“Three-quarters of UK children spend less time outdoors than prison inmates”* (Ba phần tư số trẻ em ở Anh có ít thời gian ở ngoài trời hơn là những người tù). Một phần năm số trẻ em suốt cả năm không chơi ngoài trời. Các vị cha mẹ, theo một cuộc điều tra cho biết: trẻ bây giờ ít chơi ngoài trời hơn là thế hệ của họ khi còn trẻ. Có hơn một phần chín số trẻ không đặt chân vào công viên, rừng, bãi biển hay bất cứ môi trường thiên nhiên nào trong ít nhất một năm.

Một cuộc điều tra mới đây đã lấy một mẫu đại diện quốc gia Anh gồm 2.000 phụ huynh của trẻ em từ 5 đến 12 tuổi để phỏng vấn, kết quả có 74% số trẻ dùng ít hơn 60 phút mỗi ngày để chơi ngoài trời. Trong khi đó, cảm nang hướng dẫn của Liên Hợp Quốc cho tù nhân đòi hỏi *“ít nhất một giờ cho vận động cơ thể thích hợp trong một ngày”*.

Năm 2013, một nghiên cứu ở Anh kéo dài trong ba năm cho biết, cứ bốn trong năm trẻ tại Anh là không “nối kết với thiên nhiên” một cách thỏa đáng. Năm 2012, một báo cáo có tầm quốc gia có tên là National Childhood (tạm dịch: Thời thơ ấu trên khắp nước) tiết lộ sự bất cập đang gia tăng giữa trẻ em và thiên nhiên. Chỉ ít hơn 1/10 số trẻ được thường xuyên chơi trong thiên nhiên hoang sơ so với một nửa số trẻ thuộc thế hệ trước đó.

Thực trạng trẻ ít khi chơi ngoài trời là rất đáng lo ngại. *“Sự thực là chúng ta đã giam cầm trẻ”*. Mark Sears, người chủ trương mạng *The Wild Network*, đã viết như thế. Đây là mạng chuyên khuyến khích trẻ chơi trong thiên nhiên hoang sơ. Ông viết thêm: *“Bệnh béo phì gia tăng và niềm vui tinh thần thấp kém ở trẻ đã liên kết với hiện tượng thiếu hoạt động thân thể”*.

Một nghiên cứu trong nhà trường chỉ ra rằng hoạt động chơi là con đường tự nhiên và ban đầu mà trẻ cần học. Một nhà giáo dục làm cố vấn cho Công ty Unilever khẳng định như thế. *“Chơi tăng cường sức khỏe và sự tiến bộ của trẻ, đặc biệt trong các giai đoạn phát triển bộ não nhanh. Chúng ta phải đặt tầm quan trọng tương xứng cho hoạt động chơi ngay bây giờ, cho lớp lớp trẻ em quý báu kia lớn lên trong thành công, mạnh khỏe, khôn ngoan và thành người lớn hạnh phúc”*.

Một nghiên cứu khác cho biết: *“Trẻ em được học và chơi ngoài trời sẽ cảm nhận trực tiếp về thời tiết, các mùa và đời sống hoang dã - những thu hoạch chỉ có được ở ngoài khung cửa - và chúng có thể ước tính rủi ro, giải quyết vấn đề và phát triển sáng tạo”*.

Đâu là những trở ngại cho trẻ em chơi ngoài trời? Đó là nỗi lo sợ của cha mẹ các em, tình trạng thiếu không gian xanh, và sự cám dỗ của công nghệ số. Về phía cha mẹ, phải chăng họ không thấy tầm quan trọng của việc chơi ngoài trời của trẻ? Không đến nỗi như vậy, tuy nhiên, họ sợ những người lạ, sợ tai nạn xe, hay bất trắc khi trẻ chơi ngoài trời, sợ con em mình thiếu thời gian học và sinh hoạt ở trường.

Trách nhiệm của ngành giáo dục và cả xã hội là phải giúp phụ huynh vượt lên những lo sợ này. Một viên chức về môi trường Liz Truss cho biết, chỉ 10% số học sinh được chơi ngoài trời, và công bố kế hoạch làm sao cho mỗi học sinh đều phải được đi thăm một công viên quốc gia. *“Tôi mong mỗi đứa trẻ được hưởng niềm vui và nỗi ngạc nhiên về thế giới bên ngoài khung cửa”*. *“Con chúng ta nên trèo cây, chứ không trèo tường”*. Theo kế hoạch, mỗi công viên quốc gia phải đón hơn 60.000 học sinh trong niên khóa 2017-2018. Kế hoạch này là một phần của chiến dịch mà chính quyền kỳ vọng từ cuối năm này sẽ kết nối trẻ với thiên nhiên và môi trường.

Vấn đề trẻ chơi ngoài trời ở Anh cũng là những vấn đề của Việt Nam, đặc biệt những nguyên nhân khiến cha mẹ học sinh lo ngại con em chơi ngoài trời thì ở nước ta cũng vẫn những nguyên nhân ấy: tai nạn xe cộ, bất trắc khi trẻ ra khỏi nhà trường và gia đình, rồi trẻ phải học, học và học, trước mắt là phải đậu, có thứ hạng cao... Ngoài ra, không gian xanh thì thiếu, núi non, bãi biển thì xa vời, công viên thì chỉ có mấy trò chơi của trẻ mầm non, sân thể thao thì quá hiếm... làm hạn chế bước chân chạy nhảy của trẻ. Nhưng dẫu sao xã hội, ngành giáo dục và từng trường phải chuyển biến nhận thức và có cách để trẻ vận động và chơi ngoài trời. Mong sao Gia đình Phật tử làm được nhiều hơn để cho trẻ em, gia đình và xã hội được nhờ.

Hơn ai hết, phụ huynh là người tạo điều kiện cho trẻ hoạt động ngoài khung cửa, cho trẻ chơi tự do miễn sao không nguy hiểm, không gây hại cho môi trường, không bạo hành; hoặc hướng dẫn trẻ chơi, và cũng có thể cho trẻ tưới cây, quét sân, lao động chút ít ngoài trời. Một trang mạng lấy tên: *“Dirt is good”* (Bụi bẩn là tốt) để cao việc chơi ngoài trời của trẻ, và cho rằng: Không có áo quần dơ, mặt mày nhớp, thì trẻ em không có kinh nghiệm đầu tiên về cuộc sống; bụi bẩn là dấu hiệu đầu tiên của trẻ trên đường đời mạo hiểm.

Mong nhà trường và phụ huynh hãy dành ngày chủ nhật cho trẻ em tạm thoát ly chuyện học và để chơi thư giãn, ra khỏi bốn bức tường, thở không khí ngoài trời, gần với cây cỏ. ■

# Bữa đại tiệc hủy diệt

HỒ ANH THÁI

**N**hà văn Pháp ở thế kỷ XIX Alfred de Musset kể câu chuyện bố nông cha không thể tìm được thức ăn cho đàn con, bèn tự phanh ruột mình ra. Đấy được xem như một ngụ ngôn, về việc dâng hiến hoàn toàn tài năng và tâm sức của nghệ sĩ cho công chúng.

Đồng thời ở đây, còn có thể thấy một câu chuyện khác, từ hình ảnh những cái mỏ háu đói của đàn con sục vào chén sạch tim gan lòng ruột của cha chúng.

Câu chuyện về đức hy sinh của người cha, cũng là chuyện về sự háu đói vô tình của đàn con.

Ta nhìn thấy trong ấy câu chuyện chén bằng sạch, moi bằng sạch, rút ruột bằng sạch. Mà rút ruột của ai? Của chính người cha mình, người lẽ ra có thể tồn tại lâu dài để tiếp tục nuôi ta.

Các cơ quan bây giờ, có ngân sách nhà nước là lập kế hoạch tiêu cho bằng hết, không được để thừa để sót. Thừa, năm sau sẽ bị cắt bớt ngân sách, tiền năm sau sẽ hẻo hơn năm nay. Thế là tiêu, tiêu vung vãi, không cần tiêu thì phải nghĩ ra cơ để mà tiêu. Có cơ quan hội văn nghệ, ngân sách vốn đã nhỏ giọt, chỉ đủ hoạt động lay lắt, thế mà ngân sách có lần chỉ được bổ xuống khi còn mỗi một tuần nữa là hết năm. Trong một tuần ấy phải nghĩ ra cách mà tiêu. Không tiêu nổi trong bảy ngày thì phải nghĩ ra cách: gửi tiền vào một công ty du lịch để tổ chức đi thực tế vào năm sau. Gửi tiền thuê hội trường dịch vụ vào một nhà văn hóa để tổ chức hội thảo vào năm sau. Phải trả tiền phần trăm để người ta làm hóa đơn hợp thức hóa. Có nhiều cách để lách, mỗi lần lách là một lần lãng phí phần trăm vào dịch vụ hợp thức hóa. Không hợp lý nhưng hợp thức.

Cơ quan thường trú ở nước ngoài cũng không khác. Ở những nước nhiều hoạt động, ngân sách được xài như nước, năm sau để xuất tăng ngân sách hơn năm trước. Thế đã đành. Ở những nước ít hoạt động, ngân sách phân bổ xài không hết, cũng không dám trả lại nhà nước. Trả lại thì năm sau người ta cắt bớt ngân sách. Đấy là cái lý đã nêu ở trên. Trả lại thì trong nước cho rằng ngoài nước mình ăn chơi không chịu hoạt động. Đấy là cái lý chỗ này. Mặc cảm. Mặc cảm sâu. Sợ bị đánh giá rằng mình không hoạt động. Vậy là quật cường. Phải chứng minh là ta có hoạt động, hoạt động ác. Nghĩ ra các cuộc hội thảo, chủ đề thật kêu nhưng thực ra vô thưởng vô phạt. Làm cũng được mà không cũng được. Nghĩ ra những cuộc đi khảo sát tình hình

địa phương. Nghĩ ra, vẽ ra, bày ra. Nghĩ ra mọi lý do để mua sắm. Đã đến mức ấy thì ai cũng hiểu các hoạt động không nhằm mục đích đạt đến hiệu quả. Mục đích của nó là tiêu tiền.

Đúng kiểu rút ruột cha của những con bố nông.

Không thấy một ai phản bác rằng nếu tiền ngân sách tiêu không hết thì hãy trả lại nhà nước. Còn thiếu nhiều lắm trường học, bệnh viện, cầu đường, nhà ở cho dân... Tiền nào cũng là của nước, tiền nào cũng là của dân. Nông dân một nắng hai sương đóng thuế. Công nhân dầu mỡ độc hại. Trí thức bán cháo tim óc truyền đời. Doanh nhân bươn chải trong tiền trong vàng là những thứ vốn cũng tàn độc. Tất cả đều phải đóng thuế. Tiền ấy không khéo sẽ được bộ máy phanh bụng ra cho các ban ngành rút ruột.

Cũng là bởi cái cơ chế máy móc, dập khuôn cho mọi sự. Năm nay anh tiêu không hết thì năm sau tôi cắt giảm. Cũng là ở sự đối trá, ít việc không dám nhận là ít, cứ phải rướn mình lên gồng mình lên chứng minh mình chăm chỉ năng động. Sĩ diện bản thân. Chạy theo thành tích. Cũng là thói ham lợi, có chi tiêu tức là có lợi, lợi cá nhân.

Lần tổ chức hội nghị viết văn trẻ ở Hội An, ban tổ chức phải khó khăn lắm mới thu xếp đủ phòng ốc cho hơn một trăm đại biểu. Phải gom nhặt phòng ở vài ba khách sạn gần nhau mới đủ. Danh sách được duyệt chặt chẽ, đại biểu đến từ mọi miền đất nước. Ấy thế, rốt cục số người kéo đến gấp rưỡi danh sách. Không mời cũng đến. Báo hại cho ban tổ chức. Kinh hoàng khi có một gia đình từ tỉnh bên kéo ra. Chỉ có nhà thơ vợ là đại biểu chính thức, đã được xếp ở chung với một nữ đại biểu khác, nhưng nhà thơ chồng cũng theo đi. Cũng theo đi là hai đứa con của họ. Đúng kiểu một miếng giữa làng. Đi ăn cỗ giữa làng, kéo theo bầy đàn lấy thêm miếng gan miếng tiết. Trước ánh mắt ghen tức của bao nhiêu người làng. Mặc kệ, đứa nào trót đi một mình đứa ấy dại. Hơn nhau một miếng giữa làng, một miếng thôi, cũng là hơn. Tiền chùa. Của công đoàn. Mất gì của họ.

Cái tư duy tiền chùa đem lại nhiều lợi lộc. Cũng đem lại nhiều hệ lụy, thậm chí hậu quả nhân tiền. Sau này nhà thơ chồng ngã ngựa trong một cuộc đấu đá địa phương, không ai lấy làm lạ. Tham sân si. Miếng giữa làng. Ăn mặn khát nước. Ăn trước trả sau.

Nhiều người vẫn tin vào luật nhân quả. Trời không cho ai quá nhiều. Nhờ tay cho quá nhiều thì khi lấy lại





cũng lấy một cách thâm khốc. Nhờ để cho cha lấy quá nhiều thì tìm đến con mà đòi lại. Nhưng vòng quay luân hồi thời đại mới tốc độ cũng nhanh lên. Cha ăn mặn, cha khát nước ngay, chẳng đợi đến đời con.

Việc tiêu tiền, việc rút ruột đã trở nên ngang nhiên. Không ai thấy hổ thẹn. Có xấu hổ chẳng là người không biết nghĩ ra các đầu việc các dự án để tiêu tiền. Và giá trị đảo ngược: một ông quản lý biết cách giơ ra các dự án, biết cách vận động hành lang để xin được tiền nhà nước thì được khen là giỏi là năng động. Cả cơ quan xuýt xoa. Cả các cơ quan bên ngoài nhìn vào ông mà trầm trồ, ao ước, giá mình cũng có được người lãnh đạo như thế.

Ngang nhiên. Từ rút ruột sang đến tham nhũng. Một tinh thần tham nhũng bao trùm mọi cấp mọi nơi. Ông lớn lấy nhiều ông bé lấy ít. Ông quan lấy lớn ông dân lấy nhỏ. Quan tham dân gian. Ông này lấy hàng tỉ từ các dự án các công trình các hành lang các cổng sau. Ông nọ

thì hở ra là vận con ốc đường tàu, bẻ thanh sắt chặt cây công cộng, bán được vài chục nghìn cũng bán, bắt kẻ tàu đổ chết người, cột điện đổ cây đổ chết người.

Quan tham dân gian. Chuyện muôn đời. Chuyện trên khắp thế gian. Chỉ có điều nơi nào ổn nơi nào yên là do bàn tay quản lý. Bàn tay giữ luật vững vàng sắt đá. Nơi nào buông lỏng, đánh trống bỏ dùi, thì thành bữa phứa vô chính phủ. Ngã tư nào có cảnh sát thì người xe ngại vượt đèn đỏ. Ngã tư nào vắng bóng anh thì tình em hỗn loạn tràn qua. Hôm nay anh đứng thì em dừng lại. Ngày mai anh đi thì dù biển có nhớ em cũng lao qua ào ào.

Những con bồ nông của Alfred de Musset đã vô tư hồn nhiên được một bữa no. Thảo nào ta có thể gọi tất vô tư hồn nhiên là vô hồn. Chúng đã mở đại tiệc trên cái bụng phanh ra của người cha mà không biết rằng một khi người cha đã chết rồi, đại tiệc ấy là sự hủy diệt của chính chúng. ■



# Sợ mất mặt

HOÀNG TÁ THÍCH

**N**hân vừa đọc tin trên báo: “Xả rác, tiểu bậy... tràn lan”, là chuyện không phải chỉ thủ đô mới có, mà khắp cả các thành phố lớn là nơi du khách thường nhìn vào để đánh giá về dân trí của mình.

Đọc tờ báo *Thanh Niên*, thấy có đặt vấn đề thu góp ý kiến làm thế nào dân mình khỏi mất mặt khi du lịch nước ngoài. Đọc mà thấy vừa vui vừa buồn. Vui vì dần dần, những người ở trên cũng có thấy vấn đề. Buồn vì quá trễ để “nâng cao văn hóa” cho dân chúng. Chuyện này không phải một sớm một chiều mà làm được, nhưng dù sao thì có cũng còn hơn không.

Tiêu đề giáo dục cho dân và những ý kiến đóng góp đều xoay quanh mục đích tránh cho người nước ngoài có một cái nhìn xấu xa về người Việt Nam, vì hiện nay ở vài nước như Nhật Bản, Thái Lan hay Singapore đều có những biển cảnh báo về những chuyện “không nên xảy ra” bằng tiếng Việt ở những nơi công cộng, làm người Việt Nam tử tế đọc cảm thấy nhột nhạt.

Những chuyện không nên xảy ra đó đã xảy ra rất thường trên đất nước mình như cướp giật ngoài đường, tranh nhau ăn buffet, đi xem lễ thì dẫm nát cả vườn hoa trong công viên, ăn cắp cả hoa trưng bày, xả rác bừa bãi khắp nơi miễn là có thể, nói năng ồn ào không cần giữ gìn ở những nơi cần giữ im lặng, hoặc chen lấn ở những nơi cần phải sắp hàng... Tuy nhiên, ở

trên đất nước mình thì cũng đành phải chịu thôi, thấy cứ xảy ra hoài riết rồi cũng quen tai quen mắt, nhưng để cho nó xảy ra trên những quốc gia có một nền văn hoá công cộng và dân trí cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... thì đúng là mất mặt thật. Nhà báo Thanh Phong, mấy năm trước, trong một bài báo đã đưa ra vấn đề này: “Làm thế nào để khi đi qua hải quan của các nước khác, đừng để người ta nhìn cái hộ chiếu Việt Nam bằng con mắt coi thường”, nhưng bài báo này lại gặp những ý kiến của một số người cho rằng viết như thế là xem thường dân mình. Chỉ là tự ái hão. Không xem thường sao được khi những chuyện “không nên xảy ra” ngay cả trên đất nước mình lại xảy ra ở nước khác do người mình làm? Tuy chỉ là “con sâu làm rầu nồi canh”, nhưng cũng là người Việt Nam, làm sao mà không xấu hổ được.

Hiện nay trên thế giới, nhiều nước cũng có ý kiến phàn nàn về những đoàn du lịch Trung Quốc thiếu văn hoá, ồn ào, mất trật tự khi đến những nơi như khách sạn, nhà hàng ăn uống... Không những thế, thỉnh thoảng đọc tin tức trên báo, cũng thấy nói đến chuyện người Trung Quốc lục lạo đồ đạc của người khác trên máy bay, hay ăn cắp điện thoại, không phải chỉ trong nước họ, mà còn ở Việt Nam, có nghĩa là ở khắp nơi. Và cũng không ít người nước ngoài đến Việt Nam đã thể hiện các hành vi xấu như trộm cắp, lừa đảo, thiếu trang nghiêm ở những nơi cần trang nghiêm... Nhưng đó là chuyện của họ. Người mình đọc tin tức, cũng có người xấu hổ dùm cho người họ, nhưng nhiều người rồi cũng sẽ tự nhủ thâm: “Người nào cũng thể thôi, chuyện bình thường”. Nhưng có điều phải chú ý rằng thái độ ồn ào bất lịch sự hay tính gian xảo của một số người nước ngoài ấy chỉ xảy ra ở những nơi mà họ nghĩ rằng họ khó có thể bị xử lý bằng luật pháp. Trái lại, đi qua những thành phố lớn ở những quốc gia mà họ là công dân, người ta thấy dân chúng ở đấy rất có kỷ luật chứ không phải vi phạm, cầu thả, vô trật tự như ở nước ta. Dễ hiểu, vì những chuyện đó có thể chế tài bằng luật pháp một cách nghiêm minh, và dần dần cũng trở thành thói quen cho dân chúng vì bị phạt nặng, sợ tổn tiền nên phải tự cảnh giác.

Có nhiều ý kiến cho rằng không những phải giáo dục cho dân mình biết giữ gìn lịch sự khi đi ra nước ngoài là chuyện phải làm, mà hơn nữa, cần khiến



Nguồn: kenh14.vn



những chuyện “không nên xảy ra” đó trở thành những quy định. Nghe thì cũng thấy buồn cười, vì chuyện dân trí không thể nào quy định được, nhưng ngẫm lại, thấy cũng phải. Quy định có nghĩa là định mức để phạt tiền và như thế may ra nghe có vẻ thực tế. Có lẽ ở Việt Nam thì nên thế, và nếu đã có quy định thì phải nghiêm túc, phạt nặng và không chừa một ai thì may ra. Chuyện dài câu cá trên kênh Nhiều Lọc vẫn không dẹp được “vì chưa có quy định” nên không xử phạt được là một tiêu biểu. Còn có nhiều thứ vi phạm khác lẽ ra phải bị xử phạt nặng, nhưng vẫn trôi qua được cũng chỉ vì chưa có quy định, như chuyện nuôi heo bằng chất cấm chẳng hạn. Người xả rác nơi công cộng thấy người khác tình nguyện đi lượm rác để làm sạch thành phố, họ không quan tâm. Nhưng khi họ xả rác bị phạt tiền nặng như ở Singapore chẳng hạn, thì họ sẽ nhớ mãi để không còn tái phạm nữa. Từ một chuyện bị phạt vì xả rác, họ sẽ suy nghĩ về những vi phạm được quy định khác để tránh làm lỗi. Vì vậy mà phạt thì phải cho ra phạt, chứ phạt không đúng mức thì chỉ là chuyện khôi hài. Ví dụ công an bắt được những người đang ngâm hàng ngàn hàng vạn trái sầu riêng vào chất cấm (cấm nghĩa là độc hại); thế mà chủ vừa chỉ bị phạt có 30 triệu đồng. Ai cũng thấy gọi là phạt cho có.

Thực ra, chuyện giáo dục cho người dân ít hiểu biết trở thành một người lịch sự không phải chuyện dễ dàng gì. Những chuyện tranh giành ăn uống, không chịu sắp hàng theo thứ tự, xả rác... đâu phải một sớm một chiều mới xảy ra. Nó hình thành từ những hỗn độn của xã hội dần dần làm cho con người quen thói không còn biết đến cái lịch sự là gì. Và một khi đã xảy ra thì cũng khó mà quy định đó là một vi phạm để xử lý theo pháp luật. Đó là văn hoá, là dân trí. Thử đứng ở một góc đường phố, bất cứ nơi nào trong cả nước xem có người phạm vi cảnh hay không. Trừ những góc đường có công an giữ trật tự, còn thì bất cứ lúc nào cũng có người vượt đèn chạy ẩu. Trần ngập, chứ đừng nói đến những lúc đèn đường bị trở ngại. Xả rác chỉ là một thói quen. Xả rác bất cứ đâu, kể cả ngói trên xe buýt, xe hơi vút ra đường qua cửa xe. Cả ngàn người xả rác và sau một đêm lễ hội biến thành phố thành một bãi rác. Có những người tình nguyện đi lượm rác và những hình ảnh đó được phổ biến để nói lên chuyện có những người có ý thức. Nhưng cả ngàn người xả rác rồi có vài người đi lượm rác, chẳng có kết quả gì cả. Vấn đề xả rác đã trở thành một thói quen vô ý thức công cộng của xã hội rồi; đây là chưa kể đi tiêu, đi tiểu vất bất cứ nơi đâu. Tranh ăn uống, dẫm đạp công viên, chạy xe bất kể luật đi đường... những thứ đó đã trở thành thói quen. Một thói quen đã được thành lập cả hàng chục năm nay rồi, giáo dục để sửa đổi lại không dễ dàng gì.

Ở trong gia đình, vợ chồng con cái ngày nào cũng thấy mặt nhau. Ít có gia đình nào con cái sáng sớm hỏi thăm cha mẹ ngủ có ngon giấc không. Nhiều gia đình



mỗi tuần lễ, cha mẹ có quy định con cái dù có bận bịu công việc, cũng phải có mặt trong những bữa cơm đầy đủ gia đình. Ngày kỵ giỗ lúc nào cũng phải có mặt. Ngày Tết, con cái phải dậy sớm, mừng tuổi cha mẹ. Đó là thói quen. Thói quen được thành hình từ lâu trong những gia đình có giáo dục, dần dần được hành động như một phản ứng tự nhiên. Không có thói quen, con cái lâu lâu muốn hỏi thăm cha mẹ cũng thấy ngượng mồm. Không có thói quen thì đến lúc phải họp mặt gia đình lại kêu bạn công chuyện. Thói quen làm cho người ta phản ứng như một quán tính. Người khác làm giúp mình một điều nhỏ nhặt, nhường cho mình một chỗ ngồi thì phải biết cảm ơn là một điều tự nhiên, nhưng nhiều người không biết mở miệng để chỉ nói hai chữ đơn giản như thế được vì họ không có thói quen, nói ra sợ ngượng miệng.

Làm cho người dân hiểu được hai chữ mất mặt, gọi là thể diện, thực không phải dễ dàng gì. Có người kể một chuyện tiểu lâm nghe cũng buồn cười, nhưng rất tiêu biểu:

“Một cậu thanh niên bị công an bắt giữ vì tội giật xác tay của một người phụ nữ nước ngoài làm người này bị thương vì bị té giữa đường. Chuyện lớn, vì đó là một du khách nước ngoài. Vào đồn, công an hỏi:

- Anh có biết cái gì là thể diện quốc gia không?

Tội phạm ngơ ngác một lúc rồi trả lời:

- Không biết quốc gia đó nằm ở đâu cả”.

Đối với một kẻ tội phạm lớn lên trong cái xã hội thiếu trật tự này, người nước ngoài hay người trong nước cũng chẳng khác gì nhau, chỉ khác nhau ở chỗ là người đó có hơi hồng khi dùng điện thoại ngoài đường hay mang cái xác tay thế nào để có thể giật được hay không mà thôi. Giáo dục dân chúng để nâng cao dân trí là một sứ mạng của những người có trách nhiệm, nhưng không phải một sớm một chiều mà làm được. ■

## Sống vui hành đạo

TÁNH THIỆN

Tu Phật không khó  
Chỉ khó nơi ta  
Chẳng biết bỏ tà  
Theo con đường chánh

Bao năm xa lánh  
Việc thiện không làm  
Quả báo rõ ràng  
Chẳng đường nào khác

Dứt trừ điều ác  
Không mãi sát sanh  
Phật dạy ba đời  
Chỉ bày hướng dẫn

Chuyên cần kiên nhẫn  
Tham vấn minh sư  
Chánh niệm tu trì  
Sống vui hành đạo.

## Đời lá

TỊNH BÌNH

Đã xanh thoảng chốc vàng  
Tàn phai rơi đôi ngã  
Ta chạnh thương đời lá  
Vô thường trong sát-na  
Bốn mùa trôi mãi miết  
Màu chiều khói sương pha  
Giấc mộng dài hư ảo  
Giật mình chợt tỉnh ra...  
Mãi mãi không cùng tận  
Kiếp luân hồi vô minh  
Mê lầm muôn sinh tử  
Tôi ơi chợt thương mình...  
Cõi huyền vi chợt thức  
Ta tìm lại chính ta  
Năm vóc thâm cảm niệm  
Ôn Từ phụ Thích-ca!

## Như là nóng hạ

KIM LONG

Gió ru cành lá chập chờn  
Vẫn không thấy mát được hơn chút nào  
Giữa xuân nắng đỏ hanh hao  
Đất như xuống thấp, trời cao lên dần.

Hoa bò cạp nở vàng sân  
Tường đầu là đã thêm lần hạ sang  
Đừng như khái niệm thời gian  
Đã đem xé dọc chia ngang mất rồi.

Tầng cao mây trắng ngừng trôi  
Để đem thêm nóng đỏ bồi xuống đây  
Ngày như đêm, đêm như ngày  
Cối trần ôm cánh quạt quay liên hồi.

## Tiếp bước

PHAN THÀNH MINH

Biển Tổ quốc vẫn rập rình bóng giặc  
Súng gươm đi giữ cơ nghiệp Tiên Rồng  
Hóa lũy thép trấn sơn hà xã tắc  
Hoá tường đồng che chắn non sông

Đất là cốt là hình hài Tổ quốc  
Hoàng Sa, Trường Sa núp ruột mẹ sao rời  
Biển là máu là linh hồn dân tộc  
Vì giống nòi chi sá tuổi xanh ơi

Biển Tổ quốc vẫn rập rình kẻ cướp  
Con cá con tôm cũng uất ức ngập lòng  
Con cá con tôm lớn khôn nhờ dân Việt  
Cơm gạo Hồng Hà, Trà Khúc, Cửu Long...

Máu đã đổ khắp đảo chìm đảo nổi  
Máu chắn che xã tắc sơn hà  
Máu tiếp máu cho trường xuân nguồn cội  
Máu cắm hờn Hoàng Sa, Gạc Ma

Máu người trước đã hoá thành sông núi  
Máu người sau rồi cũng hoá thành đồng  
Qua bốn ngàn năm mẹ vẫn còn chờ đợi  
Ôi mẹ dịu hiền Âu Cơ Lạc Long

Tiếp bước cha ông lên đường giữ nước  
Vì giống nòi chọn biển đảo làm quê  
Vì giang sơn sống mái cùng xâm lược  
Chiến trường đi chẳng hẹn ngày về.





## Trượt chân

THANH PHÁP

Không kéo mặt trời cũng lên  
Không xô mặt trời cũng xuống  
Dù muốn hay là không muốn  
Một ngày vẫn cứ trôi qua.

Còn vương chút nắng chiều tà  
Nuôi sâu vào trong giấc ngủ  
Giật mình tiếng con chim cú  
Gõ buồn rạn vỡ đêm đen.

Trần lung giữa cuộc bon chen  
Đổi đầu trăm mưu ngàn kế  
Cao ngời hay là dưới bệ  
Cũng mòn theo dấu thời gian.

Vói tay tìm chút thanh nhàn  
Trượt chân mấy lần vuột mất  
Còn trợ giữa đời chật vật  
Lần hồi theo với tháng năm.

## Mấy cõi xưa xa

TRƯỜNG KHÁNH

Mấy cõi xưa xa ảo hóa,  
Xanh rêu mờ cuối đường mây,  
Hào nhoáng - u linh trước mặt,  
Rê mướt đau kiếp sống đọa đày.

Cõi xa phơi bày huyền tích,  
Rung rung dấu ấn sa mù,  
Hốt nhiên trăm lần đại xá,  
Dậm xưa mắc nợ ngục tù.

Đường bay mây mùa sương phủ,  
Mây mưa nghiêng trút nước về,  
Hoàn vũ đảo chao chóng mặt,  
Bùi ngùi cố xứ tình quê.

Tình mê xưa xa mấy cõi,  
Từ sinh dấu vết hần sâu,  
Luân hồi đong đưa tiền kiếp,  
Mùi khơi tiềm thức bạc màu.

## Tìm quê

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Giữa vòng tay núi Ấn  
màu xanh thướt sông Trà  
uốn lượn chảy trong ta một dòng thơ đại

Ta đi bằng bàn chân cậu bé  
ngày xưa biền biệt xa người  
như ngọn gió chỉ bay muôn xứ...

Giờ trở lại,  
không thoảng hương em  
nắng vẫy tay nhớ người quen của thuở  
cánh đồng mơn mớn non xanh

Ta thấy lòng lữ khách  
đặt chân lên đất quê mình  
mênh mông màu thu Bích Khê  
trong veo câu thơ Tế Hanh...  
dòng trôi in khuôn mặt cũ bao lần  
sao vẫn chìm thao thức!

Thị xã giờ lên thành phố  
ngôi trường xưa đã thay tên  
con đường dẫn về Sơn Tịnh  
chiều hoa mua...

Xao xác bàn chân  
chưa se từng bước nhỏ  
cát đã vun đầy kỷ niệm khôn nguôi...



# Đặng sau bài giảng

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

**K**hi khách đến, ông Hòa đang đứng trước ngõ, mắt dõi về ngôi trường tiểu học bên kia đường. Khách lên tiếng: *"Bác đợi ai mà đứng đây?"*. Đường như không nghe, ông lầm bầm: *"Quá năm giờ rồi, sao không đánh trống nhỉ?"*.

Vẫn đắm trong niềm riêng, ông để mặc câu hỏi của khách lửng lơ. Khách gồm một phụ nữ trạc ngoài năm mươi và một anh bộ đội khoảng ba mươi; với vẻ ngơ ngác và mệt mỏi, với bụi đường vương áo, khiến họ có vẻ vừa trải dặm dài và đến từ phương xa. Hai vị khách đầu hiểu, dù rời bục giảng đã lâu nhưng ông vẫn giữ thói quen lấy tiếng trống trường để biết thời khắc trong ngày.

Người phụ nữ tiến thêm một bước, nhìn thẳng người đối diện, giọng rụt rè: *"Xin lỗi, bác còn nhớ em không?"*. Ông Hòa giật mình, chớp mắt nhìn khách; vẻ lúng túng, cười gượng: *"Xin lỗi, từ từ..."*. Ông tròn mắt, đưa tay gỡ kính, lặng hồi lâu rồi lắc đầu khe khẽ, giọng tiếc nuối lẫn bất lực: *"Chịu! Cũng thấy quen quen nhưng... Già rồi..."*. Khách tươi cười, gọi mở: *"Bác quên những ngày dạy học ở miền Bắc gần bốn mươi năm trước rồi sao?"*. Ông ngó người, cúi xuống một lúc, đưa tay vỗ nhẹ lên trán rồi bắt ngờ giọng vút cao như reo: *"Cô Yến!?"*. Người phụ nữ rồi rít gặt đầu, nắm chặt tay ông, nước mắt chảy dài.

\*\*\*

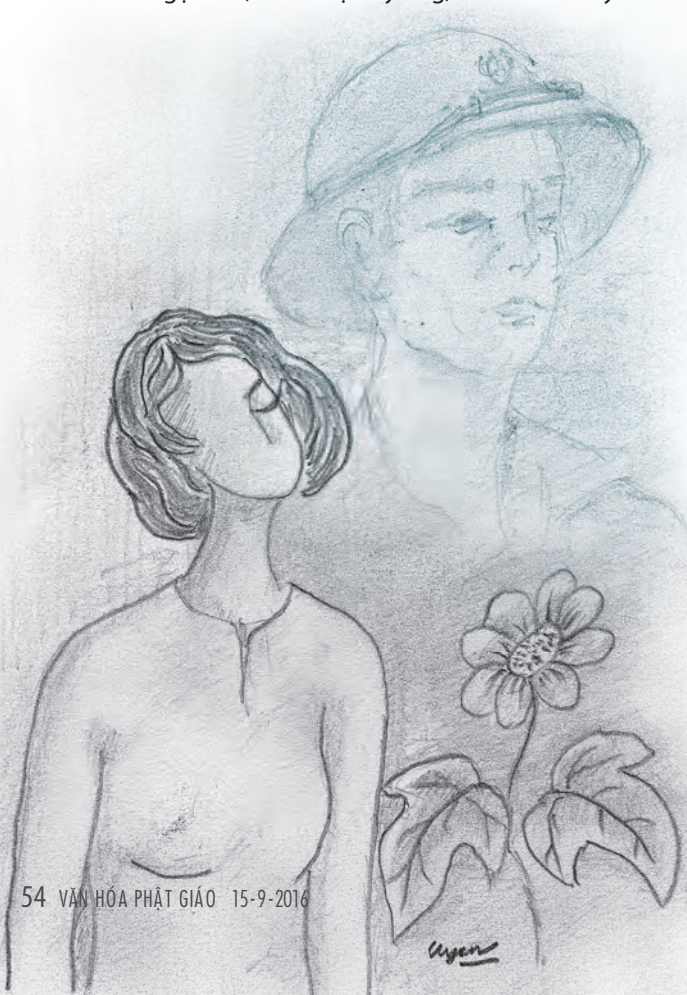
Gần bốn mươi năm trước, để lại sau mái trường cháy nham nhờ trong bom giặc, ông có mặt trong đoàn quân rầm rập tiến về phương Nam. Hơn năm sau, từ chiến trường ông về lại mái trường; cái bục giảng bỗng nhiên cao hơn so với cái chân phải giờ đây là chân giả của ông. Là tổ trưởng xã hội của trường, dưới ông có chín cô, trong đó có Yến. Trong khi nhiều đồng nghiệp ra đi từ đồng ruộng thì Yến là người thành phố. Vẫn thoa nhẹ chút son phấn, vẫn guốc cao gót cùng áo quần luôn được là phẳng nếp, ngày ngày Yến vượt qua những con đường đồng nhậy nhựa bùn để lên lớp. Cô càng đẹp nổi bật trước những lớp học lợp mái tranh vách đất cùng đám học trò tóc râu ngô khét nắng, đi học vẫn quần đùi áo cộc, lấm lem bùn đất.

*"Đúng là tiểu tư sản!"*; loáng thoáng nghe những lời ấy nhằm vào Yến, ông Hòa xua tay, độ lượng: *"Làm đẹp cho mình là tốt chứ sao! Không nên khắc nghiệt thế"*. Cả đám mê của cô đêm đêm ôm ghi-ta vào lòng, vừa đàn vừa hát những ca khúc trữ tình của thời đầu tân nhạc cũng bị phó hiệu trưởng Hợi cho là *"ủy mị, không lành mạnh, phải kiểm điểm"* nhưng ông Hòa ngăn lại.

Những Chủ nhật không về nhà, Yến cùng vài đồng nghiệp thường đến nhà ông chơi; khi thì hỏi về một bài thơ hay, lúc muốn biết nhiều hơn một địa danh ở miền Nam, nơi cô chưa từng đến. Có những điều Yến đưa ra, ông cũng lắc đầu, cười; chẳng hạn như, bầy nịnh thần mà Chu Văn An xin vua Trần chém đầu là ai; những câu thơ ngạo nghễ và đầy khí phách *"Đã mang tiếng ở trong trời đất / Phải có danh gì với núi sông"* hay *"Trong khoảng trăm năm cần có tớ / Sau này muôn thuở há không ai?"* ở trong bài thơ nào của Nguyễn Công Trứ... Cứ thế, chuyện giữa họ kéo dài, có khi hết buổi.

Những lúc ấy, vợ ông từ dưới bếp nhìn lên với đôi mắt nhiều tròng trắng cùng những cái lờm nguýt rõ dài. Vẻ bứt rứt, chị ta đá thúng đựng nia liên hồi rồi đi tới đi lui với những bước chân thành thịch đầy bực tức. Bỏ dở việc đang làm, chị ta chạy ra rượt lũ gà đang bươi phá rồi phát bét bét vào mông thẳng cu đang hốt đất bỏ vào vại nước. Tiếng gà nháo nhác lẫn tiếng khóc thét của thằng bé đã tiễn khách ra ngõ.

*"Yến chữa hoang"*; những lời xâm xì ấy lòng vòng rồi cũng đến tai ông Hòa. Ông ngó người. Hội đồng kỷ luật nhà trường họp xét kỷ luật Yến. Như nhiều người, ông ái ngại khi có mặt trong cuộc họp không mong đợi ấy. Riêng Hợi, phó hiệu trưởng nhà trường cùng vài người là được dịp thể hiện *"trách nhiệm với đồng nghiệp"*. Trước đây, Hợi là đồng môn, học trên Yến hai khóa; từng theo đuổi Yến nhưng cô chỉ thương anh bạn cùng lớp.





"Là người thầy, sao lại thế?! Còn thủ phạm, chẳng mất dạy ấy đâu rồi? Trong môi trường mô phạm này không có chỗ cho con người đối, phong bại tục như cô! Không thể làm gương cho các em khi vác cái bầu ô nhục ấy đứng trên bục giảng!". Lời lời sắt thép của Hợi trùm lên phòng họp căng thẳng đến ngột ngạt lẫn trong tiếng nấc của Yến. Cô rủ người nơi góc phòng, suốt buổi cứ gằm mặt xuống bàn, len lén đưa tay kéo vạt áo so le trước bụng. Lời cô đả kích trong nước mắt: "Với tôi thì sao cũng được nhưng không được đụng đến anh ấy đang chiến đấu ngoài mặt trận. Dù thế nào tôi cũng không bỏ giọt máu của anh ấy đâu". Hợi lại lồng lên, theo anh ta, Yến phải tới bệnh viện giải quyết "sự cố"; còn không, nghỉ việc.

Ông Hòa bật dậy, tay chém xuống như cái ba-ri-e ngăn những lời cay độc đang dồn về phía người đồng nghiệp đáng thương: "Chúng ta dạy các em phải biết yêu thương, phải lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau, trong khi chúng ta dùng ngôn từ đao búa để phê bình xây dựng cho đồng nghiệp?!" Ông lắc đầu, mặt hằn những nếp nhăn đau khổ, giọng lạc đi: "Dù sao việc đã rồi, chúng ta tôn trọng quyết định của cô Yến và giúp đỡ chứ không làm cô ấy khổ thêm. Nếu lúc này thấy cô đứng lớp không tiện thì để cô phụ trách thư viện một thời gian". Mọi người nhất trí với đề xuất của ông; Hợi hậm hực rời phòng họp.

Không hiểu từ đâu, trong trường bùng lên tiếng đồn rằng, thầy tổ trường xã hội đan díu với cô Yến. Ông Hòa điếng người nhưng rồi chua chát cười trước trò hèn mạt ấy. Ông đau đớn khi cảm thấy học sinh cũng chỉ còn sợ ông là người chấm bài cho điểm chúng chứ không còn gãi gãi lễ phép như ngày nào. Thói quen đến thư viện đọc sách của ông, giờ có kẻ cũng xuyên tạc. Biết không thể làm gì với những lời ác độc lén lút, ông nén lòng với nỗi đau âm thầm, dai dẳng.

Ông lui về gia đình, những mong tìm bình yên nhưng không, nơi đó không còn là tổ ấm nữa rồi. Vợ ông thường buông lời cay nghiệt xa xôi, không khí nặng nề bao trùm cả trong bữa ăn hay những khi nhà có khách. Giường ngủ của vợ chồng cách bàn làm việc của ông tấm ri-đô mỏng nhưng giờ đây bỗng nhiên xa. Nhiều đêm ông cố thức chấm bài, đọc sách chờ vợ đi ngủ trước nhưng nghe tiếng trở mình liên tục sau tấm màn mỏng nên đành xuống chái bếp nằm ghé với hai con.

Biết là lòng dạ méo mó của Hợi được dịp thỏa mãn và người khác có thể hiểu lầm nhưng ông vẫn đưa Yến xuống phố huyện đón xe về nhà, chờ ngày sinh nở. Trong trường chỉ ba người có xe đạp nhưng người đi xe vững thì ông không thấy ai. Nhìn mấy cô tập chạy xe mà cứ như đi... đánh nhau, không thấy xước mặt mũi thì cũng rí máu tay chân nên ông ngại. Đoạn đường hai mươi cây số đèo dốc đưa Yến xuống bến xe lần ấy khiến cái chân thương tật của ông rí máu nhưng vết thương vô hình làm ông đau đớn hơn nhiều.

\*\*\*

Ba người ngồi lặng bèn nhau; ngoài kia, cánh đồng mông quạnh trong chiều tàn. Cả tiếng quốc khắc khoải gọi bạn ở đầm sen trước ngõ, cả tiếng gù của chim câu trên mái ngói giờ cũng im hẳn. Có lẽ họ không biết nên bắt đầu từ đâu để chấp nối câu chuyện của gần bốn mươi năm trước. Người phụ nữ phá tan im lặng bằng cách vỗ vai chú bộ đội, lên tiếng: "Cháu tên là Thắng; chính nó đã làm khổ mẹ và bác đấy". Ông Hòa mỉm cười: "Mẹ làm khổ cháu chứ". Ông nhìn ve áo của chàng trai, neho mắt, xuýt xoa: "Chà, cháu đã là thiếu tá rồi cơ đấy". Thắng cúi đầu, về bên lên, nắm chặt lấy bàn tay ông đưa ra. Chẳng đợi chủ nhà hỏi, Yến trải lòng, nỗi buồn xa xăm lắng trong từng lời của chị.

"Bố cháu đi cả đời cũng không về được với mẹ con em. Trước lúc hy sinh, anh ấy kịp trao cho đồng đội cuốn nhật ký, trong đó có ghi lại những ngày hạnh phúc ngắn ngủi khi em đến thăm, cả cái đêm hai đứa dành trọn cho nhau trước khi bố cháu vào chiến trường. Anh ấy đã nhận thư em nên biết mình sắp có con... Ngày đưa cháu về thăm bên nội, em dẫn đo mãi bởi dù gì cũng chưa chính danh. Nhưng vừa gặp nhau, bà nội đã ôm chầm lấy cháu, người thân thì tròn mắt kinh ngạc bởi cháu nó giống bố lắm, bác ạ. Thắng là đứa cháu nội duy nhất của gia đình có ba người con trai và cả ba đã hy sinh trong những cuộc chiến năm xưa. Sau này, nhà có công to việc lớn gì, bà nội đều gọi Thắng về, đều lấy ý kiến nó làm trọng. Có bữa ở nhà thờ họ, khi phải ngồi chiếu trên và nghe những người đáng tuổi ông tuổi chú gọi anh, gọi bác, nó ngượng, bỏ ra sau hè đứng với gốc xoài. Bà cháu phải ra lôi vào".

Yến dùng lời, được san sẻ những điều sâu kín dường như cho chị nhẹ lòng. Chị lặng nhìn ánh trăng ngời ngời trên sân, mặt man mác buồn. Đón ly nước từ tay chủ nhà, chị tiếp: "Sau này, em tìm về trường xưa, biết là chị nhà đã mất, bác đã hồi hương sau ngày thống nhất; Hợi thì bị buộc ra khỏi ngành vì sàm sỡ các nữ sinh thực tập... Em chắc chẳng bao giờ còn gặp lại bác. Tình cờ năm trước em đọc bài báo đòi khôi phục danh dự cho bác. Bài báo kể về việc bác bị trả thù vì tố cáo những cán bộ xã tham nhũng đất đai và kinh phí xây dựng các công trình do dân đóng góp. Lần này, sau khi đi tìm mộ bố cháu, mẹ con em cứ theo địa chỉ trên bài báo ấy. May quá!".

"Mẹ con cô đến thăm, tôi mừng lắm. Hư rồi nhưng gặp lại đồng nghiệp, nghe tiếng trống trường, lòng tôi lại náo nức vui". Ông Hòa lên tiếng, về xúc động hiện rõ trên mặt. Ông trầm ngâm hồi lâu rồi nói như nói với chính mình: "Tôi nghĩ, đằng sau bài giảng, người thầy phải xứng đáng với chính những điều tốt đẹp mình đã dạy học sinh. Nếu không được thế thì... buồn lắm!".

Không phải bằng lời mà bằng ánh mắt, họ nhìn nhau trong đồng cảm. Người phụ nữ xoay người nhìn quanh nhà, mắt chị dừng lại lâu hơn nơi bàn thờ gia tiên. Ở đó, gia chủ không thờ chữ PHƯỚC quen thuộc mà rục rờ một chữ TÂM, không phải viết bằng mực tàu đen nhánh mà bằng màu của trái tim. ■



# Lòng trung thành

TRƯỜNG KHÁNH

## Đợi Chờ Vô Vọng

Ông Batrose bị nhiễm trùng máu rất nặng và được gia đình đưa đi cấp cứu ở bệnh viện Ruth Cardoso bang Santa Catarina của đất nước Brazil. Nhà ông cách bệnh viện gần hai cây số.

Ông rất cưng quý con chó Negao, chú chó được ông nuôi từ hồi nó còn nhỏ xíu. Ông xem nó như một thành viên trong gia đình, vui buồn có nhau. Vì ông đối xử với con vật như thế, nên chú chó Negao luôn luôn quấn quýt bên chủ như bóng theo hình.

Từ khi ông Batrose được đưa vào viện, Negao đi theo, nhưng không được vào thăm, nên nó kiên nhẫn ngồi chờ ở cổng bệnh viện. Mấy ngày trời không được ăn uống, đói khát hành hạ nên chú chó gầy guộc thấy rõ. Bị bao tử dày vò, nó lẩn mò đi quanh để kiếm thức ăn nhưng không quên trông chừng để đón ông chủ của nó.

Có nhiều người thăm nuôi bệnh nhân, thấy con chó dễ thương đã cho nó ăn uống tử tế. Họ đến gần để làm quen, thoa đầu gãi lưng như để chia sẻ tình thương, và đều được Negao đáp lại bằng ánh mắt thân thiện, hiền từ. Nhìn vào đôi mắt ướt ướt, gương mặt buồn buồn của chú chó, dù không nói ra nhưng ai cũng đọc được mối thâm tình của Negao dành cho ông chủ của nó.

Trong tâm trí, con vật nghĩ rằng: Như mọi lần,



ông chủ đi đâu đó rồi sẽ về, và lần này cũng vậy. Do đó, nó mãi miết ngồi chờ với niềm hy vọng gặp lại người thân. Trong nhiều ngày liên tiếp, mỗi khi đi qua bệnh viện Ruth Cardoso, người ta đều thấy chú cún Negao, gương mặt hiền buồn ngồi trước cổng bệnh viện, mắt nhìn vào trong...

Bệnh tình ông Batrose ngày càng trầm trọng và cuối cùng ông đã qua đời. Gia đình đưa ông về nhà lo mai táng. Trong những ngày tang lễ, người nhà ông Batrose thấy thiếu Negao. Có người ở bệnh viện về cho biết con cún đang ngồi trước cổng bệnh viện. Nó đâu biết rằng ông chủ của nó đã mất rồi!!!

Hay tin ấy, người nhà thấy thương chú cún vô cùng. Họ cho người đến bệnh viện tìm để đưa nó về nhà. Khi đến nơi, mấy người đi đón chú chó đều xúc động không cầm được nước mắt, vì thấy cún Negao sau mấy ngày xa nhà đã tiều tụy, xác xơ. Lúc thấy người nhà đến thăm, nó vẫy đuôi chào mọi người; mũi khịt khịt đánh hơi.

Có người mang theo đồ ăn cho nó, nhưng nó không màng; đôi mắt trông ngóng vẫn hướng vào trong bệnh viện... Người ta muốn đưa nó về nhà nhưng nó chạy trốn.



Sau nhiều vây bắt, cuối cùng cũng đem được nó về nhà nhưng rất vất vả.

Vừa về đến nhà nó đã bươn bả chạy xộc vào trong, miệng kêu căng căng rên rĩ, rồi chạy vào phòng ông chủ!!! Không tìm thấy chủ, nó đánh hơi khắp nhà rồi đến nằm ở cửa ra vào. Nơi đây, mười mấy năm qua nó đã từng chờ ông chủ mỗi khi ông đi làm về. Mỗi lần như thế, nó đã được ông gãi đầu xoa lưng. Đáp lại, nó vui mừng vẫy đuôi, nhảy cẫng lên ôm chầm lấy ông.

Bây giờ cũng ở nơi này nhưng không thấy bóng người thân, nó buồn bã gieo người xuống đất nằm xoài chân, mặt buồn rười rượi trông thật thảm thương. Nhìn nó, mọi người có mặt không cầm được nước mắt khi thấy con vật trung thành với chủ đến như vậy, chẳng khác gì những người ruột thịt đau buồn khi bị mất người thân.

Màn đêm buông xuống. Gia đình sau tang lễ còn phủ trùm nỗi buồn vô hạn. Con Negao cũng thế. Nó nằm bất động trước cửa nhà, không chịu ăn uống, mặc dù đồ ăn để trước mặt rất nhiều... Chốc chốc nó lại đưa mắt nhìn ra cổng đón đợi người đi xa chưa về.

Buổi sáng, không thấy chú cún Negao trước cửa, mọi người xôn xao đi tìm. Nhưng nó bỏ đi lúc nào không hay. Đây không biết là lần thứ mấy nó lại đến bệnh viện để tìm ông chủ... Nhìn thấy cảnh thương tâm này, mọi người ai cũng quý cho con vật đã có một tình cảm thiêng liêng... Sợ nó đói khát tội nghiệp nên người nhà đã tìm cách đưa nó về.

Nhưng ở nhà được vài hôm nó lại trốn lên bệnh viện... Sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Con vật trông sa sút trầm trọng có thể nguy hiểm đến tánh mạng.

Hẳn là trong thâm tâm, nó luôn nghĩ rằng ông chủ đến bệnh viện chữa bệnh xong sẽ về, nên nó đến túc trực để đón ông.

### Hồi kết

Nguồn tin con chó Negao trung thành với người chủ đã nằm đợi, đói xơ xác gần chết trước cổng bệnh viện trong lúc ông chủ của nó đã qua đời và đã được đưa về nhà hơn tuần nay rồi được loan ra. Tin này lan truyền rất nhanh đến các Hội Từ thiện, Hội Bảo vệ Súc vật... Các hội này đã liên hệ với gia đình nuôi nó và Bệnh viện Candoso để tìm cách phối hợp giúp đỡ cho nó chấm dứt hội chứng "đợi chờ vô vọng" này.

Qua câu chuyện thương tâm mang đậm chất tình thương này, chúng ta thấy được "tình yêu không giới hạn" giữa súc vật và con người.

Sự kiện này phù hợp với khế kinh Đức Phật đã dạy:

*"Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh".*

(Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật).

Tánh Phật ấy là tâm Từ Bi bao la. Chúng sanh trong bốn loài đều là thân thuộc, đều là cha mẹ, anh em đấp đổi của nhau. Hiểu được như thế, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy chú chó Negao vì thương ông chủ của mình, đã nằm chờ vô vọng, trước cổng bệnh viện. Nếu không có ai giải cứu thì có thể mất đi một con vật đáng yêu. ■

(Theo trang tin *Oddity Central* - Brazil)

## CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO *VHPG* NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ  
**Ô. Phạm Văn Nga** : 46 cuốn/kỳ  
**Ô. Vũ Châm**, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ  
**Bà Huỳnh Kim Lưu** : 30 cuốn/kỳ  
**Nhà hàng Tib**, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ  
**Cư sĩ Lương Trung Hiếu** : 12 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Định** : 11 cuốn/kỳ  
**Cô Nga** : 10 cuốn/kỳ  
**PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Huỳnh Văn Lộc**, Q.BT : 10 cuốn/kỳ  
**Nhà sách Thái Hà** : 10 cuốn/kỳ  
**Bà Lý Thu Linh** : 10 cuốn/kỳ  
**Mỹ thuật tượng Zen Art** : 10 cuốn/kỳ  
**Ô. Bùi Phong Lưu** : 8 cuốn/kỳ  
**Phật tử Nguyễn Thị Hoa** : 6 cuốn/kỳ  
**Hồng Phúc & Xuân An** : 6 cuốn/kỳ

**Ô. Võ Ngọc Khôi** : 5 cuốn/kỳ  
**Bà Tôn Nữ Thị Mai**, Q.BT : 5 cuốn/kỳ  
**Cửa hàng Tâm Thuận** : 5 cuốn/kỳ  
**Ô/Bà Nguyễn Văn Bản**, USA : 5 cuốn/kỳ  
**Phật tử Trương Trọng Lợi** : 5 cuốn/kỳ  
**Ô. Lê Xuân Triều**, Q.BT : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Huệ Hương** : 5 cuốn/kỳ  
**Hoàng Mỹ - Thiên An** : 5 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Hòa** : 4 cuốn/kỳ  
**Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh** : 4 cuốn/kỳ  
**Bà Lê Tự Phương Thúy** : 3 cuốn/kỳ  
**Bà Phạm Thị Kim Anh** : 3 cuốn/kỳ  
**Hoàn Ái - Huệ Minh** : 3 cuốn/kỳ  
**Ô. Tạ Hữu Chung** : 3 cuốn/kỳ  
**Phật tử Diệu Ân** : 2 cuốn/kỳ  
**Chị Tuyền**, Cty Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ

**Cty Nén Hạnh Phúc**, Q.BT : 2 cuốn/kỳ  
**Cty TNHH Thép Thiên Tâm** : 2 cuốn/kỳ  
**Cty Tân Hiệp**, Q.6 : 2 cuốn/kỳ  
**Nguyễn Dũng** : 2 cuốn/kỳ  
**Phật tử Quảng Kính** : 2 cuốn/kỳ  
**Cô Châu** : 1 cuốn/kỳ  
**PT. Nguyễn Thuận** : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **370 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;

**Phòng Phát hành *VHPG*: (08) 3 8484 335**

**Email: toasoanvhp@gmail.com**

**Ban Biên tập**

# Tấm gương nơi phòng khách

AN VIÊN

**H**ồi mới chuyển đến ở trọ ngôi nhà này, tôi đã muốn tháo bỏ tấm gương nơi phòng khách và cả cái tủ kính gắn trên tường nữa. Tôi cứ nhất quyết là phải thế. Càng nhanh càng tốt. Chỉ vì tính tôi vốn gọn gàng, nhất là cái gì không phải của mình thì mình không nên dùng...

Ngôi nhà chúng tôi đang ở trước đây được cặp vợ chồng trẻ thuê làm tiệm trang điểm cô dâu, làm tóc, gội nhuộm... nói chung là làm đẹp cho phụ nữ. Làm một thời gian, không có khách; đã thế anh chồng lại lâm vào cờ bạc, cá độ rồi mất việc. Hơn một tháng, hai vợ chồng đóng cửa tiệm sống dật dờ lúc nhà này, lúc nhà khác. Rồi họ đành phải trả lại ngôi nhà, nói là không thuê nữa nhưng đồ đạc vẫn chưa biết gửi đi đâu cho hết.

Ngày chúng tôi chuyển đến, đáng chú ý là ở phòng khách vẫn còn tấm gương hình chữ nhật, to như cái chiếu đôi gắn chặt trên bức tường. Tấm gương mỏng, trong suốt, bốn cạnh dán đường viền hoa văn màu trắng bạc. Bên cạnh tấm gương to tướng là cái tủ kính gắn tường để một số đồ trang điểm. Và thế là cái phòng khách, chiều rộng chưa đầy 3m, dài chừng 4m, hai vật dụng trên đã choán gần hết một mặt của bức tường. Thấy vậy, tôi khó chịu lắm. Bốn mặt tường màu xanh da trời đẹp thế tự nhiên lại bị che khuất mất một mặt. Đã thế lại không phải đồ của mình. Nhất là tôi rất sợ mỗi khi hai cô con gái nhỏ của tôi lằng xằng chạy lên chạy xuống không may đụng đầu vào cạnh dưới của cái tủ kính thì khổ.

Ngày cặp vợ chồng trẻ ấy quay lại thu dọn những đồ đạc còn lại trong nhà, tôi mừng lắm. Tôi bỏ ra cả buổi sáng phụ giúp anh chồng tháo tấm phong quảng cáo của cửa tiệm, loay hoay gỡ từng ốc vít để hạ cái tủ kính xuống. Đến cái tấm gương. Hai chúng tôi loay hoay tháo, cạy mãi mà nó vẫn bám chặt vào tường. Tấm gương mỏng quá. Xem chừng nếu làm mạnh tay thì nó sẽ vỡ ngay.

Họ đành bỏ lại tấm gương còn tôi thì nhìn tấm gương với vẻ bức dọc. Suốt thời gian đầu, tôi cảm thấy bức bối, khó chịu khi trong nhà mình hiện diện một thứ không phải của mình. Tôi cố gắng quên đi tấm gương của cặp vợ chồng trẻ đó bằng cách không ngồi làm việc nơi phòng khách. Nói là phòng khách cho sang chứ thực ra ngôi nhà ống lợp tôn đã cũ này có hai ngăn, ngăn trên cao, có thêm cái gác lửng che chắn, ngăn dưới thấp lụp sụp. Rồi tôi vui đầu vào công việc,

cũng chẳng để ý là ở phòng khách nhà mình có một tấm gương.

Mùa hè đến, ngôi nhà trở nên nóng nực lạ thường. Suốt gần mười năm đi thuê trọ, tôi chưa thấy ngôi nhà nào lại nóng như thế, nhất là cái ngăn nhà dưới. Buổi sáng mới thức dậy, qua ô cửa sổ không còn cánh cửa, nắng đã hắt vào nhà chói mắt. Rồi trưa đến, mái tôn như rạn nứt, cựa mình kêu lách tách. Những chấm nắng theo lỗ mái tôn đã mục chiếu xuống nền nhà từng chấm nắng lổ chỗ. Hơi nóng phả từ mái tôn xuống hầm hập như thổi lửa. Ngôi một góc ngăn nhà dưới làm việc, mồ hôi tôi ướt đầm cả người, từng dòng mồ hôi như đang chảy dài trên sống lưng, nhầy nhụa ra cả chân tay, sách vở. Tôi điên người lên và quyết định mở toang cửa trước, ngồi tại cái bàn gỗ đặt giữa phòng khách làm việc. Căn phòng mát hơn hẳn so với ngăn nhà dưới. Bất chợt nhìn vào tấm gương gắn tường ngay trước mặt, tôi thấy căn phòng khách sao hôm nay rộng thế, hình như nó được nối thêm bằng một cái phòng nữa trong gương như cái phòng mà mình đang ngồi. Trông thật thoáng đãng, dễ chịu. Tôi khoan khoái bắt tay vào công việc một cách say sưa.

Tối Chủ nhật ngồi nơi phòng khách làm việc, tôi bật thêm dây đèn nhấp nháy xanh, đỏ, tím, vàng cho nó có không khí của một ngày cuối tuần. Hơn nữa, đó cũng là điều mà hai cô con gái của tôi rất thích. Trong ánh đèn điện sáng hòa lẫn ánh chớp lung linh đủ màu, mùi hương dầu xả đưa qua mỗi ngày một đậm. Thì ra, vợ tôi đang chải tóc trước gương. Tấm gương trong in rõ nước da trắng hồng và từng đường cong trên chiếc áo ngủ mỏng tang. Rồi cô ấy nhoẻn miệng cười trước gương, cái cười vẫn tươi tắn và đầm thắm như thuở ban đầu nhưng hình như tôi đã vô tình quên đi bấy lâu nay.

Và rồi... tôi đứng dậy, khẽ khàng ôm lấy vợ. Lòng thầm cảm ơn tấm gương biết chừng nào! ■

Ảnh minh họa





# Mưa về trên phố núi

NGUYỄN THÁNH NGÃ

**T**rời Đà Lạt đang trong xanh, bỗng những hạt mưa li ti bay qua mặt, rơi trên tóc, trên vai. Vậy đó, Đà Lạt bất chợt mưa, bất chợt nắng là tính nết lâu đời không đổi được.

Đà Lạt bốn mùa, hoa khoe sắc thắm khắp nơi, khí hậu dễ chịu, nhưng vẫn pha loãng một chút se lạnh khi ta đi dạo trong mưa, và bạn sẽ cảm thấy niềm lâng mạn bay trong gió...

Mưa. Mưa Đà Lạt thật tuyệt diệu. Cỏ cây bừng lên khi sắc xanh tươi, khi những lớp bụi trong không khí được gột sạch. Nếu sương mù làm cho Đà Lạt huyền ảo, thì mưa làm cho Đà Lạt lung linh. Những ngọn tháp, những ngọn đồi dưới màu nắng vàng ươm, những cung đường hoa lộng gió, những ngôi biệt thự cổ dưới chân đồi sẽ được tôn lên bởi sắc nắng lộng lẫy sau mưa...

Đặc biệt, Đà Lạt có những cơn mưa nhỏ như giọt đàn. Do phong cách sống không vội vã, tâm hồn người phố núi dễ lắng nghe mưa thánh thót rơi trên mái rêu, cộng hưởng với tiếng thông reo rất nhẹ trong mưa làm thành bản nhạc không lời, mênh mang và sâu lắng... Bạn sẽ không có gì ngạc nhiên khi thấy từng cặp đôi che dù đi trong mưa, họ nép vào nhau và cần những che chở cần thiết cho chút tình vụng dại. Hoặc giả, những chiếc xe đạp đôi cổ tình rong chơi trong mưa nhẹ, dưới hồ thiên nga hai người không đạp nước, họ thả trôi trong mưa thật là lâng mạn. Những giây phút đó, Đà Lạt có sức cuốn hút riêng mà ít nơi nào có được. Người làm thơ và viết nhạc, gọi thứ mưa này là "mưa tình nhân", kể cũng không ngoa là mấy...

Mưa. Mưa bay qua hồ Xuân Hương, mưa trên đồi Cù xanh mượt, Thung lũng Tình Yêu đón mưa ngàn. Thiển viện Trúc Lâm tiếng chuông trôi trong mưa, Dinh Bảo Đại, thác Datanla, làng Cù Lân mưa chỉ như khói biếc đã làm nên một phố núi thơ mộng, quyến rũ nhất Nam Tây Nguyên...

Có khi mưa Đà Lạt như một "đặc ân" mà thiên nhiên ban tặng. Bạn đi trong mưa mà không cảm thấy ướt át, không cảm thấy cô đơn, bởi mưa lúc này chỉ như người

bạn nhỏ thì thầm bên tai. Rồi trong mưa, một làn hương thơm ngát của muôn hoa hòa quyện, khứu giác bạn sẽ có dịp thưởng thức mùi hương của muôn sắc. Bạn sẽ không phân biệt được đâu là mùi hoa cúc, đâu là mùi loa kèn trắng, hay hoa dại ngát hương dâng lên...

Những ngôi biệt thự cổ ngậm phong rêu, kiêu hãnh chìm trong làn mưa bụi. Bạn thỏa sức chiêm ngưỡng trạng thái khói sương và thả hồn mình bay theo những khoảnh khắc thư giãn mát mẻ, trong lành. Ngoài kia, người nông dân phố núi vẫn cần mẫn chăm sóc vườn hoa, hay hái dâu, hái hoa artichaut đi bán. Trên đồi má cô thiếu nữ, luôn ứng một màu hồng khỏe khoắn, đẹp đến nao lòng du khách.

Nếu có lần đi dọc núi đồi hay thung lũng, bạn sẽ có dịp nghe thông reo trong mưa. Đó là một cảm giác rất lạ, từng cung bậc mưa tuôn trên lá kim là từng nốt nhạc được phổ bởi người nhạc sĩ tài ba. Những tiết tấu vi tế nhất, sẽ dành cho tâm hồn tinh tế nhất cảm nhận, và cái màu xanh của lá kim chùng như cũng trôi theo dòng nhạc hòa cùng gió ngàn hú, láy, luyến âm... Nếu trong đêm mơ hồ có tiếng lóc cóc vó ngựa gõ xuống mặt đường, thì đó là niềm thống khoái vô biên cho những ai có tâm hồn nghệ sĩ. Vì thế, bạn sẽ không ngỡ ngàng khi thấy người nghệ sĩ thường mặc áo măng-tô đi trong mưa đêm. Họ đi như đếm từng hạt mưa trên ngọn đèn đường, đếm từng lời thì thầm qua từng con ngõ, lên từng bậc thềm quán cóc lạnh ngác ngờ.

Đến Đà Lạt để trải nghiệm mưa, nếm mùi vị của mưa cũng là một thú vị. Nếu Đà Lạt mưa lạnh, bạn hãy ngồi với ly cà-phê bốc khói, uống cà-phê lúc này, bạn sẽ ngây ngất vì hạnh phúc được cô đơn, dù bạn đang có đôi cũng vậy, sự cô đơn mà mưa đem lại rất khác, chỉ có một người cảm được mà thôi...

Người ta nói Đà Lạt là Vương quốc hoa, Vương quốc Năng gió và Mưa ngàn. Thật vậy, nếu Đà Lạt không có mưa sẽ không có cảnh sắc bừng lên hùng vĩ và đẹp đẽ đến lạ kỳ như vậy. Đà Lạt mưa sẽ đem đến ấm áp, tình đất tình người bật nở hoa thơm... ■



# Niềm Vui dưới Mái Ấm Linh Quang

Bài: NGUYỄN BÔNG - Ảnh: PHẠM NHẬT HUY

Sáng sớm ngày 04/09/2016, đoàn thiện nguyện văn nghệ sĩ đã đến tặng quà Trung thu cho các em cô nhi đang sống dưới mái ấm tình thương của tịnh thất Linh Quang thuộc làng Châu Ro, tổ 3, ấp Bình Hòa, Xuân Phú, Xuân Lộc, Đồng Nai – ĐT: 0919 571435. Tham gia đoàn có các vị mạnh thường quân (ẩn danh), nhà hảo tâm Phan Kim Liên cùng với sự phát tâm của MC Anh Quân, diễn viên-ca sĩ Mai Phương, MC Ngọc Tiên, MC Ngọc Trâm, ca sĩ Diễm Phương, ca sĩ Đặng Anh Tuấn, ca sĩ Phạm Nhật Huy, người mẫu Huỳnh Phong và Thanh Trực...

Nhằm chia sẻ yêu thương đến với các em cô nhi bất hạnh đã bị cha mẹ bỏ rơi trước cổng chùa hay cùng các cảnh đời ngang trái khác..., đoàn thiện nguyện đã trao tặng 165 phần quà (bao gồm: sữa, bánh, xà bông, bàn chải đánh răng, hạt điều, bánh trung thu) cho các em ở mái ấm (60 em). Ngoài ra đoàn còn chuyển tặng quà đến cho các trẻ em dân tộc làng Châu Ro (80 em) và 20 người lớn tuổi có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ tịnh tài giúp cho tịnh thất Linh Quang.

Sau khi chuẩn bị xong các phần quà, cùng với sự chia sẻ và dẫn dắt của Sư cô Thích nữ Phong Điền, MC Anh Quân cùng với các nghệ sĩ đã hòa vào cùng lời ca, tiếng hát của các em mái ấm, tham gia đổ vui với những câu trả lời dí dỏm của các em tạo nên niềm vui cùng một không khí sôi động, ấm áp yêu thương.

Mong là các em sẽ có một mùa Trung thu thật ý nghĩa và góp phần hỗ trợ mái ấm hoạt động, tạo nơi nương tựa vững chắc cho các em.



Sư cô Thích nữ Phong Điền, MC Anh Quân cùng nhà hảo tâm Phan Kim Liên



Trao quà cho các cô nhi và ca hát



MC Ngọc Tiên cùng các em cô nhi



Đoàn chuẩn bị quà tặng các em



# 7 cách đơn giản để phòng ngừa ung thư

Quả mơ, một trong 10 loại trái cây giúp ngừa ung thư



Nhiều người phải nhận chẩn đoán mắc ung thư vào một thời điểm nào đó trong đời. Điều này một phần do tuổi thọ tăng cao, một phần ảnh hưởng từ béo phì, hút thuốc lá. 1/3 trường hợp ung thư có thể ngăn chặn thông qua chế độ ăn uống lành mạnh, vận động hợp lý và duy trì trọng lượng lý tưởng.

Hướng dẫn mới của **Quý nghiên cứu ung thư thế giới** đã đưa ra những khuyến nghị nhằm góp phần ngăn ngừa nguy cơ ung thư:

## 1. Làm việc nhà

Hoạt động thể chất, ngay cả những việc đơn giản như lau nhà có thể làm giảm nguy cơ ung thư, đặc biệt là ung thư ruột và vú. Các nghiên cứu chỉ ra rằng hoạt động thường xuyên có thể giúp hàm lượng hormone khỏe mạnh trong cơ thể duy trì ở mức lý tưởng.

## 2. Nhai cà-rốt

Chỉ cần ăn vượt quá nhu cầu hơn 100 calo mỗi ngày có thể dẫn đến tăng 5kg một năm. Thừa cân, béo phì là nguyên nhân góp phần dẫn đến 10 loại ung thư bao gồm đường ruột, vú và gan.

Bạn không nhất thiết phải từ bỏ các bữa ăn nhẹ, chỉ cần thay thế chúng bằng những thực phẩm ít calorie. Chẳng hạn nên thay khoai tây chiên bằng các loại rau như cà-rốt. Nếu không thể từ bỏ thói quen ăn ngọt, hãy thay thế bằng một thanh chocolate nhỏ dưới 100 calo.

## 3. Bỏ thói quen ăn bánh mì trắng

Nên thay thế bánh mì trắng, mì ống bằng ngũ cốc nguyên hạt để tăng lượng chất xơ. Một lát bánh mì làm từ bột nguyên chất chứa 2,5 gram chất xơ, trong khi bánh mì trắng chỉ chứa 1 gram.

Chất xơ giúp no lâu, dễ dàng duy trì trọng lượng khỏe mạnh và giảm nguy cơ ung thư liên quan đến thừa cân, béo phì. Nó cũng giúp quá trình tiêu hóa thuận lợi, hạn chế nguy cơ ung thư đường ruột.

## 4. Giảm muối

Ăn quá nhiều muối không chỉ làm tăng huyết áp mà còn tăng nguy cơ ung thư dạ dày. Theo các nhà khoa học, lý do là muối có thể gây hại niêm mạc dạ dày. Nên sử dụng các loại gia vị, rau thơm, tỏi, chanh, hạt tiêu đen, gừng... để tăng hương vị món ăn mà không cần phải dựa vào muối.

## 5. Ăn chay mỗi tuần một ngày

Nhiều bằng chứng khoa học cho thấy ăn nhiều thịt đỏ làm tăng nguy cơ ung thư ruột. Cách chế biến thịt như xông khói, dầm bông có nhiều ảnh hưởng sức khỏe. Chất gây ung thư có thể được hình thành trong quá trình bảo quản thịt bằng hóa chất, phơi hay muối.

Lựa chọn chế độ ăn không có thịt một ngày mỗi tuần hoặc thêm cá vào thực đơn mang đến nhiều lợi ích sức khỏe.

## 6. Đi lại trong khi nói chuyện trên điện thoại

Chỉ cần 30 phút hoạt động thể lực mỗi ngày thực sự có thể giúp giảm nguy cơ ung thư. Hãy đảm bảo đủ thời gian hoạt động hàng ngày bằng cách tranh thủ việc nhỏ như đi bộ trong khi chat trên điện thoại, sử dụng thang bộ thay cho thang máy, hoặc đỗ xe xa hơn một chút...

## 7. Đi bộ vào buổi tối

Bớt thời gian cho các hoạt động tĩnh như xem ti-vi, đọc sách vào buổi tối để có nhiều thời gian ra ngoài đi bộ, giúp hạn chế đáng kể nguy cơ ung thư.

Lê Phương (Theo Newsrtr)



Song Hỷ Trà™ & Phú Quý Thổ™

☎ 0947 798 186

📍 6A Lê Quý Đôn, Q.3, TP.HCM

📱 Song Hỷ Trà

🌐 songhytra.com

Nhà tiên phong ký hiệu *Ấm tử sa hồn Việt*



Sắp phát hành

# VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

2016

TỪ SỐ 240 ĐẾN SỐ 251

Ảnh: Quang Đức

Tập **1**





# Chúc Mừng

**C**húng tôi vừa nhận tin **Nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ** được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý **"Nghệ nhân Ưu tú"** trong số 84 cá nhân thuộc các nghề điêu khắc, mộc mỹ nghệ, gốm, tranh dân gian Đồng Hồ, thêu ren, mây tre đan...

Trân trọng chúc mừng và mong rằng nghệ nhân Nguyễn Hữu Thọ tiếp tục điêu khắc gỗ truyền thần nhiều tôn tượng Phật và Bồ-tát với dáng nét đẹp thuần Việt mang tính nghệ thuật cao để làm "tốt cho đời và đẹp cho đạo".

Trị sự  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



## PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

# TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.



- Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM □ ĐT: (08) 22477809
- Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 □ Email: hoinguyen.kt@gmail.com
- STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CTK: Ngô Phương Đức
- STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CTK: Nguyễn Thị Hời



**pháp uyển**  
D H A R M A G A R D E N  
17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM  
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877  
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM  
**QUANG NGHỆ**  
QUANG NGHE CO., LTD.  
NÊN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
  - Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

### Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM  
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506  
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn  
Website: www.quangnghecandle.com



## Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh  
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trâm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

## Nhà Gốm Nghệ Tâm

169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội  
☎ 0912.66.1973

### Chuyên Kinh Doanh:

- Trà Đặc sản Việt
- Gốm Sứ Nhật bản (Giao Thương Sĩ & Lễ)
- Nhang Trâm chính hiệu Quảng Nam
- Bonsai & Đá cảnh nghệ thuật tự nhiên



## Nhà Gốm Nhật H & H

Chuyên kinh doanh: Gốm sứ, Nhang trâm

53A Ngô Thị Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội  
☎ 0944.588.568 ☎ 0968.59.88.57



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

**"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"**







## DIÊU TƯỜNG AM NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



Đến với Diêu Tường Am, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật, hay để cung kính cúng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vì đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...



DIÊU TƯỜNG AM 3/2  
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10  
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 684 913



DIÊU TƯỜNG AM NAM KỲ  
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3  
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 484558



[www.dieutuongam.com](http://www.dieutuongam.com)

## Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,  
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM  
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396  
Email: honganart @ ymail.com



Hoà Tiên

## CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

### Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

### Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: [www.hoatien.vn](http://www.hoatien.vn)
- Email: [thongtin@hoatien.vn](mailto:thongtin@hoatien.vn)

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin





Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

**08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666**

WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Restaurant

# Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy

*Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự*

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bọt lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

**Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ

**Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469  
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

**Trân trọng kính mời**



## Nhà hàng chay HOA KHAI

*Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng*

*Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...*

*Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân*

*Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan*

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com



Hoa Tươi Sắc Thắm  
Thành Tâm Cung Dưỡng



Nước Cầm Hoa  
**ASA**

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.



**CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH**

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

www.facebook.com/ASAsanphammoila



Đón đọc

# VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

SỐ 258

Phát hành ngày 1 - 10 - 2016

## CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

### HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo  
Bồ Đề Tâm - Giác mơ nhỏ  
9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm  
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình  
Hà Nội  
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân  
74 Quán Sứ, Hà Nội  
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh  
Anh Bùi Quý Dương  
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu  
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội  
ĐT: 0938071188 - 0904990666  
01227328866 - 01239519999

### QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm  
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB  
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)  
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

### THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý  
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức  
182 Phan Bội Châu, TP.Huế  
ĐT: 0905 168 411

### ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành  
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng  
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,  
chùa Phổ Đà  
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng  
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm  
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)  
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng  
ĐT: 05113873128

### QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành  
Văn hóa phẩm Phật giáo  
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi  
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211  
(chị Linh)

### BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng  
Phòng phát hành Hiến Nam  
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn  
ĐT: 0935 272 261

### KHÁNH HÒA

Chị Hương,  
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn  
số 20 đường 23 tháng 10  
TP.Nha Trang  
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

### NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,  
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8  
Phan Rang, Ninh Thuận  
ĐT: 068 3820 806

### DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,  
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu  
TP.Buôn Ma Thuột  
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

### LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ  
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt  
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ  
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc  
ĐT: 0169 8287 177  
(Cô Hường)

### BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang  
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu  
Bà Rịa - Vũng Tàu  
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên  
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,  
Bà Rịa - Vũng Tàu  
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

### SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu  
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng  
ĐT: 0907 465 073

### CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành  
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều  
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,  
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình  
TP.Cần Thơ  
ĐT: 0918800707 - 07103827685

### TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm  
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong  
TP.Mỹ Tho  
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt  
TP.Mỹ Tho  
ĐT: 0733.877.054

### VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường  
135B đường 2 tháng 9, P.1  
thị xã Vĩnh Long  
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654  
(Chú Tư Nở)

### TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3  
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách  
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG